CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

-------0O0-------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG IN ẤN NHÃN MÁC HÀNG HÓA TRÊN BAO BÌ BẰNG GIẤY – S&K 2

Địa điểm: Lô G5 - G6 Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, năm 2024

CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

-------0O0-------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG IN ẤN NHÃN MÁC HÀNG HÓA TRÊN BAO BÌ BẰNG GIẤY – S&K 2

Địa điểm: Lô G5 - G6, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đoàn Thị Thủy

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KIM DONG WOO

Bình Phước, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT 6
DANH MỤC BẢNG 7
DANH MỤC HÌNH 8
CHƯƠNG 1 9
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 9
1. Tên chủ dự án đầu tư 9
2. Tên dự án đầu tư 9
a. Tên dự án đầu tư 9
b. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư 9
c. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư 11
d. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): 11
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư 11
3.1. Công suất của dự án đầu tư 11
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư 12
Thuyết minh quy trình: 13
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư 13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư 14
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình thi công xây dựng ... 14
4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước trong quá trình hoạt động 14
4.2.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước trong quá trình hoạt động 14
a. Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất 14
b. Máy móc sản xuất 16
4.2.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện sử dụng trong quá trình hoạt động 19
4.2.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước sử dụng trong quá trình hoạt động 19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 20
5.1. Cơ cấu sử dụng đất 20
5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ 21
5.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường 22
CHƯƠNG II 24

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 24

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 24

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường 27

CHƯƠNG III 28
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 28

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật 28

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án 28

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án 29

CHƯƠNG IV 30
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 30

1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 30

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động 30

1.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải 31

a. Tác động của bụi và khí thải 31

b. Tác động của nước thải 38

c. Tác động của chất thải rắn thông thường 41

d. Tác động của chất thải nguy hại 42

1.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải 44

a. Tác động của tiếng ồn và độ rung 44

b. Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất 45

c. Tác động do ô nhiễm nhiệt 46

d. Tác động do tập trung đông công nhân 46

e. Tác động đến giao thông trong khu vực 47

f. Tác động của dự án đến môi trường kinh tế-xã hội và sức khỏe cộng đồng 47

1.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi rủi ro, sự cố của dự án 48

a. Sự cố cháy nổ 48

b. Sự cố tai nạn lao động 50

c. Sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất 50

d. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm 51

e. Sự cố đối với các công trình xử lý môi trường 51
1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện 52
1.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải 52
1.2.2. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 56
a. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải 56
b. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa 63
1.2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn 65
a. Chất thải rắn sinh hoạt 66
b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường 66
1.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 66
1.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 67
1.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường 67
a. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của Công ty 67
b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải 69
c. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố hệ thống xử lý khí thải 71
d. Đối với quá trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại 71
e. Sự cố hóa chất và khu chứa hóa chất 72
f. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại nhà máy 75
g. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động 76
h. Đối với xưởng sản xuất 77
i. An toàn vệ sinh thực phẩm 77
1.2.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): 78
a. Công trình, biện pháp để giảm thiểu nhiệt thừa 78
b. Biện pháp giảm thiểu tối ta đến kinh tế - xã hội 79
2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 79
2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự trù kinh phí, tiến độ thực hiện các công trình BVMT của dự án 79
2.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường 79
3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 81
3.1. Mức độ chi tiết của báo cáo 81
3.2. Về các phương pháp dự báo 82
3.3. Về các phương pháp tính 82
a. Đối với phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí và nước 82

b. Đối với phát thải gây ô nhiễm ồn 82

CHƯƠNG V 84
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC 84
CHƯƠNG VI 85
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 85

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 85

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải 85

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải 85

1.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải 85

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải 86

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục 86

1.3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường 87

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 87

2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải 87
2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải 88

2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải 88

2.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường 89

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 89

3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung 89
3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn độ rung 89
3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường 90

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 90

4.1. Quản lý chất thải 90
4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 92

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường 92

CHƯƠNG VII 93
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 93

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án 93

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 93
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 93

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: 94

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 94

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 94
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 95
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án..... 95

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 95

CHƯƠNG VIII 96
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 96

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Ký hiệu, chữ viết tắt	Nội dung mô tả
BOD	Biochemical oxygen demand - Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	Bộ Y tế
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Dissolved Oxygen - Hàm lượng oxy hòa tan
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
KCN	Khu công nghiệp
KHKT	Khoa học kỹ thuật
KW	Kilowatt
KV	Kilovolt
MVA	Megavolt-Ampere
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PGS.TS	Phó giáo sư – Tiến sĩ
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ-BXD	Quyết định – Bộ xây dựng
TCVN	Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TDS	Total dissolved solids - Tổng chất rắn hòa tan
TSP	Total Suspended Particles - Tổng bụi lơ lửng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
TSS	Total suspended solids - Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban Nhân dân
VOC	Volatile organic compounds - Hợp chất hữu cơ bay hơi
XLNT	Xử lý nước thải
WHO	World Health Organization - Tổ chức Y tế thế giới
Wp	Watt-peak

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí dự án 9
Bảng 1.2. Công suất của dự án 11
Bảng 1.3. Sản phẩm đầu ra của dự án 13
Bảng 1.4. Nguyên, vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành dự án 14
Bảng 1.5. Quy đổi khối lượng sản phẩm 15
Bảng 1.6. Cân bằng nguyên liệu đầu vào và đầu ra chất thải 16
Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án 17
BẢNG 1.8. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động dự án 19
Bảng 1.9. Cơ cấu sử dụng đất của dự án 20
Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của dự án 20
Bảng 4.1. Bảng tổng hợp nguồn gây tác động đến môi trường của dự án 30
Bảng 4.2. Ước tính lượng mùi, hơi dung môi VOC phát sinh từ quá trình in phun 34
Bảng 4.3. Tác hại của bụi và các chất ô nhiễm do khí thải 35
Bảng 4.4. Hệ số ô nhiễm của các chất ô nhiễm trong khí thải đốt dầu DO 36
Bảng 4.5. Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng 36
Bảng 4.6. Nồng độ các chất ô nhiễm khí từ khí thải củamáy phát điện 36
Bảng 4.7. Tải lượng ô nhiễm do hoạt động đun nấu 37
Bảng 4.8. Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ sự phân hủy kỵ khí nước thải 37
Bảng 4.9. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn 39
Bảng 4.10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt 40
Bảng 4.11. Các tác hại của các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường 40
Bảng 4.12. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường 42
Bảng 4.13. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án 42
Bảng 4.14. Mức ồn từ các loại xe cơ giới 44
Bảng 4.15. Tác động của tiếng ồn ở các dải cường độ 45
Bảng 4.16. Một số nguyên nhân gây ra cháy nổ tại các khu vực của Dự án 49
Bảng 4.17. Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải 51
Bảng 4.18. Thông số kỹ thuật của thiết bị hấp phụ hơi dung môi bằng than hoạt tính của hệ thống như sau: 55
Bảng 4.19. Thông số kỹ thuật của các hạng mục xử lý nước thải 60
Bảng 4.20. Các sự cố thường gặp và cách khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải 69
Bảng 4.21. Tiêu chuẩn các yếu tố vi khí hậu đối với loại hình lao động 78
Bảng 4.22. Đánh giá độ tin cậy các phương pháp được áp dụng 82
Bảng 6.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng nước thải 85
Bảng 6.2. Vị trí xả khí thải của dự án 88
Bảng 6.3. Giá trị giới hạn cho phép đối với tiếng ồn 89
Bảng 6.4. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung 89
Bảng 6.5. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh 90
Bảng 6.6. Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh 91

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án trong KCN 10
Hình 1.2. Quy trình sản xuất của dự án 12
Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN Minh Hưng III 29
Hình 4.1. Sơ đồ thông gió nhà xưởng 54
Hình 4.2. Sơ đồ mặt bằng và bể tự hoại 03 ngăn 58
Hình 4.3. Sơ đồ bể tách dầu mỡ 59
Hình 4.4. Hệ thống xử lý nước thải 70 m^3/ngày.đêm của dự án 59
Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa 64
Hình 4.6. Sơ đồ thu gom chất thải của Công ty 65
Hình 4.7. Tổ chức quản lý công tác môi trường 80

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

-Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

-Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1,B2,B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Kim Dong Woo - Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 0271.3645.215 Fax:0271.3645 216

-Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800361674, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/10/2022 của Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

-Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh 00001, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2023.

-Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số Dự án đầu tư 8769984145 chứng nhận lần đầu ngày 02/11/2018, cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 08/08/2023 do Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

2. Tên dự án đầu tư

a. Tên dự án đầu tư

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG IN ẤN NHÃN MÁC HÀNG HÓA TRÊN BAO BÌ BẰNG GIẤY – S&K 2.

b. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

❖Vị trí thực hiện dự án

Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2 được đầu tư xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 26.692,8m^2 tọa lạc tại Lô G5 - G6 Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phướ.

Vị trí địa lý của khu đất Dự án đầu tư tiếp giáp với các đối tượng sau:

-Phía Đông: Giáp đường Đ4;

-Phía Tây: Giáp đất trống;

-Phía Nam: Giáp Công ty TNHH Sam Woo IND;

-Phía Bắc: Giáp Công ty Cổ phần Giấy Ưu Việt.

Tọa độ giới hạn của Dự án đầu tư theo hệ tọa độ VN-2.000 như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ vị trí dự án

STT	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0)	
	X	Y
1	1268.415	538.704
2	1268.631	538.709
3	1268.627	538.588
4	1268.416	538.587

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

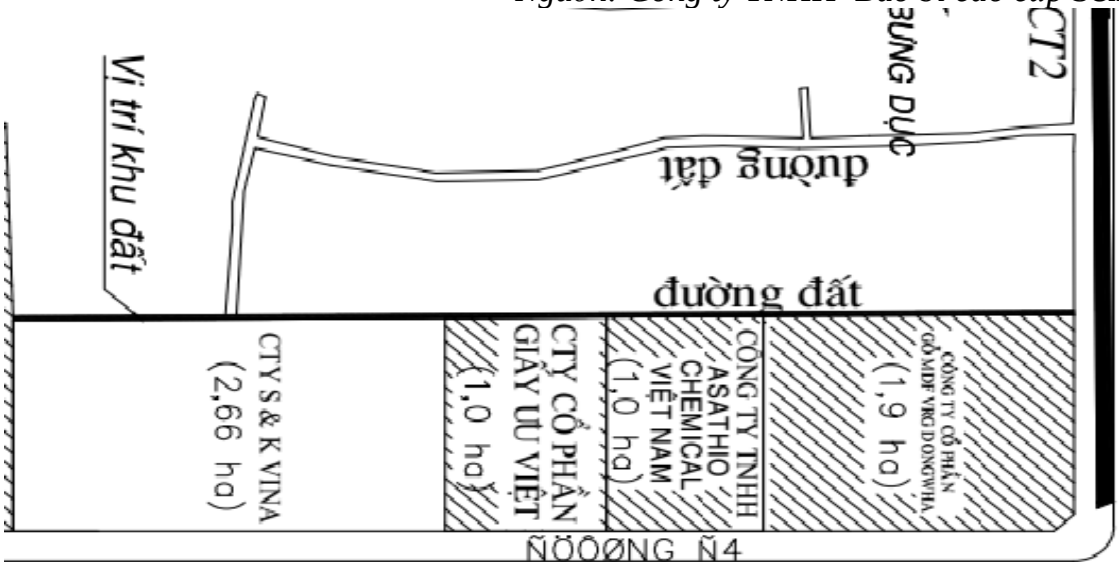

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí dự án trong KCN

❖Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và dân cư

Dự án nằm trong KCN, không có dân cư sinh sống nên đối tượng có nguy cơ chịu tác động bởi dự án chủ yếu là các công ty lân cận. Tuy nhiên theo quy hoạch của KCN có khoảng cách ly cần thiết nên khả năng ảnh hưởng đến các đối tượng này không cao.

KCN Minh Hưng III nằm tại phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Phía Đông giáp khu dân cư, phía Tây giáp với đất trồng cao su, phía Nam giáp với đất dân, phía Bắc giáp với đường quy hoạch vào Đồng Nơ. Cách thành phố Hồ Chí Minh 90 km, cách trung tâm thị xã Đồng Xoài 43 km.

Khoảng cách theo đường bộ từ KCN Minh Hưng III đến các đối tượng kinh tế, xã hội, tự nhiên như sau:

Vị trí dự án cách Thành phố Hồ Chí Minh 80 km; Trung tâm tỉnh Bình Dương 60 km; Campuchia 80 km; Sân bay Tân Sơn Nhất 90 km; Cảng Thạnh Phước Bình Dương 55 km; Cảng Cát Lái Tp. Hồ Chí Minh 100 km.

-Việc tiếp cận dễ dàng với các hệ thống hạ tầng cả về đường bộ, đường thủy và đường hàng không sẽ giúp cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu rất thuận lợi.

❖ Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án

Vị trí thực hiện dự án thuộc KCN Minh Hưng III, Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina đã ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty CP KCN cao su Bình Long. Hiện nay, các khu vực xung quanh dự án chủ yếu là các cơ sở sản xuất công nghiệp. Hiện trạng tiêu thoát nước của khu vực rất tốt, không xảy ra tình trạng ngập úng.

c. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

-Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng: Ban Quản lý các Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước.

d. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

-Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8769984145, chứng nhận lần đầu ngày 02/11/2018, cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 08/08/2023 bởi Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp, tổng vốn đầu tư của dự án là 184.380.000.000 đồng.

-Căn cứ Khoản 4 Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019, dự án thuộc lĩnh vực đầu tư công nghiệp;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 06 năm 2019, dự án thuộc nhóm B;

- Căn cứ STT 2 Phụ lục IV Phụ lục Nghị định 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc nhóm II;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, dự án thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Bảng 1.2. Công suất của dự án

Stt	Tên sản phẩm	Quy mô theo KHBVMT đã phê duyệt (Sản phẩm/năm)		Quy mô theo thực tế (Sản phẩm/năm)	
		Sản xuất và gia công	Gia công in ấn nhãn	sản xuất và gia công	gia công in ấn nhãn
1	Túi giấy (paper bag)	**38.000.000**	**38.000.000**	**38.000.000**	**38.000.000**
2	Phong bì (Stationnery)	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000

3	Hộp giấy (paper box)	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
4	Card giấy và các sản phẩm hộp quà khác	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Tổng cộng		**70.000.000**	**70.000.000**	**70.000.000**	**70.000.000**
Cho thuê nhà xưởng (m^2)		**Không có**		**22.000**	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Mục tiêu cho Thuê nhà xưởng của Công ty là dự kiến khi Công ty có quá ít đơn hàng sẽ dẫn đến ảnh hưởng việc hoạt động đầu ty của Công ty. Công ty sẽ cho thuê toàn bộ nhà xưởng, và sẽ rút toàn bộ máy móc về Nhà xưởng S&K 1 (nhà máy chính) tại Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục hoạt động. Vì Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina Sản xuất xuất khẩu 100% cho các thương hiệu lớn của toàn cầu; nhu cầu họ thay đổi thì S&K cũng phải thay đổi thực tế tình hình sản xuất theo.

Công ty cam kết khi có sự thay đổi về việc cho thuê này, Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina sẽ yêu cầu đơn vị thuê nhà xưởng thực hiện đầy đủ hồ sơ môi trường, còn đối với Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina khi có chính xác thông tin cho thuê nhà xưởng, sẽ thực hiện các hồ sơ liên quan đến môi trường trước khi di dời máy móc về Nhà xưởng S&K 1 (nhà máy chính) tại Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục hoạt động.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Sơ đồ quy trình sản xuất

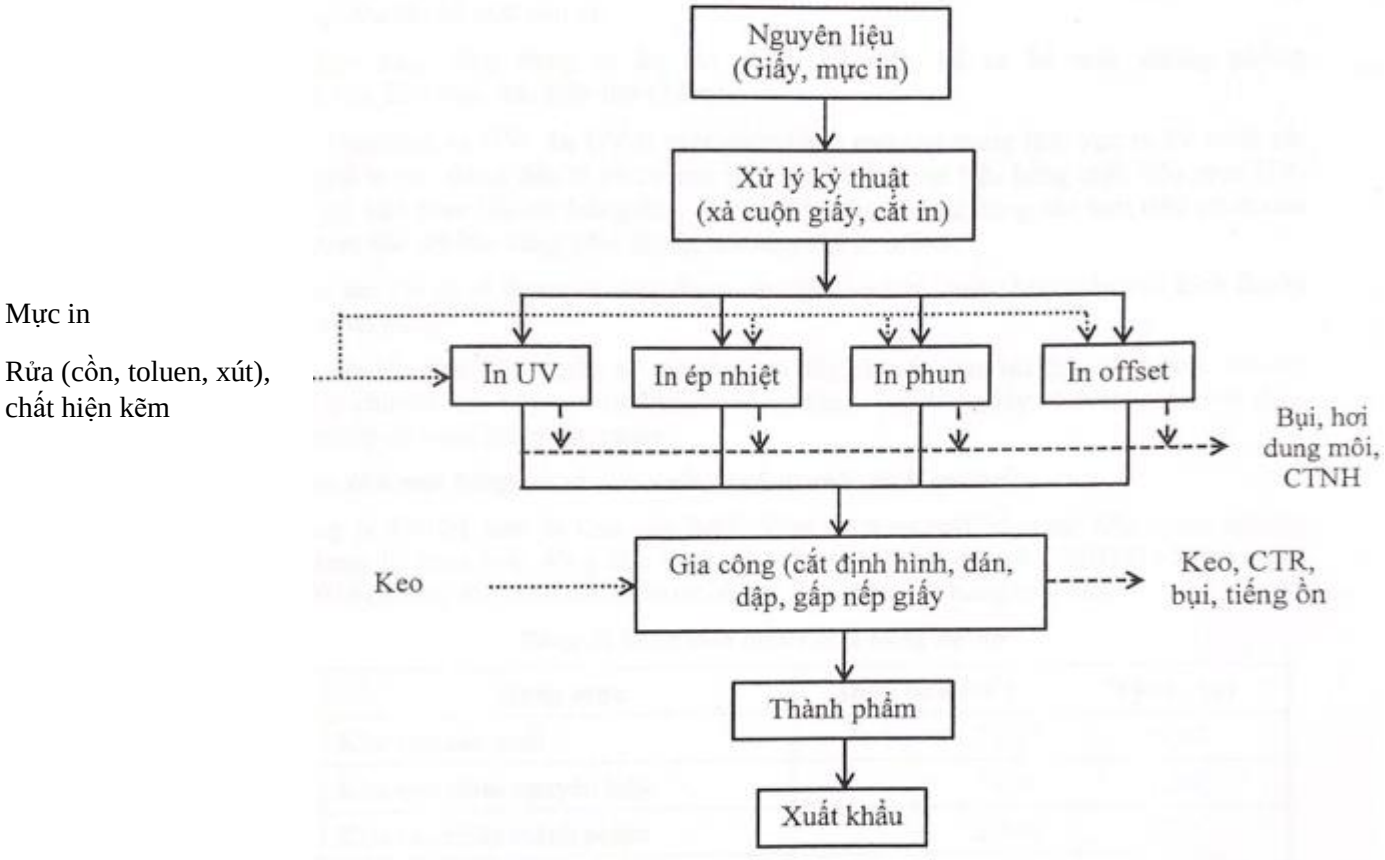

Hình 1.2. Quy trình sản xuất của dự án

❖**Thuyết minh quy trình sản xuất**

Thuyết minh quy trình:

Hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là gia công các mặt hàng bao bì. Các nguyên liệu, phụ liệu được nhập về, tùy theo yêu cầu của khách hàng mà công ty sẽ gia công để tạo những sản phẩm phù hợp và xuất khẩu sang thị trường các nước.

Giấy sau khi nhập về nhà máy được đưa qua máy xả cuộn giấy và máy cắt khổ giấy để cắt khổ nhỏ hơn, thuận tiện cho quá trình in ấn sản phẩm.

Sau khi cắt khổ giấy được đưa qua công đoạn in mẫu mã theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng. Các quá trình in được diễn ra cụ thể như sau:

- Quá trình in phun: In phun là một kỹ thuật in trực tiếp mà các khuôn in không cần phải tiếp xúc với bề mặt in, chúng sử dụng các giọt mực nhỏ thông qua phần đầu in mà đầu in sẽ di chuyển liên tục trên bằng truyền cho đến khi quá trình in ấn hình ảnh được hoàn thành.

- Quá trình in ép nhiệt: In ép nhiệt không sử dụng mực in. Máy sử dụng bản mẫu trên giấy than và được in lên vật liệu bằng phương pháp ép nhiệt.

- Quá trình in offset: In offset là một kỹ thuật in ấn trong đó, các hình ảnh dính mực in được ép lên các tấm cao su (còn gọi là tấm offset) trước rồi mới ép từ miếng cao su lên giấy. Khi sử dụng với in thạch bản, kỹ thuật này tránh được việc làm nước bị dính lên giấy theo mực in. Các ưu điểm của kỹ thuật in này là:

+ Chất lượng hình ảnh cao – nét và sạch hơn in trực tiếp từ bản in lên giấy vì miếng cao su áp đều lên bề mặt cần in.

+ Khả năng ứng dụng in ấn lên nhiều bề mặt, kể cả bề mặt không phẳng (như gỗ, vải, kim loại, da, giấy thô nhám)

- Quá trình in UV: In UV là một phân khác cao cấp trong lĩnh vực in kỹ thuật số, công nghệ in này dùng đầu in phun trực tiếp lên bề mặt vật liệu bằng chất liệu mực in UV. Sau đó sấy khô mực lập tức bằng đèn. Máy in UV thường sử dụng các loại đầu phun cao cấp để đảm bảo độ bền cũng như độ sắc nét như khi in offset.

Giấy sau khi in sẽ đưa qua công đoạn cắt định hình túi hoặc hộp giấy với kích thước theo đơn đặt hàng.

Sau khi cắt định hình, giấy sẽ chuyển qua dây chuyền làm túi thủ công, bán tự động hoặc tự động; dây chuyền làm hộp thủ công, bán tự động hoặc tự động. Tại đây, giấy sẽ được gia công dập, gấp nếp, dán,… để hoàn thiện sản phẩm.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1.3. Sản phẩm đầu ra của dự án

Stt	Tên sản phẩm	Quy mô theo KHBVMT đã phê duyệt (Sản phẩm/năm)		Quy mô theo thực tế (Sản phẩm/năm)	
		Sản xuất và gia công	Gia công in ấn nhãn	sản xuất và gia công	gia công in ấn nhãn
1	Túi giấy (paper bag)	**38.000.000**	**38.000.000**	**38.000.000**	**38.000.000**

2	Phong bì (Stationnery)	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
3	Hộp giấy (paper box)	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
4	Card giấy và các sản phẩm hộp quà khác	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Tổng cộng		**70.000.000**	**70.000.000**	**70.000.000**	**70.000.000**
Cho thuê nhà xưởng (m^2)		**Không có**		**22.000.000**	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình thi công xây dựng

Dự án đã xây dựng hoàn thành các công trình theo các giấy phép xây dựng đã được cấp, giai đoạn nâng công suất này dự án chỉ bổ sung mục tiêu hoạt động, không xây dựng thêm công trình. Do đó, trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chỉ đánh giá cho giai giai đoạn vận hành của Dự án, không đánh giá giai đoạn lắp đặt máy móc và xây dựng.

4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước trong quá trình hoạt động

4.2.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước trong quá trình hoạt động

a. Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

❖ **Nguyên, vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành dự án**

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư dự kiến sử dụng các loại nguyên vật liệu, hóa chất chính sau:

Bảng 1.4. Nguyên, vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng		Tăng/giảm	Công dụng
			Trước khi mở rộng	Sau khi mở rộng		
1	Dây	met	1.000.000	1.000.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà,
2	Giấy bìa	Kg/ Tháng	50.000	50.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà,
3	Giấy	Kg/ Tháng	100.000	100.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng		Tăng/giảm	Công dụng
			Trước khi mở rộng	Sau khi mở rộng		
4	Keo	Kg/tháng	8.000	8.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà
5	Nhũ in	Cuộn/ Tháng	1.000	1.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà
6	Mực in	Kg/ tháng	8.000	8.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà
7	Cồn/toluent	Lít/ tháng	800	800	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà
8	Chất hiện kẽm	Lít/ tháng	500	500	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà
9	Kim tuyến	Kg/ tháng	1.000	1.000	0	Nguyên liệu làm túi giấy, hộp đựng quà

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Nguyên liệu ban đầu sử dụng cho nhà máy hoàn toàn được nhập từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam,.... Công ty TNHH Bao Bì Cao Cấp S&K Vinacam kết tất cả các nguyên liệu, vật liệu sử dụng tại Công ty không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

Các máy móc phục vụ sản xuất của dự án sử dụng điện để hoạt động, không sử dụng các nhiên liệu như dầu DO, xăng…

❖Thành phần, tính chất của các loại hóa chất

- Keo sử dụng là keo resin – thành phần nhựa tổng hợp, một phần nhỏ Ethylene được nhập khẩu từ Hàn Quốc (có đính kèm MSDS tại phụ lục).

- Mực in sử dụng tại Nhà máy cũng nhập từ từ Hàn Quốc (có đính kèm MSDS tại phụ lục). Thành phần chính là toluene, vinyl acetate

- Toluen: là một chất lỏng rất dễ cháy, Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường thở, Gây tổn thương các cơ quan khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại, gây kích ứng da.có đính kèm MSDS tại phụ lục)

Bảng 1.5. Quy đổi khối lượng sản phẩm

STT	Sản phẩm	Định lượng	Khối lượng sản phẩm	Quy đổi trọng lượng

1	Túi giấy (paper bag); Phong bì (Stationnery) Hộp đựng quà (Gift box); Card giấy và các sản phẩm hộp quà khác;	4,019 gram/ sp	70.000.000 Sp/năm = 5.833.333Sp/tháng	281.330kg/ năm = 23.444kg/ tháng

Nguồn: Công ty TNHH Bao Bì Cao Cấp S&K Vina

Bảng 1.6. Cân bằng nguyên liệu đầu vào và đầu ra chất thải

Sản phẩm	**Khối lượng (kg/ tháng)**		
	Đầu vào	**Đầu ra**	**CTR**
Túi giấy (paper bag); Phong bì (Stationnery) Hộp đựng quà (Gift box); Card giấy và các sản phẩm hộp quà khác;	23.561	23.444	117

Nguồn: Công ty TNHH Bao Bì Cao Cấp S&K Vina

b. Máy móc sản xuất

Chủ đầu tư dự kiến sử dụng thiết bị máy móc đạt tiêu chuẩn và được sản xuất theo thông số kỹ thuật đúng yêu cầu. Danh mục máy móc phục vụ cho hoạt động của dự án đầu tư dự kiến như sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án

Stt	Tên máy móc		Số lượng			Thông số kỹ thuật			
			Theo KHBVMT đã đăng ký	Thực tế hiện nay	Tăng (+) / giảm (-)	Điện áp (V)	Công suất (KW)	Khối lượng (Kg)	Kích thước DxRxC (mm)
A	**DANH MỤC MÁY MÓC CHÍNH**								
1	Máy in offset 5 màu	Auto offset 5 color printing	6	4	-2	220	80.5	42000	11500*4000*3000
2	Máy in offset 4 màu	Auto offset 4 color printing	0	2	+2	220	80.5	49900	9500*4000*3000
3	Máy in offset 6 màu	Auto Offset 6 color printing	1	1	0	220	166.4	65000	20000*5000*3500
4	Máy cán màng tốc độ cao	Thermal film laminating / Emboss machine	2	4	+2	380	40.0	5000	6300*2400*1900
5	Máy cán màng BOPP	BOPP film Laminating machine	0	1	+1	380	93.0	10000	11025*1900*2780
6	Máy in lụa tự động	Auto Glitting/ UV Machine	2	4	+2	380	32.7	10000	16000*3000*3000
7	Máy in lụa định vị túi giấy tự động	Auto UV Machine	0	1	+1	380	9.5	2200	4258*980*1825
8	Máy cắt giấy	Semi Paper Cutting Machine	7	4	-3	380	4.0	3800	2910*1340*1935
9	Máy dập tự động	Auto Scoring machine	2	6	+4	380	8.0	7100	
10	Máy in nhiệt & dập tự động	Auto H/S Machine	0	1	+1	380	8.0	8000	4120*2100*2300
11	Máy làm túi giấy tự động	Auto CT Bag machine	0	5	+5	380	35.0	14000	21000*3250*1800
12	Máy dán keo đầu tự động	Auto turn top Machine	1	2	+1	380	27.0	14000	16100*3150*1800
13	Máy gấp dán hộp tự động	Shirts box side gluing Machine	0	1	+1	220	36.0	11200	17500*2000*1700
14	Máy làm quai túi xách	Handle patch machine	0	2	+2	380	4.8	1500	3000*2300*1900

15	Máy màng co	Shrink film machine	0	1	+1				
16	Máy mài dao	Blade grinder	0	1	+1				
17	Máy dập bán tự động	Semi Scoring machine	0	10	+10	380	4.0	4800	2220*1450*1600
18	Máy in nhiệt tự động	Auto H/S machine	8	4	-4	380	46.0	19000	6260*4560*2580
19	Máy in nhiệt bán tự động	Semi H/S Machine	0	8	+8	220	9.0	5200	3004*1930*1900
B	**DANH MỤC MÁY MÓC PHỤ TRỢ (LÀM SẢN PHẨM MẪU)**								
1	Máy phơi bản lụa	Screen frame making	1	1	0	-	-	-	-
2	Máy căng bản lụa	Screen frame holder	1	1	0	-	-	-	-
3	Máy bôi keo bản lụa	Screen frame fixing	1	1	0	-	-	-	-
4	Máy sấy bản	Screen frame dryer	1	1	0	-	-	-	-
5	Máy đo màu quang phổ	Spectrograph machine	2	1	+1	-	-	-	-
6	Máy định vị tấm kẽm	Plate positioning	0	2	+2	-	-	-	-
7	Máy kiểm tra màu	Color Checking Machine	0	1	+1	-	-	-	-
8	Máy rửa bản kẽm	Plate processor	0	2	+2	-	-	-	-
9	Máy in mẫu CTP	CTP machine	0	2	+2	-	-	-	-
10	Máy in mã vạch	Barcode Printing machine	0	1	+1	-	-	-	-
11	Máy cắt mẫu	Sample Plotter machine	0	3	+3	-	-	-	-
12	Máy rung giấy	Transport vibration tester	0	1	+1	-	-	-	-
13	Máy kiểm tra độ ẩm	Heat oven machine	0	1	+1	-	-	-	-
14	Máy thử màu mực trên giấy	Ink Printability Tester	0	1	+1	-	-	-	-
15	Máy xếp giấy	Paper vibrating machine	0	1	+1	-	-	-	-

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

4.2.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện sử dụng trong quá trình hoạt động

❖ Nguồn cung cấp điện

Nguồn cung cấp: Công ty Điện lực Chơn Thành.

❖Mục đích sử dụng:

Sử dụng cho máy móc phục vụ sản xuất, thiết bị trong văn phòng và chiếu sáng.
Nhu cầu sử dụng điện của Công ty hiện nay trung bình khoảng 30.000Kwh/tháng,...

4.2.3. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước sử dụng trong quá trình hoạt động

Nhu cầu sử dụng nước của Công ty hiện nay được tính như sau:

-Nước sinh hoạt của công nhân viên đang làm việc tại công ty là 465 người:

80 lít/ người.ca x 465 người = 37,2 m^3/ngày (QCVN 01:2021/BXD)

-Nước sử dụng cho nhu cầu ăn uống, chuẩn bị bữa ăn của công nhân viên, vệ sinh sàn nhà ăn tại Công ty (Nước sử dụng nhà ăn): 25lít/ người x 465 người = 11,625 m^3/ngày (Theo TCXD 33-2006)

-Nước sử dụng cho tưới cây (5 lít/m^2/ngày đêm (QCVN 01:2021/BXD): = (5.391,9 x 5)/1000 = 30,7 m^3/ngày

-Nước rửa đường và đường nội bộ (0,4 lít/m^2/ngày đêm (QCVN 01:2021/BXD): = (6.077,9 x 0,4)/1000 = 2,5 m^3/ngày

-Tổng lượng nước cấp phát sinh tại nhà máy: 37,2 + 11,625 + 30,7 + 2,5 = 82 m^3/ ngày

Nước thải sản xuất: Nhà máy không sử dụng nước trong quá trình sản xuất

Nhu cầu nước sử dụng cho PCCC

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức sử dụng nước chữa cháy là 5 lít/s.

Nhu cầu sử dụng nước chữa cháy cho 01 đám cháy, thời gian chữa cháy 3h liên tục là:
Q_{PCCC} = 5 x 3 x 3600/1000 = 54 m^3/đám cháy

Nguồn nước cấp PCCC không sử dụng thường xuyên, chỉ sử dụng khi có hoả hoạn.

Căn cứ theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước sử dụng.

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn hoạt động dự án

TT	Hạng mục	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)	Định mức phát thải	Chu kỳ xả thải
I	**Nước cấp sinh hoạt**			**48,825**	**48,825**		

TT	Hạng mục	Quy mô	Tiêu chuẩn	Nhu cầu (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)	Định mức phát thải	Chu kỳ xả thải
1.1	Nước cấp sinh hoạt	*465 người*	*80 lít/người*	37,2	37,2	*100% nước cấp*	Hàng ngày
1.2	Nước dùng cho nấu ăn	*465 người*	*25 lít/suất ăn*	11,625	11,625	*100% nước cấp*	Hàng ngày
III	**Nước tưới cây**	*5.391,9 m^2*	*5 lít/m^2/ngày đêm (QCVN 01:2021/BXD)*	30,7	-	-	-
IV	**Nước rửa đường**	*6.077,9 m^2*	*0,4 lít/m^2/ngày đêm (QCVN 01:2021/BXD)*	2,5	--	--	--
	TỔNG CỘNG (Không bao gồm nước tưới cây, rửa đường, PCCC)			**82**	**48,825**		

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Cơ cấu sử dụng đất

Chi tiết cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1.9. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
3	Đất xây dựng	15.223	57,04
4	Đất cây xanh	5.391,9	20,2
5	Đất giao thông, sân bãi	6.077,9	22,76
	Tổng diện tích	**26.692,8**	**100%**

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Các hạng mục công trình của dự án như sau:

Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích		Ghi chú
		m^2	%	
1	Nhà xưởng 2C	750	2,82%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng 03 tầng, diện tích sàn 2.250m^2
2	Nhà xưởng văn phòng	11.084	44,52%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng 02 tầng, diện tích sàn 22.168m^2
3	Mái che ram dốc container	60	0,27%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng tầng, diện tích sàn 60m^2
4	Nhà ăn công nhân	1.250	4,68%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 1.250 m^2
5	Nhà nghỉ giữa ca	212	0,79%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng

				02 tầng, diện tích sàn 424m^2
6	Nhà vệ sinh công nhân	171	0,64%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 171 m^2
7	Nhà bảo trì	90	0,34%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 90 m^2
8	Nhà xe 2 bánh	1.300	4,87 %	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng 02 tầng, diện tích sàn 2600m^2
9	Nhà bảo vệ	40	0,15%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng 02 nhà, mỗi nhà 20m^2
10	Nhà xe hơi	96	0.36%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 960m^2
11	Hồ nước ngầm	96	0.36%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng Thể tích xây dựng 403,2 m^3
12	Trạm điện	40	0.15%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 40m^2
13	Nhà chứa rác	60	0.22%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng diện tích sàn 60m^2
14	Hồ xử lý nước thải sinh hoạt	70	0.26%	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng Thể tích xây dựng 294 m^3
15	Cây xanh	5.391,9	20,2%	
16	Đất giao thông	6.077,9	22,76%	
Tổng		**26.692,8**	**100%**	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

❖Hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải tại Công ty được tách riêng biệt.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế: độ dốc thiết kế: 0,3%.

Ống PVC⦸114.

Ống bê tông thườngØ 400 trong khuôn viên công ty.

Ống bê tông cường lực Ø 400 - Ø 600 đối với đoạn ống có đi qua đường có tải nặng.

Hệ thống thoát nước mưa hiện tại của dự án được bố trí dọc theo nhà xưởngvà bố trí các hố ga chạy dọc theo. Nước mưa được thu gom và các tuyến ống thoát nước mưa sau đó xả ra hệ thống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng III.

❖Hệ thống thoát nước thải

Công ty đã xây dựng Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m^3/ngày đêm. Hiện nay tại Công ty có hoạt động nấu ăn, do đó nước thải phát sinh từ nhà ăn và nhà vệ sinh được thu gom và xử lý tại hệ nước thải công suất 70 m3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT,Cột B (Kq=0,9; Kf=1,1) trước khi đấu nối dẫn về khu công nghiệp tại 01 vị trí đấu nối.

❖Hệ thống cấp nước

Nguồn cung cấp nước: Hiện nay Công ty TNHH Bao Bì Cao Cấp S&K Vina sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty TNHH cấp thoát nước Bình Dương.

❖Hệ thống cấp điện

Hiện nay, điện được sử dụng cấp cho các máy móc thiết bị của nhà máy, phục vụ chiếu sáng công trình sử dụng nguồn điện quốc gia qua tuyến 220 kV dọc theo quốc lộ 13.

Nguồn cấp điện: Công ty Điện lực Bình Phước – Điện lực Chơn Thành.

❖Bưu chính viễn thông

Có mạng thông tin liên lạc hoàn chỉnh. Công ty đã trang thiết bị điện thoại và máy fax để đảm bảo thông tin liên lạc với các cơ quan hữu quan và khách hàng, đảm bảo cho hoạt động ổn định và hiệu quả của Côngty.

5.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Dự án: hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải tại Công ty được tách riêng biệt.

❖Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa hiện hữu: được xây âm dưới nền, khép kín đường kínhcống thu gom nước mưa: D600, cống BTCT hở 2 đầu, hướng độ dốc I = 0,3%, hệ thống nước mưa nhà máy được đấu nối nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

❖Hệ thống thu gom và thoát nước thải:

Nước thải phát sinh từ nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu, nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý bởi bể tự hoại 5 ngăn sau đó được dẫn hệ thống xử lý nước thải với công suất 70m^3/ngày đêm, để đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT,Cột B (Kq=0,9; Kf=1,1) trước khi đấu nối dẫn về khu công nghiệp.

❖Hệ thống thu gom xử lý khí thải:

Hiện nay, Công ty đã lắp đặt và sử dụng máy in offset 5 màu (4 cái), máy in offser 4 màu (2 cái) và máy in offset 6 màu (01 cái). Trong quá trình sản xuất, công đoạn in ấn đã được lắp đặt HTXL khí thải tại máy in offset 4 màu, máy in offset 5 màu và máy in offset 6 màu với công nghệ xử lý: khí thải→ chụp hút→hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính→ ống thoát, cụ thể:

Khí thải phát sinh từ quá trình in ấn tại xưởng Offset được thu gom qua các chụp hút, nhờ có gắn bơm hút đi vào hệ thống xử lý, tại hệ thống xử lý có sử dụng than hoạt tính để giữ lại dòng khí có chứa bụi và hơi dung môi phát sinh từ quá trình in. Dòng khí sạch qua ống được đưa ra ngoài.

Đối với máy in UV: máy in sử dụng mực in UV, công nghệ in UV là công nghệ in thân thiện với môi trường. Tuy nhiên để xử lý triệt để hơi dung môi, Công ty đã lắp đặt chụp hút → xử lý bằng than hoạt tín → Khí sạch thoát ra môi trường.

Khí thải sau xử lý thoát ra ngoài đảm bảo đạt quy định cho phép.

Đối với máy in hình dạng ép nhiệt không sử dụng mực in, Máy sử dụng bản mẫu trên giấy than và in lên vật liệu bằng phương pháp ép nhiệt. nên lượng khí thải phát sinh do thao tác in nhanh và nhiệt độ in không cao. Công ty đã cho bố trí nhà xưởng khu vực in thông thoáng,

lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống, không lắp đặt hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi cho máy in máy in hình dạng ép nhiệt không sử dụng mực in.

❖**Xử lý bụi**

Đối với bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm:

Thường xuyên tưới đường để giảm thiểu lượng bụi và khí phát sinh.

Tắt máy các phương tiện vận chuyển khi bốc dỡ hàng hóa.

Đối với bụi và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất:

Trang bị khẩu trang cho công nhân

❖**Kho lưu giữ, xử lý chất thải rắn:**

Công ty đã xây dựng nhà kho chứa rác với tổng diện tích 60 m^2 trong đó kho lưu trữ rác thải công nghiệp thông thường với diện tích 20 m^2; kho lưu trữ rác thải sinh hoạt với diện tích 20 m^2 và kho lưu trữ chất thải nguy hại với diện tích 20 m^2.

❖**Công trình phòng ngừa sự cố do cháy nổ**

Hệ thống PCCC của Nhà máy được thiết kế áp dụng theo các tiêu chuẩn sau:

-Tiêu chuẩn TCVN 5760 : 1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.

-Tiêu chuẩn TCVN 4513 : 1993 Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.

-Tiêu chuẩn TCVN 5739 : 1993 Thiết bị chữa cháy – Đầu nối.

-Tiêu chuẩn TCVN 2622 : 78 và TCVN 2622 : 1995 Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình.

Hệ thống báo cháy kiểm soát có tính năng kỹ thuật của một hệ thống báo cháy chuyên dụng:

-Hiển thị chính xác vị trí khu vực khi có sự cố phát hiện cháy

-Báo động tức thì

-Báo lỗi nguồn khi có sự cố nguồn

-Báo lỗi vùng khi có sự cố vùng

-Các thiết bị ngoại vi bao gồm: 01 trung tâm báo cháy có nhân viên trực 24/24

-Đầu báo khói, đầu báo nhiệt, công tắc khẩn, còi báo cháy lắp đặt tại các phòng, các tầng của công trình.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Về Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia: Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó:

Về mục tiêu cụ thể:

"- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả tài nguyên, hướng tới đạt được mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường

- Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường.

- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng: Quyết định số 463/QĐ-TTTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đồng Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó: "Đầu tư các nhà máy thu gom và xử lý chất thải rắn, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp... Cụ thể hóa phương hướng tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên phạm vi lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ được đề ra trong các quy hoạch cấp quốc gia; là cơ sở để lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị trên phạm vi lãnh thổ vùng nhằm đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch".

- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh

+ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, Tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đề cập: 100% các khu, cụm công nghiệp, đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; trên 70% chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Nghị quyết số: 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập: "Ưu tiên phát triển hạ tầng số gắn với phát triển thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu, lộ trình chuyển đổi số, trọng tâm là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạng lưới truyền tải điện vào nhà máy, khu, cụm công nghiệp, phục vụ cung ứng điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Xây dựng các cơ sở xử lý rác thải tập trung, xử lý rác thải rắn sinh

hoạt, xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, hệ thống quan trắc môi trường, hệ thống khai thác, cung cấp nước sinh hoạt, các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp".

+ Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/07/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Phước, trong đó đề cập: "Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp nước, cấp điện thông tin liên lạc, xử lý chất thải công nghiệp và đô thị".

+ Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 17/04/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Cơ sở Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2030 có đề cập:

"Các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất nhằm hạn chế phát sinh khí thải; nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường; lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuân kỹ thuật môi trường; lăp đặt và vận hành thiêt bị quan trăc khí thải tự động, liên tục".

"Tăng cường quản lý và kiểm soát chất thải rắn công nghiệp thông thường từ nguồn thải đến phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý theo quy định"

"Chất thải rắn nguy hại phải được quản lý và kiểm soát chặt chẽ từ nguồn thải đến thu gom, vận chuyển và xử lý cuối cùng"

Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng, Bình Phước sẽ phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu xây dựng, công nghệ thông tin,… Chú trọng nâng cao trình độ công nghệ; mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp. Đối với công nghiệp chế biến: Phát triển công nghiệp chế biến sâu theo hướng cụm ngành; phát triển 03 nhóm ngành chủ lực: chế biến điều, chế biến cao su và gỗ, chế biến thực phẩm (các sản phẩm từ gia súc, gia cầm).

Đối với quy hoạch phát triển của KCN Minh Hưng III:

Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2 nằm trong khu quy hoạch phát triển của KCN Minh Hưng III. KCN được đầu tư hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng để mời gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển công nghiệp. Do vậy, việc đầu tư xây dựng cơ sở tại Lô G5 - G6 Đường Đ4, KCN Minh Hưng III của Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Khu công nghiệp.

KCN Becamex – Bình Phước đã được các cơ quan chức năng cấp các quyết định sau:

-Công văn số 575/TTg-KTN ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch các KCN của tỉnh Bình Phước.

-Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 của UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành về phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Phước.

Công văn số 1005/TTg-NN ngày 30/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh

chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp và đất ở tại đô thị.

Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 30/03/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 mở rộng Khu công nghiệp Minh Hưng III giai đoạn 2;

Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2022 về thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long.

– Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

Cơ sở "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long–GĐ1" được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 22/05/2008 theo quyết định số 1042/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước.

Cơ sở "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long–GĐ 2" được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 17/12/2008 theo quyết định số 2735/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1769/QĐ - UBND ngày 15/08/2014 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – cao su Bình Long – giai đoạn 1 – diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư)" do Công ty Cổ phần khu công nghiệp Cao su Bình Long làm chủ đầu tư.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2947/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban Nhân Dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng III – cao su Bình Long – giai đoạn 2 diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp cao su Bình Long làm chủ đầu tư.

Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 07/GXN-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ngày 30/05/2013 về nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m^3 /ngày.đêm của KCN Minh Hưng III.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 62/GP-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Phước.

Văn bản số 2153/UBND-KT ngày 26/07/2019 về việc điều chỉnh quy trình, công nghệ xử lý nước thải so báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt của KCN Minh Hưng III.

Giấy phép xả thải giai đoạn 1 và 2 công suất 4.000 m^3 /ngày.đêm đã được Bộ tài nguyên và môi trường cấp giấy phép xả thải số 265/GP-BTNMT ngày 31/12/2020.

Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 07/GXN-STNMT ngày 08/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước với hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III, giai đoạn 1 và 2, công suất 4.000 m^3 /ngày.đêm.

Địa điểm thực hiện nằm tại Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo

Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 2947/QĐ- UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước.

Khu Công Nghiệp Minh Hưng III được quy hoạch với tổng diện tích sau quy hoạch điều chỉnh có tổng diện tích 293,872ha với nhiều ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư trong đó có ngành nghề sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy.

Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina hoạt động sản xuất sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy thuộc ngành nghề trên do đó việc triển khai cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và định hướng ngành nghề phát triển của KCN.

Như vậy, có thể thấy việc đầu tư thực hiện Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2 là hoàn toàn phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, lượng nước thải phát sinh tối đa tại dự án là 48,8 m^3/ngày.đêm, Nhà máy XLNT KCN Minh Hưng III có tổng công suất 8.550 m^3. Hiện nay, KCN đã xây dựng và đang vận hành giai đoạn 1 có công suất 2.000 m3 /ngày.đêm, đáp ứng các tiêu chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra suối Bưng Rục, đảm bảo cho các công ty hoạt động hiệu quả không gây ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Dự án được thực hiện trong Địa điểm thực hiện nằm tại Khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 2947/QĐ- UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy phép xả thải giai đoạn 1 và 2 công suất 4.000 m^3 /ngày.đêm đã được Bộ tài nguyên và môi trường cấp giấy phép xả thải số 265/GP-BTNMT ngày 31/12/2020; Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 07/GXN-STNMT ngày 08/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước với hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Minh Hưng III, giai đoạn 1 và 2, công suất 4.000 m^3 /ngày.đêm.

Khu công nghiệp Minh Hưng III đã đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, do đó theo quy định tại ***Điểm c, Khoản 2, Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không phải thực hiện quá trình đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư***. Do đó, trong phạm vi báo cáo không thực hiện đánh giá nội dung này.

(Đính kèm bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp Minh Hưng III tại Phụ lục báo cáo).

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải sản xuất 70 m^3/ngày.đêm, sau đó sẽ thoát ra hệ thống thoát nước thải của KCN và dẫn về trạm XLNT tập trung của KCN để tiếp tục được xử lý trước khi thải ra môi trường. Chủ dự án sẽ hợp đồng với Hạ tầng Khu công nghiệp để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh. Do đó, trách nhiệm quản lý xả thải ra môi trường bên ngoài sẽ thuộc về trách nhiệm của đơn vị quản lý hạ tầng KCN. Vì vậy, trong phạm vi báo cáo sẽ tập trung đánh giá các đặc điểm liên quan đến KCN Minh Hưng III và hiện trạng hạ tầng – kỹ thuật nói chung cũng như hiện trạng thu gom xử lý nước thải của KCN Minh Hưng III nói riêng.

❖Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sau xử lý của dự án sẽ được thu gom về hệ thống thoát nước thải của KCN và đưa về Trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý trước khi xả thải ra môi trường bên ngoài. Do đó, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án cũng chính là nguồn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III.

Hiện nay, KCN đã xây dựng và đang vận hành giai đoạn 1 có công suất 2.000 m^3 /ngày.đêm, đáp ứng các tiêu chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra suối Bưng Rục, đảm bảo cho các công ty hoạt động hiệu quả không gây ô nhiễm môi trường.

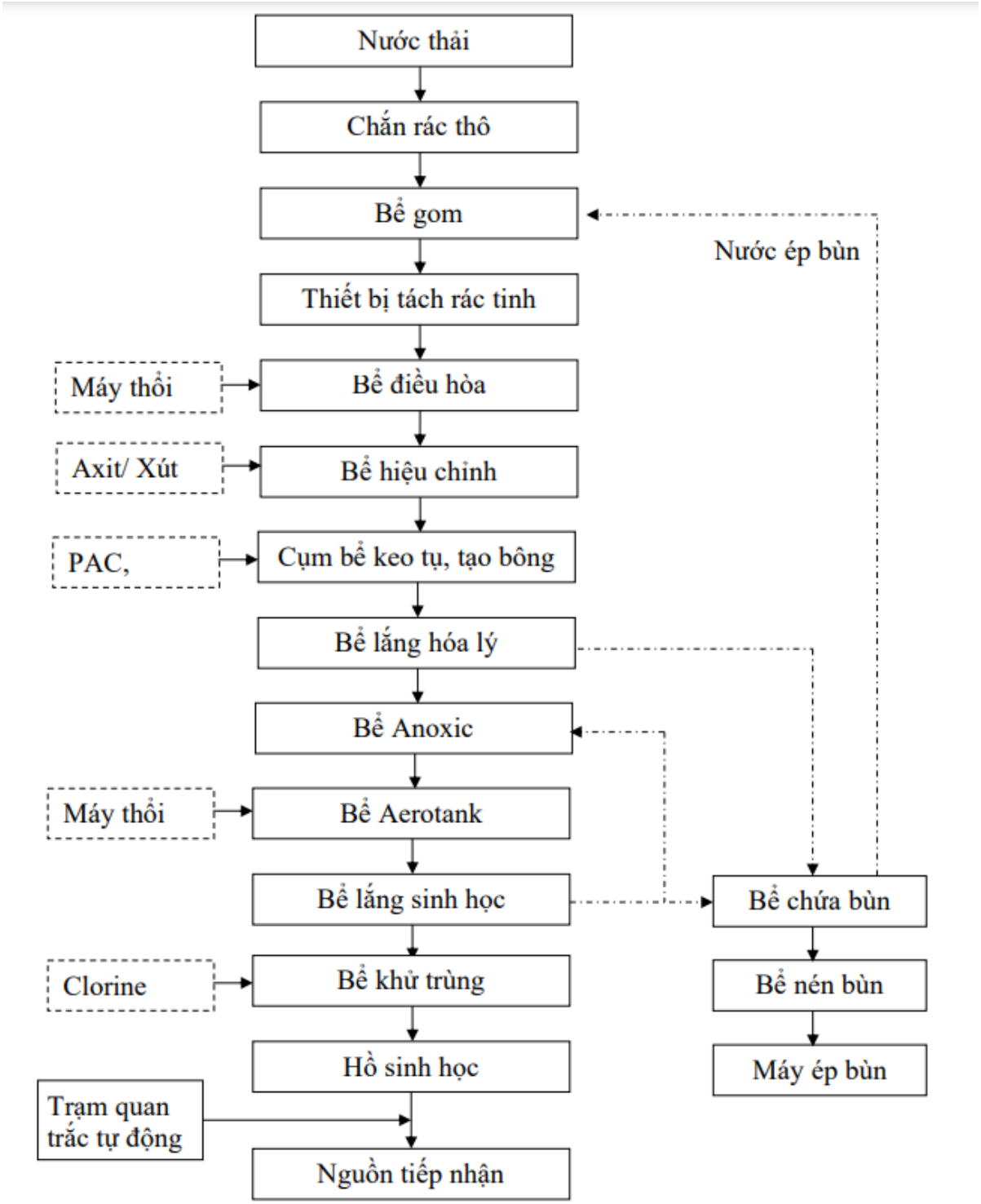

Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN Minh Hưng III

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Căn cứ tại khoản mục c, khoản 2, điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; dự án được thực hiện trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, Khu công nghiệp nên không đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các công trình chính, công trình phụ trợ, công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án đã được Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina xây dựng hoàn chỉnh. Chỉ bổ sung nục tiêu nâng công suất, cụ thể là cho thuê nhà xưởng. Không thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục công trình

Do đó, trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chỉ đánh giá cho giai giai đoạn vận hành của Dự án, không đánh giá giai đoạn lắp đặt máy móc và xây dựng.

1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành dự án bao gồm các nguồn sau đây:

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp nguồn gây tác động đến môi trường của dự án

Stt	Hoạt động	Nguồn gây tác động	Xác suất xảy ra tác động
I	***Tác động môi trường không khí***		
-	Hoạt động sản xuất của Dự án	- Bụi phát sinh từ quá trình bốc xếp và lưu trữ nguyên vật liệu - Hơi mực in - Bụi phát sinh từ quá trình bồi, bế, cắt, xén - Công đoạn quét keo, rửa thiết bị - Bụi và khí thải từ lò hơi	Mức độ Cao (phát sinh trực tiếp từ công đoạn bồi, bế, cắt, xén,…)
-	Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, đi lại	Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, đi lại.	Mức độ cao (phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án)
-	Sự phân huỷ chất thải tại hố ga, khu vệ sinh, khu vực chứa chất thải rắn.	- Mùi hôi	Mức độ Cao (chất thải từ các hố ga, khu vực chứa chất thải…)
II	***Tác động môi trường nước***		
-	Hoạt động sản xuất của Dự án	Nước thải từ quá trình vệ sinh bản in	Mức độ ô nhiễm không cao, tính chất nước thải này tương đối sạch
-	Từ hoạt động vệ sinh, rửa tay chân của công nhân.	Nước thải sinh hoạt: khu vệ sinh, rửa tay, khu nhà ăn.	Mức độ cao (phát sinh từ khu nhà vệ sinh, khu nhà ăn)

-	Mưa trên khu vực dự án	- Nước mưa chảy tràn.	Mức độ trung bình
III	***Phát sinh chất thải rắn***		
-	Sinh hoạt của công nhân	- Bao bì, giấy, túi nylon, thực phẩm dư thừa…	Mức độ trung bình
-	Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	- Phế liệu thải, bao bì, carton, thùng chứa, …	Mức độ trung bình (chất thải có thể tái sử dụng)
-	Chất thải nguy hại	- Bóng đèn huỳnh quang thải - Dầu nhớt thải - Bao bì chứa chất thải nguy hại - Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại - Dung dịch thải sau quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị	Mức độ cao (giao cho đơn vị có chức năng xử lý)

1.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

a. Tác động của bụi và khí thải

❖ Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa, sản phẩm

Các phương tiện giao thông ra vào dự án không chỉ gây ra sự xáo trộn lôi cuốn bụi mặt đất mà quá trình sử dụng nhiên liệu để vận hành xe cũng phát sinh ra các nguồn ô nhiễm. Trong quá trình vận hành, các phương tiện này sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu, một số phương tiện sử dụng điện (xe máy, xe ô tô,…) nên quá trình đốt cháy nhiên liệu sẽ phát sinh ra khí thải.

Nguồn ô nhiễm sinh ra từ các phương tiện giao thông vận tải là nguồn phân tán, không chỉ tập trung trong khuôn viên Dự án mà còn phát tán trên các tuyến đường vận chuyển. Thành phần khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải chủ yếu là bụi, SO_2, NO_X, CO, CO_2, THC.

Lượng xe ra vào dự án thường xuyên được tính là:

+ Khi dự án đi vào hoạt động, khối lượng nguyên vật liệu các loại (Xe chở nguyên vật liệu là các loại xe có tải trọng 30 tấn/xe, như vậy cần như vậy số lượng xe ra vào tối đa tại dự án là 10 chuyến/ngày.

Lượng sản phẩm khi dự án đạt công suất tối đa là 70.000 tấn sản phẩm/năm, tương đương với 233 tấn/ngày (Với quy ước 01 năm có 300 ngày làm việc). Dự án sử dụng các loại xe có tải trọng khoảng 30 tấn để vận chuyển, như vậy số xe tham gia vận chuyển sản phẩm khoảng 8 xe/ngày.

Vậy, tổng số lượng xe tải ra vào dự án nhiều nhất trong giai đoạn hoạt động của Dự án khoảng 18 chuyến/ngày.

Ngoài ra, trong giai đoạn hoạt động còn có sự tham gia của các phương tiện giao thông của công, nhân viên làm việc tại nhà máy, số lượng phương tiện như sau:

+ Ước tính các chuyên gia nước ngoài đi xe ô tô (sử dụng nhiên liệu xăng, dầu DO và xe chạy bằng điện), giả định 100% xe đều chạy bằng nhiên liệu xăng, dầu DO. Như vậy mỗi ngày có khoảng 20 lượt ô tô ra vào nhà máy.

+ Số nhân viên, cán bộ, công nhân còn lại sử dụng phương tiện xe máy, giả định 100% đều dùng xe máy chạy nhiên liệu xăng, số lượng xe máy ra vào dự án trong ngày là 465 lượt xe.

+ Tốc độ chạy bình quân của xe ra vào dự án là 20 km/h = $5,5.10^{-3}$ km/s.

Tải lượng ô nhiễm được xác định theo công thức sau: L (g/s) = Số lượng xe × $5,5.10^{-3}$ × hệ số ô nhiễm.

Dựa vào hệ số ô nhiễm của các khí phát thải theo tài liệu "*Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution*" của Tổ chức sức khỏe thế giới (WHO) và công thức trên kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 4.1. Hệ số và tải lượng ô nhiễm của các khí phát thải

STT	Chất ô nhiễm	Xe gắn máy 4 thì		Xe ôtô dung tích 1400 – 2000cc		Xe tải	
		Hệ số ô nhiễm (*) (g/km)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Hệ số ô nhiễm (*) (g/km)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Hệ số ô nhiễm (*) (g/km)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)
1	SO_2	0,76S	0,052	1,94S	0,1067	0,9	0,0053
2	NO_x	0,3	0,42	0,25	0,0275	4,29 S	0,017
3	CO	20	27,5	1,49	0,1639	1,18	0,13
4	Bụi	-	-	0,07	0,077	6	0,66
5	VOC	3	4,125	0,19	0,0209	-	-

Nguồn (*): Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution - WHO, 1993.

Trong đó: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu (%).

Theo Petrolimex, hàm lượng lưu huỳnh (xăng là 0,05%; dầu DO là 0,25%).

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và môi trường Đại Phú tính toán

Như vậy kết quả trên cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ phương tiện giao thông ra vào dự án là không lớn, bên cạnh đó khu vực dự án có môi trường nền khá tốt, khuôn viên dự án khá rộng, trong khuôn viên dự án có nhiều cây xanh, đồng thời phương tiện giao thông ra vào dự án sẽ phân tán theo thời gian trong ngày do đó, nồng độ các chất ô nhiễm trong khu vực sẽ thấp hơn nhiều so với dự báo trên.

❖ Bụi phát sinh từ quá trình bốc xếp và lưu trữ nguyên vật liệu và thành phẩm

Sau khi nhập nguyên liệu (bao gồm các loại nguyên vật liệu, hóa chất, bao bì đóng gói...) về thì công nhân sẽ tiến hành bốc xếp hàng để chuyển giao cho bộ phận kiểm tra đưa về khu vực chứa nguyên vật liệu. Sản phẩm sau khi hoàn thiện được đóng thùng và chuyển giao cho khách hàng. Do đó, bụi phát sinh trong các công đoạn bốc xếp gây ảnh hưởng cục bộ đến sức khỏe của công nhân làm việc tại công đoạn này. Một số tác hại của bụi đến sức khỏe con người như sau:

-Tổn thương đường hô hấp. Các bệnh đường hô hấp như viêm mũi, viêm họng, viêm phế quản, ...

-Các hạt bụi bay lơ lửng trong không khí bị hít vào phổi của người lao động gây tổn thương đường hô hấp;

-Bệnh ngoài da: Bụi có thể dính bám vào da làm viêm da, bịt kín các lỗ chân lông và ảnh hưởng đến bài tiết mồ hôi, có thể bịt các lỗ của tuyến nhờn, gây ra mụn, lở loét ở da, viêm mắt, giảm thị lực,…

Tuy nhiên, lượng bụi chỉ phát sinh trong khu vực bốc xếp hàng hóa của nhà máy sản xuất, khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thấp và chỉ tác động trực đến công nhân lao động tại khu vực này.

❖ **Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất**

Bụi phát sinh từ quá sản xuất

-Bụi phát sinh tại công đoạn trong quá trình xử lý kỹ thuật (ở công đoạn này thực hiện: nếu là giấy cuộn thì xả cuộn và cắt theo khổ được phê duyệt, nếu là giấy đã cắt sẵn thì kiểm tra chất lượng) do đó chủ yếu là loại bụi có đặc trưng chung là có kích thước lớn, không phát tán trên diện rộng.

-Bụi phát sinh trong quá trình gia công (ở công đoạn này thực hiện: cắt định hình, dán, dập, gấp nếp giấy) do đó chủ yếu là các loại bụi đặc trưng chung là có kích thước nhỏ, phát tán trong khu vực nhỏ.

Lượng bụi thải phát sinh cho toàn bộ hoạt động sản xuất của dự án có thể được ước tính bằng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào hệ số phát thải của Cơ quan bảo vệ môi trường Úc (NPI). Tải lượng phát sinh chất thải trong trường hợp không áp dụng bất kỳ biện pháp giảm thiểu nào được tính toán nhờ công thức: L = E*D (1)

Trong đó:

L: Tải lượng phát sinh chất thải (kg/ngày)

E: Hệ số phát thải (kg/tấn nguyên liệu) : trong trường hợp không có biện pháp kiểm soát là 0,11 (kg/tấn nguyên liệu).

D: Lượng nguyên liệu sử dụng trong ngày – Khối lượng nguyên liệu sử dụng sản xuất ổn định là 23.561kg/tháng =282732kg/năm (282,732 tấn/năm), ước tính lượng bụi phát sinh trong quá trình này chiếm khoảng 1% trên tổng lượng nguyên liệu khô, tương đương với 5,65 tấn/năm= 9,42 kg/ngày = 1,17kg/giờ (làm việc 300 ngày/năm; ngày làm việc 01 ca, mỗi ca 8h).

→ L = E x D = 9,42 x 0,11 = 1,036 (kg/ngày)

Từ tải lượng có được ta có thể tính được nồng độ bụi phát sinh: Nồng độ = tải lượng / lưu lượng bụi= $\frac{1,036}{9,42} = 0,11.10^{-3}$ (mg/m^3) – Nằm trong quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (nồng độ bụi = 200mg/m^3).

Hơi dung môi từ hoạt động sản xuất

Khí thải phát sinh từ công đoạn in ấn, công đoạn sản xuất này được bố trí tại nhà xưởng hiện hữu có diện tích 11.084m^2.

Keo sử dụng là keo resin – thành phần nhựa tổng hợp, một phần nhỏ Ethylene được nhập khẩu từ Hàn Quốc.

Mực in sử dụng tại Nhà máy cũng nhập từ từ Hàn Quốc. Thành phần chính là toluene, vinyl acetate.

Các dung môi này bay hơi thường rất độc hại gây ô nhiễm môi trường không khí, VOC có thể phản ứng tạo ozon ở tầng thấp gây hiện tượng quang hóa, gây một số bệnh hô hấp, bệnh nghề nghiệp cho người lao động, một số VOC có tiềm năng gây ung thư, vô sinh. Nếu thải dung dịch dung môi hữu cơ vệ sinh thiết bị, chứa dung môi và kim loại nặng chúng sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng thủy sinh của môi trường tiếp nhận. Đây là nguồn gây tác động chủ yếu của nhà máy sản xuất sơn. Vì vậy, nhà máy sẽ có biện pháp xử lý để hạn chế tác động của hơi dung môi đến môi trường xung quanh.

Hợp chất hơi dung môi hữu cơ chính phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án là VOC (Ethylene, toluene, vinyl acetate). Ước tính trước khi mở rộng toàn dự án sử dụng lượng keo, mực in sử dụng khoảng 16.000kg/tháng (615,38 kg/ngày) quá trình lưu trữ và sản xuất sẽ làm hao hụt khoảng1 % lượng hơi dung môi chiếm khoảng 6,153 kg/ngày (do nhiệt độ gia nhiệt thấp khoảng 50^0C, theo tài liệu hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp- Chương trình hợp tác sản xuất Đan Mạch- Việt Nam về môi trường – Bộ Công thương). Trong 6,153 kg hao hụt, có khoảng 615,3g hơi VOC (Ethylene, toluene, vinyl acetate) (chiếm 10% lượng hao hụt).

Tính toán mức cộng dồn và tích lũy

Các công đoạn in và dán keo phát sinh hơi dung môi được sắp xếp trong xưởng riêng có diện tích 11.084 m^2.

Giả sử dự án không có biện pháp để hạn chế ô nhiễm này, lượng VOC phát tán ra ngoài khu vực sản xuất, thể tích khu vực sản xuất bị ảnh hưởng khoảng 23.772m^3 (áp dụng chiều cao ảnh hưởng khoảng 2 m), ước tính hàm lượng hơi dung môi phát sinh chi tiết như sau:

Bảng 4.2. Ước tính lượng mùi, hơi dung môi VOC phát sinh từ quá trình in phun

Lượng VOC (Ethylene, toluene, vinyl acetate) phát sinh (g/ngày).	**Thể tích khu vực ảnh hưởng**	**Nồng độ phát sinh theo Tính toán lý thuyết**	**TCVS 3733/2002/QĐ–BYT VOC (Ethylene, vinyl acetate)**	**QCVN 03/2019/BYT (Toluene)**
615,3(mg/m^3)	23.772 (m^3)	25,88 (mg/m^3)	8 (mg/m^3)	100 (mg/m^3)

Nguồn: Kế hoạch bảo vệ môi trường, 2020.

Theo các kết quả tính toán lý thuyết và thực tế ở bảng trên cho thấy lượng hơi dung môi phát sinh trong điều kiện cộng dồn và tích lũy,thì chỉ tiêu Ethylene, vinyl acetate vượt so với quy định, riêng toluen vẫn nằm đạt so với quy chuẩn cho phép. Do đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động có thể có do hơi dung môi gây ra cho công nhân và môi trường tự nhiên, dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu như được mô tả ở phần sau.

Bảng 4.3. Tác hại của bụi và các chất ô nhiễm do khí thải

Stt	Thông số	Tác động
1	Bụi	- Tắc nghẽn cuống phổi làm giảm quá trình phân phối khí. - Gây ra chứng khí thủng, cản trở quá trình hô hấp - Gây hư hại các mô phổi dẫn tới ung thư phổi
2	CO	- Giảm khả năng vận chuyển ô xy của máu đến các tổ chức, tế bào, làm suy yếu các chứng năng của chúng, có thể dẫn đến tử vong - Khí CO đặc biệt nguy hại đối với thai nhi và người mắc bệnh tim mạch
3	Khí Axit (SO_2, NO_2)	- Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, gây nhiễm độc qua da - Làm giảm khả năng vận chuyển ô xy trong máu làm mô phổi bị sơ hóa và chai cứng gây ung thư phổi - Tạo mưa a xít làm ảnh hưởng xấu tới thực vật và cây trồng - Tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu - Ảnh hưởng đén khí hậy, hệ sinh thái và tầng o zôn
4	Hydrocacbon (THC)	- Gây ra triệu chứng nhiễm độc mản tính như suy nhược, chóng mặt, say, co giật, ngạt, viêm phổi, áp xe phổi - Gây nhiễm độc cấp tính với các triệu chứng như: tức ngực khó thở, chóng mặt, rối loan các giác quan, tâm thần, nhức đầu
5	Hơi dung môi pha sơn	- Dung môi pha sơn có chứa nhiru chất gây ung thư như các hợp chất có vòng thơm benzen, toluen, xylene…Ngoài ra còn có các chất ảnh hưởng đến hệ thần kinh gây đau đầu, chóng mặt, nôn mửa, bất tỉnh thậm chí tử vong. Tiếp xúc thường xuyên có thể mắc các bệnh về đường hô hấp.

Bụi và các thành phần ô nhiễm loại khí thải, bụi… đều có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, mức độ tác động sẽ còn phụ thuộc vào nồng độ của chúng trong không khí, thời gian tác dụng và đặc điểm vi khí hậu tại khu vực đang xét (chế độ mưa, tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm,…). Do đó, Công ty sẽ có các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường.

❖Khí thải máy phát điện dự phòng

Để ổn định điện cho hoạt động của Nhà máy trong trường hợp mạng lưới điện có sự cố, Công ty có sử dụng 2 máy phát điện Diesel dự phòng với công suất 350KVA (tuy nhiên không hoạt động cùng lúc, một máy chỉ dự phòng). Khi chạy máy phát điện, định mức tiêu thụ nhiên liệu khoảng 80 lít dầu DO/giờ/máy, tương đương 69,6 kg dầu DO/giờ/máy (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,87 kg/lít).

Sau khi mở rộng, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng 2 máy phát điện dự phòng công suất 350KVA.

Tuy nhiên, khí thải từ máy phát điện dự phòng phát sinh không thường xuyên, chỉ xảy ra khi, khu vực dự án mất điện bất ngờ và chỉ chạy dự phòng từ 1 – 2 giờ.

Hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) lập, có thể ước tính tải lượng các chất ô nhiễm do máy phát điện sinh ra như sau:

Bảng 4.4. Hệ số ô nhiễm của các chất ô nhiễm trong khí thải đốt dầu DO

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (Kg chất ô nhiễm/tấn dầu)
1	Bụi	0,28
2	SO_2	20 x S
3	NO_x	2,84
4	CO	0,71
5	VOC	0,035

Nguồn: World Health Organization – 1993

Ghi chú: S: hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO = 0,05%

Bảng 4.5. Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm máy 350 KVA (Kg/h)
1	Bụi	0,02
2	SO_2	0,07
3	NO_x	0,2
4	CO	0,05
5	VOC	0,002

Nguồn: Công ty TNHH MTV KTAT HSE tính toán, 2020.

Theo tính toán ở trên, ở điều kiện nhiệt độ 200^0C và hệ số không khí thừa là 1,15, khi tiêu thụ hết 1kg nhiên liệu sẽ thải ra môi trường 23,23m^3 khí thải.

Như vậy lượng khí thải ra trong 1h của máy 560 KVA là: 72.9 kg/h x 23,23 m^3 kk/kg = 1.693,5 m^3/h = 0,470 m^3/s.

Dựa trên các hệ số tải lượng của tổ chức Y tế thế giới (WHO), nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải được tính toán trên cơ sở tải lượng ô nhiễm và lưu lượng khí thải. Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng như sau:

Bảng 4.6. Nồng độ các chất ô nhiễm khí từ khí thải củamáy phát điện

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/m^3)	Nồng độ (mg/Nm^3)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1,0; Kv = 1,0
1	Bụi	12	11,76	**200**
2	SO_2	41	40,18	**500**
3	NO_x	118	115,64	**1.000**
4	CO	30	29,4	**1.000**
5	VOC	1,18	1,16	**-**

Nguồn: Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú tính toán

Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện sử dụng nhiên liệu dầu DO với Quy chuẩn Việt Nam, cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện đều thấp hơn giá trị giới hạn của Quy chuẩn 19:2009/BTNMT, cột B. Thêm vào đó, máy phát điện hoạt động không thường xuyên và công suất thấp nên mức độ tác động của khí thải máy phát điện là không đáng kể

❖Khí thải phát sinh từ khu vực nhà bếp

Để cung cấp nhiệt cho hoạt động nấu ăn tại khu vực nhà bếp của Công ty dự kiến sử dụng nhiên liệu là khí gas. Khi đốt nhiên liệu này, sẽ phát sinh khí thải gồm các thành phần: bụi, CO_2, CO, SO_2, H_2S, VOC... Hoạt động nấu ăn tại khu vực dự án trong giai đoạn vận hành phục vụ cho nhu cầu của 465người. Căn cứ vào hoạt động thực tế tại nhà máy trung bình định mức gas sử dụng là 0,05 kg/người/ngày thì lượng gas sử dụng hàng ngày trong giai đoạn vận hành là 23,25kg/ngày. Theo tài liệu "Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution" của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), có thể ước tính tải lượng ô nhiễm do hoạt động đun nấu của dự án được đưa ra trong bảng sau:

Bảng 4.7. Tải lượng ô nhiễm do hoạt động đun nấu

Nội dung	Chất ô nhiễm				
	Bụi	**SO_2**	**NO_2**	**CO**	**VOC**
Hệ số (kg/tấn)	0,06	0,007	2,9	0,71	0,12
Khối lượng (kg/ngày)	15	15	15	15	15
Tải lượng (kg/ngày)	0,9	0,105	43,5	10,65	1,8

Qua bảng kết quả trên cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh do hoạt động nấu ăn tại dự án là nhỏ. Mặt khác, thời gian nấu ăn không diễn ra liên tục trong ngày mà chỉ vào một khoảng thời gian nhất định, các chất ô nhiễm nhanh chóng khuếch tán vào môi trường không khí và chỉ có tác động cục bộ trong khu vực nấu ăn nên tác động từ nguồn khí thải này là nhỏ, không liên tục và có thể kiểm soát.

❖Khí thải, mùi hôi phát sinh từ khu vực tập trung chất thải rắn và hệ thống xử lý nước thải

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ tại khu vực tập trung chất thải rắn sinh hoạt, trong hệ thống xử lý nước thải, bùn thải và cống thoát nước của dự án sẽ phát sinh các khí gây mùi hôi như H_2S, CH_4, NH_3,…

Theo nghiên cứu của Tchobanoglous và cộng sự (năm 1993), các khí thải tạo ra từ hoạt động trên chủ yếu là CH_4 (chiếm 40 -60%), CO_2 (Chiếm 40 -60%), N_2 (Chiếm 2 -5%) NH_3 (Chiếm 0,1 -1%), H_2S, Mercaptan và các hợp chất chứa lưu huỳnh (Chiếm 0,1 – 1%),còn lại là các khí khác (CO, H_2,…).

Bảng 4.8. Các hợp chất gây mùi chứa S tạo ra từ sự phân hủy kỵ khí nước thải

Các hợp chất	Công thức	Mùi đặc trưng	Ngưỡng phát hiện (ppm)
Allyl mercaptane	CH_2=CH-CH_2-SH	Mùi tỏi-cà phê mạnh	0,00005

Các hợp chất	Công thức	Mùi đặc trưng	Ngưỡng phát hiện (ppm)
Amyl mercaptane	CH_3-$(CH_2)_3$-CH_2-SH	Khó chịu, hôi thối	0,0003
Benzyl mercaptane	$C_6H_5CH_2$-SH	Khó chịu, mạnh	0,00019
Crotyl mercaptane	CH_3-CH=CH-CH_2-SH	Hôi hám	0,000029
Dimethyl sulfide	CH_3-S-CH_3	Thực vật thối rữa	0,0001
Ethyl mercaptane	CH_3CH_2-SH	Bắp cải thối	0,00019
Hydrogen sunfide	H_2S	Trứng thối	0,00047
Methyl mercaptane	CH_3SH	Bắp cải thối	0,0011
Propyl mercaptane	CH_3-CH_2-CH_2-SH	Khó chịu	0,000075
Sunfur dioxide	SO_2	Hăng, gây dị ứng	0,009
Tert-butyl mercaptane	$(CH_3)_3C$-SH	Hôi hám	0,00008
Thiophenol	C_6H_5SH	Thối, mùi tỏi	0,000062

Nguồn: Matsis, E.Grigoropoulou, 2001

Các loại khí thải phát sinh ở trên gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, gây mùi hôi, khó chịu cho nhân viên làm việc tại dự án.

Tuy nhiên, các cống thoát nước của dự án được đặt ngầm dưới các trục đường giao thông, trạm xử lý nước thải và kho chứa chất thải được bố trí tại khu vực riêng, cách ly với các khu vực khác nên tác động từ nguồn này có thể kiểm soát bằng các biện pháp quản lý môi trường phù hợp.

b. Tác động của nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án từ các nguồn như sau:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân.

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn.

+ Nước mưa chảy tràn.

❖Nước mưa chảy tràn

Nước mưa khi rơi xuống mặt bằng dự án làm cuốn theo các chất bẩn, đất, cát, cành lá khô và các tạp chất rơi vãi trên mặt đất trong khu vực dự án xuống lưu vực xung quanh dự án. Lượng nước mưa này nếu không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực. Về cơ bản, nước mưa được xem là nước sạch, nếu không chảy tràn qua các khu vực ô nhiễm.

Để tính toán lượng nước chảy qua mặt bằng dự án ta áp dụng công thức sau:

$$Q = \varphi * q * F$$

Trong đó:

-Q: lưu lượng nước mưa chảy tràn (m^3);

-φ : hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ của lưu vực tính toán. Đối với khu dự án chưa xây dựng, φ = 0,5; Đối với khu dự án đã xây dựng, φ = 0,8.

-F: diện tích lưu vực tính toán: F = 26.692,8m^2 (trong đó diện tích đất trống là 6.077,9m^2).

-q: cường độ mưa (mm/ngày). Ở khu vực dự án trong các năm vừa qua lượng nước mưa cao nhất là tháng 9/2014 với lượng mưa 758,3 mm (Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, 2019). Như vậy lượng mưa cao nhất trong ngày khoảng 25,3 mm/ngày. Trong tháng này, trận mưa kéo dài khoảng 2 giờ. Do đó, lượng mưa trung bình giờ khoảng 12,65 mm/giờ = 0.0035mm/s = $3,5.10^{-6}$ m/s

Tổng lượng nước mưa phát sinh từ khu vực dự án:

$$Q_{max} = [0,5 \times 3,5.10^{-6} \times 6.077,9] + [0,8 \times 3,5.10^{-6} \times (26.692,8 – 6.077,9)]$$
$$= 0.07 \text{ m}^3/\text{s} = 70 \text{ l/s}$$

Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn trung bình Q = 0.07 m^3/s.

Lượng nước mưa này nếu không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực. Về cơ bản, nước mưa được xem là nước sạch, nếu không chảy tràn qua các khu vực ô nhiễm.

Với lưu lượng nước mưa chảy tràn như trên, cống thoát nước có đường kính 0,6m. Lưu lượng dòng trong cống khoảng 0,014 m/s (< 0,5 m/s) đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa của nhà máys.

Bảng 4.9. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

STT	Thành phần	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nitơ	0,5 -1,5
2	Tổng phospho	0,004 – 0,03
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	10 – 20
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	10 – 20

Do đó, để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước của hệ thống thu gom, thoát nước mưa, Chủ Dự án cần thiết kế hoàn thiện, đồng bộ hệ thống thu gom và thoát nước mưa với kết cấu nhà xưởng và các hạng mục công trình, giảm thiểu tới mức thấp nhất tác động của nước mưa trong giai đoạn hoạt động của dự án công ty cần có những biện pháp quản lý để tránh những tác động tiêu cực có thể xảy ra do nước mưa chảy tràn như không để hóa chất, dầu máy rơi vãi, thường xuyên vệ sinh, tưới rửa sân đường nội bộ, nạo vết cặn lắng tại các hố ga của hệ thống tiêu thoát nước mưa,…

-Mức độ tác động: Thấp. Tuy nhiên, còn phụ thuộc vào công tác, thu gom, quản lý và xử lý chất thải của Công ty.

-Thời gian tác động: Trong quá trình hoạt động của Dự án.

❖ **Tác động của nước thải sinh hoạt**

Theo tính toán tại chương 1, giai đoạn vận hành có 465 công nhân làm việc, tổng lượng nước cấp sinh hoạt phục vụ cho 250 công nhân là 37,2 m^3/ngày đêm; nước cấp phục vụ cho hoạt động nấu ăn khoảng 11,625 m^3/ngày.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được tính bằng 100% lượng nước cấp (theo nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước và xử lý nước thải) thì tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày khoảng 48,825 m^3/ngày.

Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD_5, COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật gây bệnh.

Trong nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi khuẩn,… Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được trình bày dưới đây:

Bảng 4.10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Chưa qua xử lý	Giới hạn tiếp nhận nước thải KCN Minh Hưng III
BOD_5	469 - 563	**50**
COD	750 – 1.063	**150**
Chất rắn lơ lửng	730 – 1.510	**100**
Dầu mỡ	104 - 313	**10**
Tổng Nitơ	63 - 125	**40**
Amoni	25 – 1.510	**10**
Tổng Phospho	8 - 42	**6**
Coliform (*)	10^6 - 10^9	**5.000**

Nguồn: Hoàng Huệ - Xử lý nước thải

Theo bảng trên cho thấy nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành nếu không được xử lý sẽ có nồng độ BOD_5 vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ 1,17 ÷ 1,4 lần; TSS vượt quá tiêu chuẩn cho phép 1,825 ÷ 3,775 lần; dầu mỡ vượt quá tiêu chuẩn 6,5 – 19,56; tổng N vượt quá tiêu chuẩn 3,15 – 6,25 lần; tổng N-NH_3 vượt quá tiêu chuẩn 3,125 – 188,75 lần. Như vậy, nước thải nếu không xử lý triệt để sẽ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tiếpnhận. Các hợp chất hữu cơ dễ bị vi sinh vật phân hủy làm giảm lượng ôxy trong nguồn nước, ảnh hưởng đến quá trình hô hấp của các loài thủy sinh. Chất dinh dưỡng nitơ, phốt pho tạo điều kiện cho rong, tảo phát triển, gây ra hiện tượng phú dưỡng, làm mất cân bằng sinh thái của thủy vực tiếp nhận.

Đặc trưng nước thải của dự án

Tác động của các chất ô nhiễm có trong nước thải cụ thể như sau:

Bảng 4.11. Các tác hại của các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường

STT	Thông số	Tác động
1	Chất rắn lơ lửng	Ảnh hưởng đến chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh
2	Các chất hữu cơ	Giảm nồng độ ôxy hoà tan trong nước Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
3	Tổng N	Các dạng thường gặp trong nước của hợp chất nitơ là amôni, nitrit, nitrat, là kết quả của quá trình phân hủy các chất hữu cơ hoặc do ô nhiễm từ nước thải. Trong nhóm này, amôni là chất gây độc nhiều nhất cho cá và các loài thủy sinh. Nitrit được hình thành từ phản ứng phân hủy nitơ hữu cơ và amôni và với sự tham gia của vi khuẩn. Sau đó nitrit sẽ được oxy hóa thành nitrat. Ngoài ra, nitrat còn có mặt trong nguồn nước là do nước thải từ các ngành hóa chất, từ đồng ruộng có sử dụng phân hóa học, nước rỉ bãi rác, nước mưa chảy tràn. Sự có mặt hợp chất nitơ trong thành phần hóa học của

STT	Thông số	Tác động
		nước cho thấy dấu hiệu ô nhiễm nguồn nước. Đồng thời, N cũng là môt trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng phú dưỡng hóa
4	Dầu mỡ	Gây ô nhiễm môi trường nước Ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống thủy sinh, không tạo điều kiện tốt cho ôxy khuếch tán từ không khí vào trong nước. Ảnh hưởng đến mục đích cung cấp nước và nuôi trồng thủy sản. Gây chết các động vật nuôi dưới nước như tôm cá… Chuyển hoá thành các hợp chất độc hại khác như Phenol, các dẫn xuất Clo của Phenol
5	Clorua	Là một trong các ion quan trọng trong nước và nước thải, nếu nước chứa nồng độ ion Cl^- cao gây ảnh hưởng đến cây trồng.
6	Các vi khuẩn gây bệnh	Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, ly, tả. Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột

c. Tác động của chất thải rắn thông thường

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

Trong quá trình vận hành của dự án, số công nhân lao động trong Nhà máy dự kiến tối đa là 465 người. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì, chai lọ đựng đồ ăn, thức uống... Với định mức phát sinh CTRSH trên địa bàn thị xã Chơn Thành theo QCVN 01:2021/BXD là 0,8 kg/người.ngày. Lượng chất thải rắn phát sinh được tính như sau:

Q = N * 0,8 kg/người.ngày

Trong đó:

Q: Lượng chất thải rắn sinh hoạt, kg/ngày;

N: Số lượng công nhân viên, người.

Vậy lượng chất thải rắn sinh hoạt sinh ra: Q = 465 x 0,8 = 372 (kg/ngày)

Thành phần các loại rác thải sinh hoạt này chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy nếu không được thu gom, xử lý thích hợp thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến cán bộ công nhân làm việc ở nhà máy, cụ thể:

- Chất thải sinh hoạt nếu không được thu gom, xử lý triệt để khi phân hủy sẽ là nguyên nhân phát sinh mùi khó chịu, ô nhiễm môi trường nước, đất, làm mất mỹ quan, cảnh quan môi trường khu vực.
- Làm tăng độ đục nước khi có mưa lớn, nước mưa kéo theo bùn cát từ bề mặt có thể gây ra hiện tượng tắc đường ống, cống rãnh dẫn nước khu vực Dự án.
- Là ổ chứa dịch bệnh do các chất thải có chứa thành phần hữu cơ dễ phân huỷ, các vi sinh vật dễ lây nhiễm như bệnh: tả, lị, thương hàn, sốt vi rút,...

❖Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy là các chất thải có khả năng tái chế như: các loại bìa carton, nhựa phế liệu…không dính chất thải nguy hại. Đối với các sản phẩm không đạt chất lượng sẽ được xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường. Theo số liệu tham khảo các nhà máy đã hoạt động của Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.12. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, bao bì giấy văn phòng	1.840
2	Giấy hư, sản phẩm lỗi	1.610
3	Bao bì ni lông	1.550
	Tổng cộng	**5000**

Nguồn: Công ty TNHH Bao Bì Cao Cấp S&K Vina

Nhìn chung các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường này không gây ô nhiễm đáng kể đến môi trường nhưng nếu không được thu gom và xử lý đúng quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước thông qua nước rỉ rác. Ngoài ra, chất thải này còn làm mất vẻ mỹ quan, tạo thành nguồn phát sinh tia lửa điện, dễ bốc cháy gây thiệt hại nặng nề đến tài sản của Công ty và tính mạng của công nhân viên.

Bùn thải từ bể tự hoại

Dự án sử dụng tối đa 465 lao động, trung bình phát sinh chất thải 0,5 lít/người, như vậy lượng bùn thải trung bình là 232,5 lít/ngày (tương đương khoảng 145 kg/ngày), với thời gian lưu cặn trong 6 tháng thì có khoảng 80% cặn bị phân hủy (mỗi tháng làm việc 30 ngày). Lượng bùn cần thu gom xử lý là:

145 kg/ngày x 6 tháng x 30 ngày x 20% = 5.220 kg/6tháng = 10.440 kg/năm.

d. Tác động của chất thải nguy hại

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của của nhà máy chủ yếu là bao bì dính hóa chất, giẻ lau dính hóa chất, dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, ... Ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh, cụ thể như sau:

Bảng 4.13. Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	695
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	01
3	Hộp mực in thải	08 02 04	780
4	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 01	770

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Chất lây nhiễm (bông băng, kim tiêm thải)	13 01 01	01
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	1100
7	Chất kết dính và chất bịt kín thải có chứa dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác (keo thải)	08 03 01	05
8	Dung dịch thải thuốc tráng bản in offiset gốc nước	19 01 02	05
9	Pin, ắc quy thải	19 06 01	01
TỔNG		**2.662**	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Tác hại của các thành phần trong chất thải rắn và chất thải nguy hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường

-*Các thành phần dễ phân hủy sinh học:* có thể phân hủy sinh học tạo thành các chất gây mùi như mercaptan, H_2S, NH_3, CH_3,… gây mùi hôi và ô nhiễm cục bộ môi trường không khí khu vực dự án. Khi bị lối cuốn vào môi trường gây ô nhiễm hữu cơ đối với nguồn nước.

-*Các thành phần khó phân hủy sinh học:* nếu không được thu gom sẽ tồn lưu trong môi trường gây mất mỹ quan khu vực và ô nhiễm môi trường đất. Một phần thành.

-Phần này đi vào chuỗi thức ăn bắt đất từ thực vật hấp thụ các thành phần náy từ môi trường đất.

-*Các thành phần gây độc sinh thái:* phát sinh từ chất thải nguy hại gây tác động tiêu cực lên hệ sinh thái. Các kim loại nặng và chất hữu cơ khó phân hủy gây độc có thể gây các tác động lên hệ thần kinh, hô hấp, tiêu hóa lên sinh vật phơi nhiễm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự sống của sinh vật.

-Vấn đề an toàn: do tính chất dễ cháy, nổ, hoạt tính hóa học cao, gây ăn mòn, các chất nguy hại có ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng của con người. Đồng thời khi diễn ra quá trình cháy nổ còn phát sinh thêm nhiều chất thải độc hại thứ cấp khác, gây ngạt do mất oxy có thể dẫn đến tử vong. Ngoài ra, chất thải nguy hại còn phá hủy vật liệu nhanh chóng. Do đó chúng gián tiếp có ảnh hưởng đến sự an toàn và sức khỏe của con người.

-Vấn đề sức khỏe con người: chất nguy hại gây tổn thương cho các cơ quan trong cơ thể, kích thích, dị ứng, gây độc cấp tính và mãn tính, có thể gây đột biến gen, lây nhiễm, rối loạn chức năng tế bào… dẫn đến các tác động nghiêm trọng cho con người và động vật như gây ung thư, ảnh hưởng đến sự di truyền.

-Con người khi tiếp xúc với chất thải nguy hại có thể biểu hiện nhiễm độc qua các triệu chứng lâm sàn và rối loạn chức năng như sau:

Biểu hiện ở đường tiêu hóa: tăng tiết nước bọt, khô miệng, kích thích đường tiêu hóa, nôn, tiêu chảy, chảy máu đường tiêu hóa, vàng da.

Biểu hiện ở đường hô hấp: tím tái, thở nông, ngừng thở, phù phổi…

Biểu hiện rối loạn tim mạch: mạch chậm, mạch nhanh, trụy mạch, ngừng tim.

Các rối loạn thần kinh, cảm giác và điều nhiệt: hôn mê, kích thích và vật vã, nhức đầu nặng, chóng mặt, điếc, hoa mắt, co giãn đồng tử, tăng giảm thân nhiệt.

Rối loạn bài tiết: vô niệu…

Do đó, nhà máy phải có các biện pháp quản lý và xử lý thích hợp đối với từng loại chất thải rắn này để không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường tại khu vực.

1.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động của tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn và độ rung là một trong những tác động cần quan tâm trong giai đoạn hoạt động của dự án. Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau đây:

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa và các phương tiện giao thông.

+ Hoạt động của máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất: Máy trộn nguyên liệu, máy sấy,…

+Hoạt động sinh hoạt của công nhân sản xuất trong nhà máy.

❖ **Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

Khi Dự án đi vào hoạt động sẽ có một lượng các phương tiện giao thông (các xe vận chuyển hàng hoá, chất thải; xe đưa đón CBCNV; xe tự túc của cán bộ công nhân viên) ra vào nhà máy. Tiếng động cơ khi chạy của các phương tiện nói trên sẽ phát sinh tiếng ồn đáng kể.

Theo tham khảo từ Tài liệu "Môi trường không khí" của tác giả Phạm Ngọc Đăng, mức ồn tối đa do các phương tiện giao thông gây ra được dự báo như sau:

Bảng 4.14. Mức ồn từ các loại xe cơ giới

Loại xe	**Mức ồn tối đa (dBA)**	**QCVN 26:2010/BTNMT** (Khu vực thông thường, 6-21 giờ)
Xe ô tô 04 chỗ	80	70
Xe mô tô 04 thì	86	
Xe mô tô 02 thì	75 - 80	

Nguồn: Phạm Ngọc *Đăng, Môi trường không khí, NXB KHKT Hà Nội, 1997*

Từ bảng trên cho thấy tại thời điểm Dự án hoạt động lớn nhất của dự án, mức độ ồn khá lớn và vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn (Đối với khu vực thông thường). Do đó, nếu không bố trí hợp lý và không có biện pháp giảm thiểu thì nguồn ồn, độ rung này có thể ảnh hưởng đến người dân sống gần khu vực dự án. Tiếp xúc với tiếng ồn cao, thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến thính giác của con người, thậm chí có thể gây rối loạn chức năng thần kinh, đau đầu chóng mặt. Tiếng ồn do xe cộ gây ra thường gây cho con người sự bực dọc, khó chịu đặc biệt là tiếng còi xe.

Tuy nhiên, các phương tiện giao thông ra vào dự án tại nhiều thời điểm khác nhau, ít tập trung vào một thời điểm nên tác động trên sẽ được giảm thiểu phần nào. Các tác động trên mang tính chất cục bộ, do lượng xe ra vào khu vực Dự án phân tán, không tập trung vào cùng lúc. Xung quanh dự án và KCN đều trồng cây xanh cách ly, có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

b. Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất chủ yếu từ các máy móc, thiết bị trong xưởng sản xuất, máy móc, thiết bị của HTXL nước thải. Đây là nguồn ô nhiễm tiếng ồn chính của ngành nghề hoạt động của dự án.

Khoảng cách tối thiểu đảm bảo tiếng ồn không vượt tiêu chuẩn cho phép đối với khu vực xung quanh (không tính đến các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn) là 150m. Do đó, tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng tới công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực gây ồn, hoàn toàn không ảnh hưởng tới dân cư gần khu vực Dự án. Ngoài ra, còn có rung động do sự va đập của các bộ phận cơ học của máy, truyền xuống sàn và lan truyền trong kết cấu. Chủ Dự án cần có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung động ngay từ giải pháp thiết kế nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị và trang bị phương tiện chống ồn cho công nhân.

Tiếng ồn khi vượt quá tiêu chuẩn cho phép sẽ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người. Tác động tổng hợp của tiếng ồn lên con người ở ba mức:

-Ảnh hưởng về mặt cơ học như che lấp âm thanh cần nghe.

-Ảnh hưởng về mặt sinh học của cơ thể, chủ yếu là đối với bộ phận thính giác và hệ thần kinh.

-Ảnh hưởng về hoạt động xã hội của con người.

Tất cả các quấy rầy đó cuối cùng dẫn đến biểu hiện xấu về mặt tâm lý, sinh lý, bệnh lý và hiệu quả lao động của con người, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con người: gây mất ngủ, giảm thính giác và suy nhược thần kinh.

Mức độ tác động đến sức khoẻ con người theo dải cường độ như sau:

Bảng 4.15. Tác động của tiếng ồn ở các dải cường độ

STT	Mức tiếng ồn (dB)	Tác động đến người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Chói tai
5	130 – 135	Kích thích mạnh thần kinh, nôn mửa, suy xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	150	Thủng màng tai

Nguồn: Bộ Y tế và Viện nghiên cứu KHKT bảo hộ lao động

Nhìn chung, do Khu vực dự án nằm trong KCN nên ảnh hưởng của tiếng ồn đến người dân ở mức thấp, tiếng ồn chỉ gây ảnh hưởng đến người lao động trực tiếp tiếp xúc với các thiết bị gây ồn.

- Phạm vi tác động: Chủ yếu trong phạm vi của dự án.

- Thời gian tác động: trong suốt đời dự án.

c. Tác động do ô nhiễm nhiệt

Nguồn phát sinh nhiệt trong giai đoạn hoạt động của dự án chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Nhiệt dư phát sinh từ các máy in

+ Bức xạ mặt trời

Tác động: Khi làm việc ở nhiệt độ cao đòi hỏi sự cố gắng cao của cơ thể, sự tuần hoàn máu mạnh hơn, tần suất hô hấp tăng, sự thiếu hụt oxy tăng dẫn đến cơ thể phải làm việc nhiều để giữ cân bằng nhiệt, người lao động bị mất nước và muối. Cơ thể con người chiếm 75% là nước, nên việc mất nước không được bù đắp kịp thời dẫn đến những rối loạn các chức năng sinh lý của cơ thể do rối loạn chuyển hoá muối và nước gây ra. Khi cơ thể mất nước và muối quá nhiều sẽ dẫn đến các hậu quả sau đây:

+ Cảm thấy khó chịu, gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, gây trở ngại nhiều cho sản xuất và công tác. Nếu không có biện pháp khắc phục dẫn đến hiện tượng say nóng, say nắng, kinh giật, mất trí.

+ Khi cơ thể mất nước, tim làm việc nhiều nên dễ bị suy tim. Khi điều hoà thân nhiệt bị rối loạn nghiêm trọng thì hoạt động của tim cũng bị rối loạn rõ rệt.

+ Đối với các cơ quan như thận, bình thường bài tiết từ 50-70% tổng số nước của cơ thể. Nhưng trong môi trường lao động nóng, do cơ thể thoát mồ hôi nên thận chỉ bài tiết 10-15% tổng số nước, nước tiểu cô đặc gây viêm thận, sỏi thận.

+ Hệ thần kinh trung ương có những phản ứng nghiêm trọng. Do sự rối loạn về chức năng điều khiển của vỏ não sẽ dẫn đến giảm sự chú ý và tốc độ phản xạ sự phối hợp động tác lao động kém chính xác..., làm cho năng suất kém, phế phẩm tăng và dễ bị tai nạn lao động. Do đó, Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm nhiệt đến công nhân lao động trực tiếp tại khu vực này.

d. Tác động do tập trung đông công nhân

Giai đoạn hoạt động, số lượng công nhân viên của dự án nhiều. Dự án sẽ cố gắng tận dụng tối đa nguồn lao động sẵn có ở địa phương. Nhưng do nhu cầu lao động của Dự án là rất lớn nên số lượng công nhân được tuyển dụng từ các địa phương khác cũng nhiều. Việc tập trung đông công nhân trong thời gian dài và phần lớn không phải dân địa phương sẽ kéo theo một số tác động tiềm ẩn:

-Làm tăng mật độ dân số quanh vùng dự án, gây sức ép đến không gian sống, tài nguyên, đời sống kinh tế, môi trường khu vực dự án.

-Gây ra các vấn đề về mặt xã hội, an ninh trật tự như:

+ Mâu thuẫn giữa công nhân với người dân địa phương do khác biệt về văn hóa, tập quán, cũng như nhận thức, cư xử trong xã hội,...

+ Gia tăng các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, trộm cướp, mại dâm,.. Gia tăng khả năng lây lan dịch bệnh, HIV/AIDS,...

+ Ảnh hưởng tới công tác quản lý nhân khẩu, quản lý xã hội, công tác an ninh trật tự của địa phương.

-Ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của người công nhân:

+ Người công nhân phải sống trong điều kiện có nhiều hạn chế như nhà trọ tạm chật chội, không đảm bảo vệ sinh, an toàn, không có nơi vui chơi, giải trí,...

+ Người công nhân làm ca kíp, do vậy thời gian để họ tham gia các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí là rất ít, đời sống tinh thần bị hạn chế...

Ngoài những tác động tiêu cực, sự tập trung công nhân trong thời gian dài cũng mang lại những lợi ích nhất định cho các hộ dân trong khu vực, chủ yếu là các hộ kinh doanh nhà trọ, nước giải khát, lương thực thực phẩm, ...

e. Tác động đến giao thông trong khu vực

Trong quá trình vận hành sản xuất của Dự án sẽ diễn ra các hoạt động giao thông như sau:

+ Hoạt động cung ứng nguyên vật liệu và xuất hàng hoá.

+ Các phương tiện di chuyển của cán bộ công nhân viên như ô tô, xe máy.

+ Hoạt động vận chuyển rác thải, chất thải của đơn vị được thuê thu gom, xử lý chất thải của dự án.

Các hoạt động này sẽ chỉ diễn ra trong khu vực Dự án (cổng ra vào, kho tập kết nguyên vật liệu, kho chứa hàng hoá, nhà để xe, kho chất thải), và không thường xuyên. Vì vậy, tác động của các hoạt động này đến vấn đề giao thông ở địa phương là không đáng kể.

f. Tác động của dự án đến môi trường kinh tế-xã hội và sức khỏe cộng đồng

❖Các tác động mang tính tích cực

-Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh, đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình kêu gọi đầu tư vào KCN.

-Đóng góp chung vào sự phát triển kinh tế, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước và địa phương dưới dạng thuế và phí: Thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường,...

-Sử dụng hợp lý, làm gia tăng thêm giá trị tài nguyên đất đai, biến vùng đất nông nghiệp thành đất công nghiệp với hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất và kinh tế cho địa phương;

-Tạo cơ hội việc làm cho CBCNV, đảm bảo đời sống và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương về các dịch vụ công nhân.

-Tăng phúc lợi xã hội, góp phần xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như: cầu đường, trạm y tế, trường học, nhà trẻ mẫu giáo và các hoạt động xã hội cho địa phương.

-Phát triển các ngành nghề dịch vụ phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của dự án cũng được phát triển.

❖Các tác động mang tính tiêu cực

-Ảnh hưởng tới vấn đề sử dụng đất đai của địa phương.

-Ảnh hưởng, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và bồi lắng sông, suối.

-Tăng mật độ giao thông dẫn đến tăng nguy cơ tai nạn.

-Việc tập trung một số lượng lớn CBCNV khi Dự án đi vào hoạt động như vậy sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh tế xã hội của khu vực:

+ Gia tăng các nguy cơ như tệ nạn xã hội do tập trung một lượng lao động sinh hoạt tập trung trong một thời gian dài.

+ Các hoạt động của dự án sẽ phát sinh chất thải rắn, nước thải,… gây ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, có nguy cơ lan truyền dịch bệnh đến khu vực dân cư xung quanh trong khu vực.

+ Ảnh hưởng đến cấu trúc dân số của địa phương, gia tăng dân số do nhập cư người tới địa phương.

- Tác động do bụi, khí thải: Các chất thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, hoạt động của dự án, ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động, một phần dân cư lân cận dự án.

- Tác động do tiếng ồn và rung: Tiếng ồn, rung phát sinh từ dự án, các phương tiện vận chuyển nguyên nhiên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của công nhân và người dân địa phương xung quanh, gây ra các bệnh liên quan đến thính giác.

- Ngoài ra, mùi hôi bốc ra từ nước thải, rác thải sinh hoạt từ khu vực sinh hoạt không được thu gom cũng ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

1.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi rủi ro, sự cố của dự án

a. Sự cố cháy nổ

Trong quá trình vận hành Dự án, sự cố cháy nổ có thể xảy ra với những nguồn có tiềm năng gây cháy nổ như: Kho hóa chất, kho rác thải, kho nguyên liệu, khu vực nhà ăn,... Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ của dự án là rất cao nên cần có biện pháp phòng cháy chữa cháy nghiêm ngặt. Ảnh hưởng của hỏa hoạn là đặc biệt nghiêm trọng đối với môi trường và bản thân hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với môi trường, khi xảy ra hỏa hoạn, một lượng lớn các sản phẩm của quá trình cháy như CO, CO_2, NO_x… sẽ phát thải vào môi trường, gây ô nhiễm cục bộ môi trường không khí ở mức độ nghiêm trọng. Các khí này còn đóng góp vào việc gia tăng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu diễn ra nhanh chóng và phức tạp hơn. Đối với bản thân chủ dự án, hỏa hoạn gây tổn thất một lượng lớn

tài sản dưới dạng hàng hóa. Việc khắc phục sau hỏa hoạn cũng đòi hỏi một chi phí đáng kể mới có thể đưa dự án hoạt động trở lại bình thường. Mặt khác, việc xảy ra hỏa hoạn còn ảnh hưởng tới tâm lý cán bộ nhân viên làm việc tại dự án. Nếu để xảy ra hỏa hoạn thì uy tín của doanh nghiệp suy giảm đáng kể. Đây là hiệu ứng tổn thất kép với doanh nghiệp bên cạnh tổn thất trực tiếp cho việc sửa chữa, khôi phục kinh doanh.

Bảng 4.16. Một số nguyên nhân gây ra cháy nổ tại các khu vực của Dự án

STT	Khu vực	Nguyên nhân cháy nổ
1	Nhà xưởng	- Vi phạm các quy định về an toàn PCCC trong sử dụng điện, lửa trần và các loại nguồn nhiệt khác. - Để quá nhiều nguyên vật liệu, thành phẩm trong xưởng sản xuất gần các thiết bị sinh lửa, nhiệt. - Sự cố kĩ thuật của hệ thống điện. - Không thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp PCCC để nhiều bụi, khí, hơi, chất thải có nguy hiểm cháy, nổ tồn đọng trong các phân xưởng sản xuất. - Bảo quản chung nhiều loại nguyên vật liệu, hàng hoá có tính chất nguy hiểm cháy, nổ có tác dụng phản ứng hoá học khi để gần nhau. - Lắp ráp thiết bị máy móc không đảm bảo các khoảng cách an toàn PCCC.
2	Nhà để xe	- Thiết bị chứa xăng không đảm bảo để xăng dầu rò rỉ, bay hơi, khi gặp nguồn nhiệt sẽ cháy. - Để xe máy, ô tô có xăng dầu gần nguồn nhiệt. - Vệ sinh công nghiệp không thường xuyên như để cây cỏ, bụi, rác...tạo điều kiện cho cháy lan từ bên ngoài vào. - CBCNV thiếu hiểu biết về kiến thức PCCC hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm làm bừa, làm ẩu, vi phạm quy định khi bảo quản, tiếp xúc, sử dụng xăng dầu như hút thuốc, sử dụng lửa tại khu vực cấm, mở nắp bình xăng bằng thanh sắt...
3	Nhà ăn	- Trong bảo quản đặt bình và sản phẩm gas không đúng vị trí, gần nguồn nhiệt làm bình nóng lên rò rỉ khí gas gây cháy. - Khi bảo quản bình gas không đảm bảo an toàn bị nắng mưa, đổ vì cấu kiện nên bình gas hoặc bình gas xếp quá cao bị đổ vì gây cháy, nổ. - Quá trình bốc dỡ không cẩn thận làm va đập bình gas. - Bình gas và đường ống dẫn không đảm bảo kín, rò rỉ khí gas ra ngoài gặp nguồn nhiệt gây cháy - Người tiếp xúc với khí gas thiếu hiểu biết về kiến thức PCCC, không thực hiện các quy định an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng khí gas. Tự ý thay thế sửa chữa đường ống dẫn và van khoá gas.
4	Trạm điện	- Đối với dây dẫn có bọc cách điện, thì có những nguyên nhân dẫn đến hỏng vỏ bọc và gây chập điện như sau: + Các mối nối hở, khoảng cách gần không đảm bảo an toàn.

STT	Khu vực	Nguyên nhân cháy nổ
		+ Đặt dây dẫn trong môi trường có hoá chất ăn mòn, có nhiệt độ cao.... + Do sử dụng lâu ngày, vỏ bọc bị ải mục, rách hỏng.... + Do kéo căng dây quá mức hay treo, đè vật nặng sắc cạnh lên dây dẫn + Do đường dây bị quá tải, cháy lớp vỏ nhựa - Đối với dây trần: + Khoảng cách giữa 2 dây quá gần nhau. + Do giông bão dây dẫn va chạm vào nhau hay cành cây, đồ vật rơi vào - Do đầu nối của 2 dây dẫn vào các thiết bị điện không đúng kỹ thuật (bị lỏng chạm vào nhau). - Do sét đánh thẳng vào đường dây.
5	Kho hóa chất	- Hoá chất ở thể hơi, khí hỗn hợp với ôxy trong môi trường ở tỷ lệ nhất định và gặp nguồn nhiệt xuất hiện bất ngờ. - Các chất nguy hiểm, có thể tác dụng với nhau được để chung trong1 khu vực. - Sử dụng ngọn lửa trần trong kho hóa chất. - Vi phạm quy định an toàn về PCCC trong quá trình vận chuyển xuất nhập.

b. Sự cố tai nạn lao động

Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động, dự báo sự cố tai nạn lao động là một vấn đề quan tâm hàng đầu vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng người lao động. Các sự cố tai nạn điển hình có thể gặp trong giai đoạn này là:

-Tai nạn về điện trong giai đoạn sản xuất như bị điện giật, chập điện và bất cẩn khi đóng ngắt điện.

-Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu trong quá trình bốc dỡ nếu xảy ra sự cố sẽ có thể gây tai nạn nguy hiểm đến tính mạng con người.

-Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy cũng có thể gây ra tai nạn rất nguy hiểm cho người lao động nếu có những sơ sót khi vận hành.

Tùy thuộc vào sự quan tâm của Công ty và ý thức chấp hành an toàn lao động của công nhân viên mà tần suất xảy ra tai nạn và mức độ thiệt hại là nhiều hay ít. Do đó, Chủ Dự án cần có các biện pháp thích hợp nhằm giảm thiểu tai nạn lao động đến mức tối đa và có giải pháp cứu chữa kịp thời nếu như xảy ra sự cố.

c. Sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất

Quá trình vận hành của Dự án có sử dụng hóa chất do đó trong quá trình lưu chứa và sử dụng có nguy cơ xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ gây ô nhiễm môi trường, gây nguy hiểm cho sức khỏe và tính mạng con người.

Nguyên nhân xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất là do:

-Công nhân bất cẩn, *thao* tác không đúng kỹ thuật, không tuân thủ các quy định về an

toàn làm việc với hóa chất.

-Hệ thống giá đỡ, kệ chứa bị hỏng hay chứa quá trọng tải quy định; sắp xếp không đúng kỹ thuật; bị ăn mòn bởi các hóa chất khác; va chạm với xe nâng trong quá trình vận hành.

-Thiết bị chứa bị hỏng do sử dụng quá lâu hoặc không đạt tiêu chuẩn;

-Cháy nổ bất ngờ, bão lụt, thiên tai,...

d. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm

Dự án tổ chức nấu ăn cho công nhân, xảy ra khi các công nhân ăn uống tập trung do đó sẽ có nguy cơ xả ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm đối với cán bộ công nhân viên. Sự cố ngộ độc thực phẩm xảy ra sẽ tác động đến sức khoẻ của công nhân viên, giảm năng suất lao động,... Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm thường không được coi trọng nên rất dễ xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Khi xảy ra tình huống này sẽ làm ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân, nếu không được cấp cứu kịp thời sẽ đe dọa đến sức khỏe con người.

Các bệnh do thực phẩm gây nên không chỉ là các bệnh cấp tính do ngộ độc thức ăn mà còn là các bệnh mạn tính do nhiễm và tích lũy các chất độc hại từ môi trường bên ngoài vào thực phẩm, gây rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể, trong đó có bệnh tim mạch và ung thư.

Trước mắt, thực phẩm là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng cho sự phát triển của cơ thể, đảm bảo sức khỏe con người nhưng đồng thời cũng là nguồn có thể gây bệnh nếu không đảm bảo vệ sinh. Về lâu dài thực phẩm không những có tác động thường xuyên đối với sức khỏe mỗi con người mà còn ảnh hưởng lâu dài đến nòi giống. Sử dụng các thực phẩm không đảm bảo vệ sinh trước mắt có thể bị ngộ độc cấp tính với các triệu chứng ồ ạt, dễ nhận thấy, nhưng vấn đề nguy hiểm hơn nữa là sự tích lũy dần các chất độc hại ở một số cơ quan trong cơ thể sau một thời gian mới phát bệnh hoặc có thể gây các dị tật, dị dạng cho thế hệ mai sau.

Dự án sẽ có phương án phòng chống sự cố này theo luật An toàn vệ sinh thực phẩm và hướng dẫn ở thông tư 15/2012/TT-BYT và thông tư số 30/2012/TT-BYT.

e. Sự cố đối với các công trình xử lý môi trường

❖ **Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải**

Bảng 4.17. Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên bể	Sự cố	Nguyên nhân
1	Bể điều hòa	Bơm yếu hoặc không chạy	- Do tác rác dẫn đến kẹt cánh quạt bơm - Mất nguồn điện cấp vào - Phao tín hiệu hỏng
		Tràn nước bể điều hòa	- Bơm bể điều hòa sang thiếu khí bị lỗi - Đường thu gom quá tải
		Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh
2		Bùn không đảo hoặc đảo không đều	- Mất nguồn điện cấp vào máy khuấy - Do máy khuấy mắc rác

STT	Tên bể	Sự cố	Nguyên nhân
	Bể thiếu khí	Nước đảo nhưng không có bùn, màu nước trong hoặc đen	- Do vận hành sai dẫn tới mất bùn
3	Bể hiếu khí	Máy thổi khí yếu hoặc không chạy	- Mất nguồn điện cấp vào
		Không có khí cấp vào bể	- Máy thổi khí - Chưa mở van điều chỉnh
		Đệm vi sinh bị bung và không cố định 1 chỗ	- Hỏng chức năng cố định đệm trên mặt bể - Đệm hết thời hạn sử dụng (12-24 tháng)
		Mất bùn hoặc bùn bị vỡ nhỏ	- Do sục khí quá mạnh - Sai quy trình vận hành hoặc mất điện,…
		Bể sinh học chứa đầy bọt trắng	- Hỗn hợp rắn lơ lửng có thể thấp - Vi sinh bị ức chế dẫn đến phân hủy nội bào
		Khí không đều trên bề mặt bể, bọt khí đường kính không nằm trong khoảng 4-5mm	- Bị mất áp cho dàn khí - Đĩa khí hết thời hạn sử dụng
4	Bể lắng	- Bơm định lượng yếu hoặc không chạy - Bùn nổi nhiều	- Mất nguồn điện cấp vào - Bùn bị phân hủy kỵ khí và lắng chưa hiệu quả do quy trình hoặc cấu tạo bể lắng
		Tràn bể lắng	Đường bơm bể điều hòa điều chỉnh không đúng công suất. Do tắc lọc -> tràn bể lắng
		Độ đậm đặc trong bùn hồi lưu rất thấp	- Tỉ lệ bùn hồi lưu quá cao. - Dạng hình sợi phát thiển.
5	Bể khử trùng	Mọc tảo rêu hoặc có vi sinh vật phù du	Chlorin khử trùng thiếu hoặc không có.
		Nước màu không trong	Sai quy trình vận hành

1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

1.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải

❖ Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao, hơn nữa các sản phẩm của nhà máy nói chung và dự án nói riêng đều là những sản phẩm công nghệ cao không phát sinh ô nhiễm trong quá trình vận chuyển. Tuy nhiên, để khống chế nguồn khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, các phương tiện giao thông ra vào khuôn viên nhà máy, ngay từ khâu xây dựng dự án và trong suốt quá trình triển khai hoạt động dự án, Công ty có một số biện pháp khống chế như sau:

-Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

-Xây dựng chế độ ra vào của xe vận chuyển hàng và chế độ bốc dỡ hàng hợp lý. Xe khi vào đến khu vực dự án phải chạy chậm với tốc độ cho phép trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không nổ máy.

-Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy đảm bảo diện tích ≥ 20% tổng diện tích khu đất, có vai trò điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.

-Vệ sinh quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi.

-Cấm toàn bộ xe vận chuyển hàng hóa, công tác nhập nguyên liệu và xuất hàng trong các giờ vào và tan ca của công nhân viên.

-Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong dự án cùng thời điểm.

-Tăng cường nhân viên bảo vệ, an ninh tại các vị trí tập trung phương tiện giao thông tại các thời điểm vào và tan ca.

-Kiểm định các phương tiện vận chuyển đúng theo luật định, đồng thời thường xuyên bảo dưỡng máy móc và phương tiện vận chuyển theo đúng yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

-Quy định vị trí đỗ xe thích hợp và tắt máy trong thời gian bốc xếp nguyên vật liệu và sản phẩm.

-Phun nước sân bãi giảm bụi do xe vận chuyển ra vào nhất là vào mùa nắng.

-Các biện pháp trên được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

❖ Giảm thiểu bụi từ hoạt động bốc xếp và lưu trữ nguyên vật liệu thành phẩm

Để giảm thiểu bụi từ hoạt động bốc xếp và lưu trữ nguyên vật liệu, thành phẩm Công ty thực hiện các biện pháp sau:

-Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm có tính chất cục bộ, tác động không liên tục và nồng độ không cao, hơn nữa các sản phẩm của nhà máy đều là những sản phẩm công nghệ cao nên bụi phát sinh từ công đoạn này là không đáng kể;

-Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc tại các khu vực này;

-Thường xuyên quét dọn và vệ sinh khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm.

❖ Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất

Để giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình cắt bể, nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Công ty quy định bắt buộc công nhân trực tiếp vận hành máy cắt, dập phải đội mũ, đeo kính bảo hộ, khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay,... khi làm việc cũng như trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tại các bộ phận khác.

- Công ty thường xuyên cho công nhân thu gom các bụi rìa sau mỗi ca làm việc về khu vực riêng biệt có mái che chắn gió, tránh phát tán gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ trang bị các thiết bị hút bụi di động để thu gom các bụi nhỏ chưa

thu gom hết trên sàn để hạn chế tối đa bụi phát tán vào không khí và tập trung vệ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

- Công ty thường xuyên vệ sinh nhà xưởng sạch sẽ sau mỗi ca làm việc.

- Kho bãi được làm bằng nền bê tông có mái che tránh nước mưa và tường bao quanh để tránh bụi phát tán vào môi trường xung quanh.

-Nhà xưởng được xây dựng cao ráo, thoáng mát, có bố trí cửa thông thoáng gió.

-Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng vào cuối ca hoặc cuối ngày làm việc.

-Trang bị kính, khẩu trang và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân và thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện của công nhân lao động cũng như khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

+ Bố trí các quạt hút trên trần mái và quạt để hút hơi ẩm, nhiệt thừa, kết hợp với hút các hơi khí độc hại khác và bụi ra khỏi khu vực sản xuất. Khí sạch được đưa vào bên trong nhà xưởng sau đó trao đổi không khí bên trong nhà xưởng, dòng khí bên trong nhà xưởng được quạt hút cho ra bên ngoài thông qua ống thoát khí. Hệ thống quạt hút sẽ hoạt động 03 giờ/01 lần để cấp khí tươi vào bên trong nhà xưởng. Chủ dự án bố trí quạt hút xung quanh khu vực sản xuất và các khu vực khác của dự án.

Khu vực bố trí máy ép nhựa sẽ được bố trí trong phòng riêng để giảm việc phát sinh mùi và khí thải ra khu vực xung quanh nhà máy.

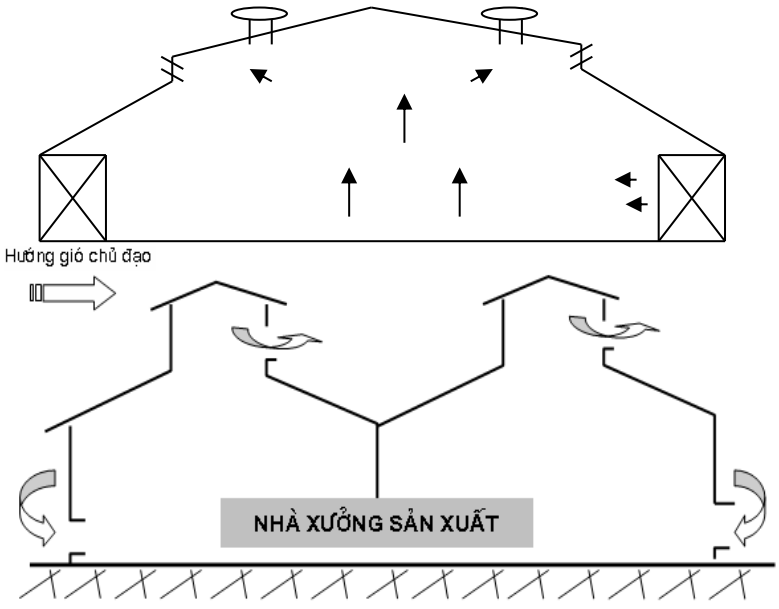

Hình 4.1. Sơ đồ thông gió nhà xưởng

Với các giải pháp trên với việc trang bị bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân làm việc tại nhà máy sẽ đảm bảo tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường.

❖Giảm thiểu khí thải phát sinh từ quá trình in ấn:

Khí thải hơi dung môi phát sinh từ khu vực in ấn (được bố trí tách biệt) sẽ được thu gom bằng hệ thống: thiết kế chụp hút thu gom toàn bộ mùi và khí thải dung môi cho thoát ra qua

hệ thống ống dẫn riêng, sau đó tiếp tục cho hấp phụ qua than hoạt tính trước khi phát thải ra môi trường xung quanh, cụ thể :

+ Đối với máy in offset 5 màu: đã lắp chụp hút, nhờ có gắn bơm hút đi vào hệ thống xử lý, tại hệ thống xử lý có sử dụng than hoạt tính để giữ lại dòng khí có chứa bụi và hơi dung môi phát sinh từ quá trình in. Dòng khí sạch qua ống được đưa ra ngoài.

+ Đối với máy in offset 6 màu: đã lắp chụp hút, nhờ có gắn bơm hút đi vào hệ thống xử lý, tại hệ thống xử lý có sử dụng than hoạt tính để giữ lại dòng khí có chứa bụi và hơi dung môi phát sinh từ quá trình in. Dòng khí sạch qua ống được đưa ra ngoài bằng 1 ống thoát cao 12m.

+ Đối với máy in UV: đã lắp chụp hút, từ chụp hút khí thải theo đường ống dẫn đến hệ thống xử lý khí bằng than hoạt tính sau đó thoát ra ngoài bằng 1 ống thoát riêng.

❖**Quy trình công nghệ:**

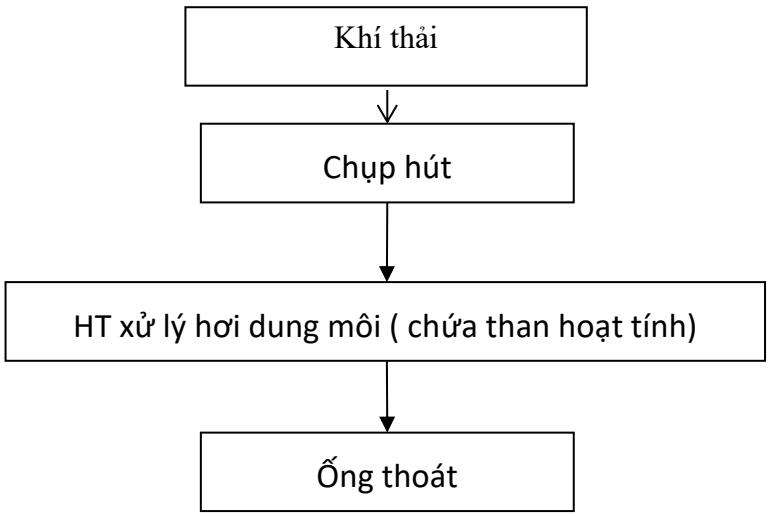

Thuyết minh quy trình: Khí thải từ quá trình in ấn tại xưởng in offset được thu gom qua các chụp hút theo đường ống dẫn vào hệ thống xử lý. Đối với máy in offset 5 màu và máy in UV khí thải được qua bộ phận lọc hấp phụ bằng than hoạt tính, các chất gây mùi hôi trong khí thải sẽ được giữ trên bề mặt vật liệu hấp phụ là than hoạt tính và dòng khí sạch được dẫn ra ngoài. Đối với máy in offset 6 màu quy trình xử lý như máy in offset 5 màu, tuy nhiên khí thải được đưa ra ngoài bằng ống thoát cao 12m. Hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT. Lớp than hoạt tính sử dụng cho quá trình xử lý hơi dung môi được thay mới 6 tháng/lần và lượng than hoạt tính đã xử lý được đóng thùng đưa vào khu vực chứa chất thải nguy hại và xử lý.

Bảng 4.18. Thông số kỹ thuật của thiết bị hấp phụ hơi dung môi bằng than hoạt tính của hệ thống như sau:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
01	Chụp hút	- Kích thước 640 x 800 x 1850 mm. - Chất liệu: tôn kẽm, độ dày 1mm	10

02	Đường ống thu gom	- Chiều dài 100m x1500mm. - Kích thước Ø500 - Chất liệu: tôn kẽm, độ dày 1mm	01 hệ
03	Đĩa chứa than	- Đĩa tròn, đường kính 200mm - Chất liệu: Thép không gỉ, độ dày của 3mm	10 cái
04	Quạt hút	- Điện: 3 pha 380 V - Lưu lượng: 1.200- 1.500 m3/h	10 cái
05	Ống thoát	- Ống Ø500. - Chiều cao 12 m - Chất liệu: tôn kẽm, độ dày 0,6mm	01 cái
06	Vật liệu hấp phụ: than hoạt tính	- Đường kính = 100cm - Số lớp vật liệu: 01 lớp - Khối lượng miếng than: 1,8kg - Tần suất thay than: 6 tháng/lần	

-Ngoài ra, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp quản lý tốt để đảm bảo hạn chế tác động do mùi và khí thải hơi dung môi (VOC) phát sinh từ quá trình sảnxuất đến công nhân, tăng cường một số biện pháp quản lý hơi dung môi như sau:

-Trang bị đồ bảo hộ cần thiết cho công nhân như khẩu trang, găng tay, áo,...

-Thông thoáng nhà xưởng để tạo môi trường làm việc thoải mái cho công nhân

❖**Giảm thiểu khí thải phát sinh từ máy phát điện:**

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các máy phát điện dự phòng, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

-Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ thường xuyên.

-Phát tán khí thải qua ống khói cao 10m để hạn chế gây ô nhiễm cục bộ khu vực mặt đất.

-Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S 0,05% (dầuDO).

-Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lướiđiện.

Công ty cam kết quản lý xử lý đảm bảo nồng độ bụi và khí thải tại ống thoát khí thải máy phát điện có nồng độ đạt QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kv = 1,0; Kp = 1,0.

1.2.2. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt của công nhân sau khi được xử lý tại bể tự hoại 5 ngăn và nước sử dụng nhà ăn sau khi qua bể tách dầu được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải công suất 70

m^3/ngày đêm để đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B (Kq=0,9; K_f=1,1) trước khi đấu nối dẫn về hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp

Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom theo đường ống HDPE D300, i=10,33% đưa về các hố ga thu gom và sau đó được bơm theo đường ống HDPE D300 và tiếp tục theo hệ thống ống HDPED300, i=0,33% để dẫn về hệ thống thu gom tập trung của dự án để xử lý với công suất 70 m^3/ngày.đêm. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được đấu nối ra hố ga nước thải đường N4 của khu công nghiệp.

❖Bể tự hoại

Nguyên tắc: không được thấm vào đất, vào nước ngầm

Cấu tạo xây dựng bằng bê tông M200.

-Số lượng công nhân sau khi mở rộng là 465 người. Lưu lượng là Q = 37,2 m^3/ngày.đêm.

-Thể tích bể tự hoại được tính toán như sau: $W = W_N + W_b$

-Trong đó:

-W_N: thể tích phần nước.

-W_b: thể tích phần bùn.

Thể tích phần nước: W_N:= K x Q = 2,5 x 38,25 = 95,625 m^3/ngày.đêm.

Trong đó:

-K: hệ số lưu lượng, K = 2,5.

-Q: lưu lượng trung bình ngày đêm, Q =38,25 m^3/ngày.đêm.

Thể tích phần bùn:

W_b= a x N x t (100-P_1) x 0,7 x 1,2 x (100 - P_2)/100.000

= 0,4 x 465 x 180 x (100-95) x 0,7 x 1,2 x (100-90)/100.000

= 25,7 m^3/ngày.đêm.

Trong đó:

-a: tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, q = 0,4 – 0,5 lít/người.ngày đêm.

-N: số công nhân viên 465 người.

-T: thời gian tích lũy cặn lắng trong bể tự hoại, t= 180-365 ngày đêm.

-0,7: hệ số tính đến 30% đã được phân giải.

-1,2: hệ số tính đến 20% cặn đã được giữ lại bể tự hoại để "nhiễm vi khuẩn" cho cặn tươi.

-P_1: độ ẩm của cặn tươi, P_1 = 95%.

-P_2: độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P_2 = 90%.

Diện tích tổng cộng của bể tự hoại: $W = W_N + W_b$ = 95,625 + 25,7 = 121,325 m^3.

Với tổng thể tích của bể tự hoại hiện hữu là 150 m^3 đã xây dựng đảm bảo khả năng lưu chứa cũng như xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Nhà máy ở giai đoạn mở rộng

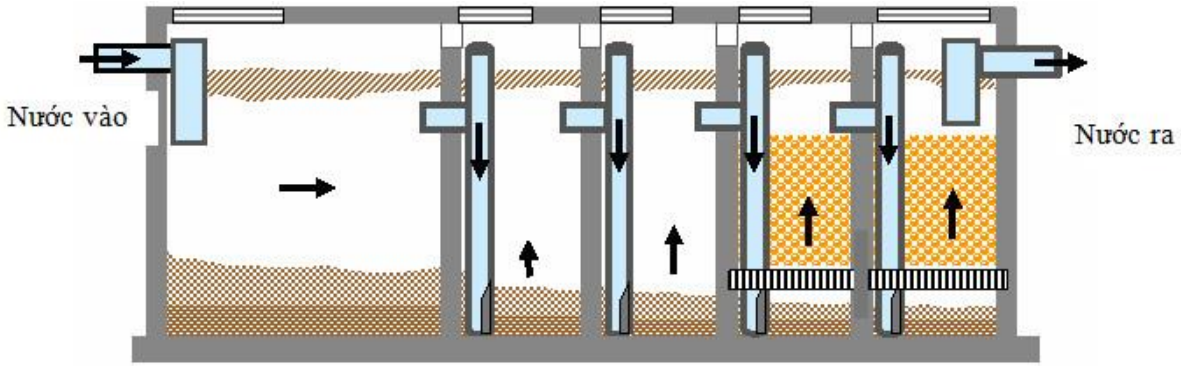

Hình 4.2. Sơ đồ mặt bằng và bể tự hoại 03 ngăn

Thuyết minh cơ chế hoạt động của bể tự hoại:

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật 3 ngăn, nước thải từ các khu vệ sinh dẫn về bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể. Ngăn đầu tiên có chức năng tách chất rắn ra khỏi nước thải. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ 2. Ở ngăn này, cặn lắng xuống đáy, vi sinh vật kỵ khí phát triển mạnh phân hủy các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ 3 để lắng toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu).

Trong bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Tần suất thuê đơn vị chức năng tiến hành thu gom bùn từ các bể tự hoại dự kiến khoảng 6 tháng/lần.

❖Bể tách mỡ

Khối lượng nước thải từ nhà ăn phát sinh khoảng 11,62 m^3/ngày. Đặc trưng nước thải chứa nhiều dầu mỡ, do đó sẽ được Công ty thu gom, xử lý bằng bể tách dầu mỡ trước khi dẫn về hệ thống xử lý công suất 70m^3/ngày.đêm.

Công ty xây dựng 02 bể tách dầu mỡ: thể tích 7m^3/bể bằng BTCT, tại khu vực nhà ăn.

Sơ đồ bể tách dầu mỡ của công ty như sau:

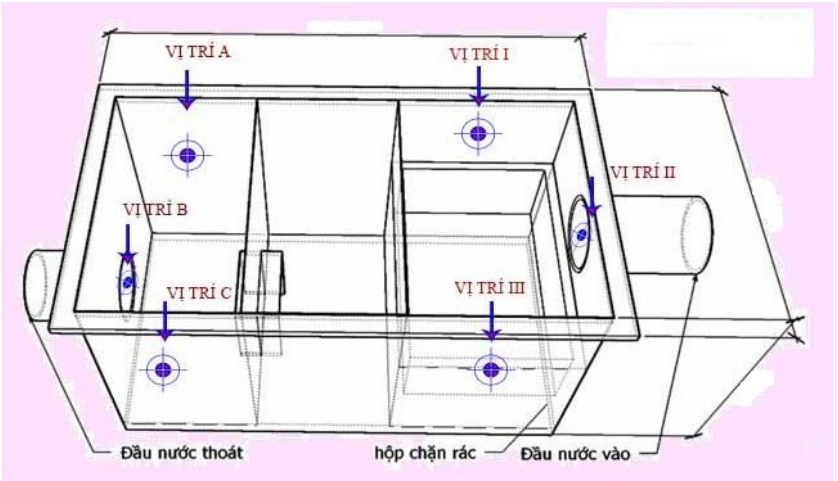

Hình 4.3. Sơ đồ bể tách dầu mỡ

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ dựa trên nguyên lý khác nhau về trọng lượng của nước, mỡ, được thiết kế để tách mỡ, chất béo nổi lên bề mặt. Mỡ thải được công nhân định kỳ 1-2 lần/ngày vớt thủ công bằng vợt và chứa vào thùng nhựa có nắp đậy. Mỡ sau khi được vớt được hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 70 m^3/ngày.đêm:**

Sơ đồ quy trình của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 60 m^3/ngày.đêm:

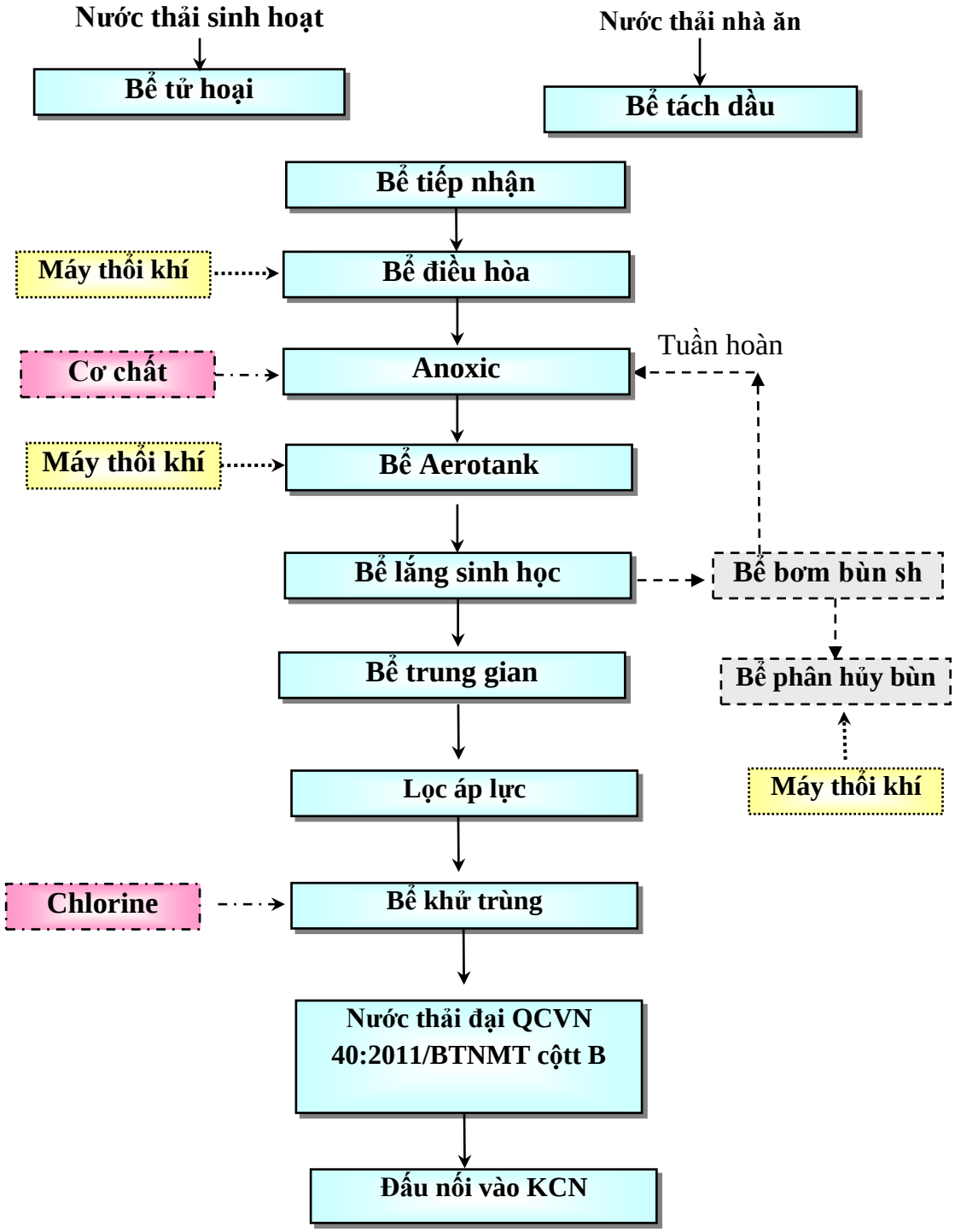

Hình 4.4. Hệ thống xử lý nước thải 70 m^3/ngày.đêm của dự án

Thuyết minh

Nước thải gồm 2 nguồn được thu gom riêng biệt như sau: nước thải từ nhà bếp, nhà ăn được thu gom vào bể tách dầu, để loại bỏ dầu mỡ trước khi chảy vào Bể Tiếp nhận; Còn nước thải nhà vệ sinh, nhà tắm từ bể tự hoại sẽ được thu gom và theo hệ thống thoát nước dẫn về bể điều hòa.

Bể điều hòa: có nhiệm vụ tiếp nhận và điều hòa về lưu lượng và nồng độ hữu cơ trong nước thải nhằm tránh gây quá tải cho vi sinh vật trong các bể phía sau. Bể điều hòa làm giảm kích thước và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công trình phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Nhờ vào hệ thống sục khí, nước thải được xáo trộn đều và tránh sự lắng cặn trong bể, tránh hiện tượng phân hủy kị khí tạo mùi hôi. Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm đến công trình xử lý tiếp theo là bể Anoxic để khử nitơ trước khi được chảy sang bể sinh học hiếu khí (Aerotank).

***Bể sinh học hiếu khí (Aerotank)*:** nơi diễn ra quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ và quá trình Nitrat hoá trong điều kiện cấp khí nhân tạo bằng máy thổi khí.

Bể lắng sinh học: có nhiệm vụ phân tách hỗn hợp nước và bùn, giữ lại lượng bùn trôi qua từ bể lọc sinh học vật liệu đệm. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8,000mg/L, tự chảy về bể chứa bùn sinh học. Một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn, tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3000mg/L. Lưu lượng bùn dư còn lại sẽ được bơm về bể phân hủy bùn. Độ ẩm bùn hoạt tính dao động trong khoảng 98-99.5%. Phần nước trong được dẫn sang bể khử trùng.

Bể trung gian: Có nhiệm vụ tiếp nhận nước thải sau lắng, điều hòa lưu lượng, chứa nước phục vụ cho máy bơm áp lực, trước bể lọc áp lực.

Lọc áp lực:Có tác dụng lọc triệt để cặn trong nước thải.

Bể khử trùng: Nước thải sau khi tách bùn được chảy bể khử trùng, tại đây chlorine được bơm vào nhằm tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh trước khi đấu nối vào nguồn tiếp nhận.

Phần nước sau khử trùng sẽ thải ra nguồn tiếp nhận đạt tiêu chuẩn cột B-QCVN 40:2011/BTNMT.

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể bơm bùn bùn. Một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính. Phần còn lại được bơm về bể phân hủy bùn, tại đây hệ thống khí được cấp và thổi liên tục, bùn sinh học được cấp khí trong điều kiện thiếu dinh dưỡng sẽ tự phân hủy nội bào biến thành CO_2 và H_2O.

Nước tách bùn phát sinh từ bể phân hủy bùn được đưa về bể điều hòa.

Bảng 4.19. Thông số kỹ thuật của các hạng mục xử lý nước thải

TT	Công trình	Kích thước xây dựng	Đơn vị	Thể tích
1	**Bể tiếp nhận**	L*B*H = 1,5m*1,5m*2,0m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	4,5
2	**Bể Điều Hòa**	L*B*H = 3.0m*3.0m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	31,5
3	**Bể Anoxic**	L*B*H = 3,0m*2,0m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	21
4	**Bể Aerotank**	L*B*H = 3,0m*3,0m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	31,5
5	**Bể Lắng Sinh Học**	L*B*H = 3,0m*3,0m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	31,5
6	**Bể trung gian**	L*B*H = 1,2m*0,8m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	3,36
7	**BồnLọc áp lực**	D*H = 0,63m*2,5m - Vật liệu: Inox	m^3	7,8
8	**Bể khử trùng (A&B)**	Bể khử trùng A: L*B*H = (0,8m*0,7m*3,5m) Bể khử trùng B: L*B*H = (08,m*0,7m*3,5m) - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	3,92
9	**Bể phân hủy bùn**	L*B*H = 3,0m*1,0m*3,5m - Vật liệu: BTCT M250, bên trong sơn chống thấm	m^3	10,5

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 04:2011/BTNMT cột B.

Chế độ vận hành

Chế độ vận hành: Vận hành theo hai chế độ tự động và bằng tay. Khi gặp sự cố, bảo trì bảo dưỡng, khởi động lại hệ vi sinh trong bể (vận hành bằng tay). Còn trong trường hợp hệ thống hoạt động ổn định, bình thường thì sẽ vận hành tự động.

Công tác vận hành hàng ngày:

+Xem xét nhật ký: có ghi nhận bất thường nào xảy ra không?

+Kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thông qua bảng hiển thị (các chỉ số đồng hồ đo, đèn hiển thị trạng thái trên tủ điều khiển).

+Kiểm tra bằng trực quan quá trình bùn hoạt tính: Có bọt nổi trên bề mặt bể hay không? Bọt màu gì? Độ dày của lớp bọt?

+Nước trong bể có được khuấy trộn đều hay không?

+Bùn trong bể màu gì?

+Mùi?

+Bể lắng có hiện tượng bất thường: bùn nổi, nước ra trong/ đục?

+Vệ sinh và thu gom rác tại lược rác: chu kỳ thu gom rác tối thiểu 1 lần/1ngày, tùy theo lượng rác thực tế trong quá trình vận hành.

+Kiểm tra hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy,…: nước bơm lên, tiếng ồn, van một chiều, độ rung, thời gian hoạt động…Và vệ sinh máy

+Kiểm tra lượng hóa chất trong kho và mức hóa chất đã pha còn lại trong bồn chứa. Tiến hành pha hóa chất nếu cần.

+Kiểm tra lượng bùn dư ở bể chứa bùn để xác định thời gian hút bùn.

+Kiểm tra toàn bộ hệ thống để bảo trì sửa chữa kịp thời các vị trí rò rỉ.

+Kiểm tra lịch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch.

Ghi chép đầy đủ các thông số đo đạc, kết quả công tác kiểm tra, sự cố, hướng khắc phục và những điều chỉnh vào Nhật ký vận hành. Kiểm tra và cài đặt các thông số vận hành.

+ Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng: Kiểm tra mực hóa chất ở tất cả các bồn chứa. Đảm bảo mực nước tối thiểu để vận hành không được nhỏ hơn 1/4 chiều cao bồn chứa.

Cài đặt mức lưu lượng cho các bơm định lượng hóa chất: Muốn điều chỉnh lưu lượng thì thực hiện cài đặt bằng cách xoay tay. Mức điều chỉnh công suất cho bơm theo lưu lượng hóa chất cần thiết cấp vào nước thải trong mỗi giờ.

Ghi chép đầy đủ số lượng hóa chất sử dụng trong từng ca làm việc.

+ Kiểm tra tủ điện điều khiển trung tâm:Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380-400V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố. Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

+ Kiểm tra hệ thống van và đường ống công nghệ. Kiểm tra các van trên đường ống đã đúng vị trí đóng / mở phù hợp với quy trình vận hành hay chưa.

Kiểm tra thiết bị: Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong HTXLNT. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
1	Lược rác	Khả năng thoát nước (do nghẹt rác).

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
2	Thùng rác	Vận chuyển rác đến nơi xử lý.
3	Bơm nước thải Bơm bùn thải Bơm hóa chất	• Nguồn điện cấp vào bơm. • Hoạt động của bơm theo phao hoặc/ và chương trình điều khiển tự động. • Lưu lượng bơm khi hoạt động. • Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. • Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van… • Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bơm, lượng dầu, nhớt, mỡ bò, ron, mối nối…
4	Máy thổi khí, thiết bị khuấy trộn	• Nguồn điện cấp vào máy. • Hoạt động của máy chương trình điều khiển tự động. • Lưu lượng khí cấp và áp suất làm việc. • Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. • Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van… • Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: V-belt, dầu, nhớt, mỡ bò, ron, mối nối…
5	Thiết bị phân phối khí	Khả năng phân phối khí trên bề mặt bể ở tất cả các vị trí.
6	Đồng hồ đo lưu lượng	• Giá trị lưu lượng tổng cộng.
7	Van điều khiển	• Nguồn điện cấp vào van. • Hoạt động theo chương trình điều khiển tự động.
8	Phao đo mức	• Khả năng đóng/ mở tiếp điểm. • Chế độ nổi lên và chìm xuống so với đối trọng.
9	Bồn chứa hóa chất	• Lượng hóa chất trong bồn. • Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí…

b. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải của dự án. Hệ thống thoát nước mưa dùng ống HDPE, trên các tuyến cống bố trí các hố ga thu nước, khoảng cách hố ga trung bình từ 10-60m/1hố, tùy theo khu vực.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án như sau:

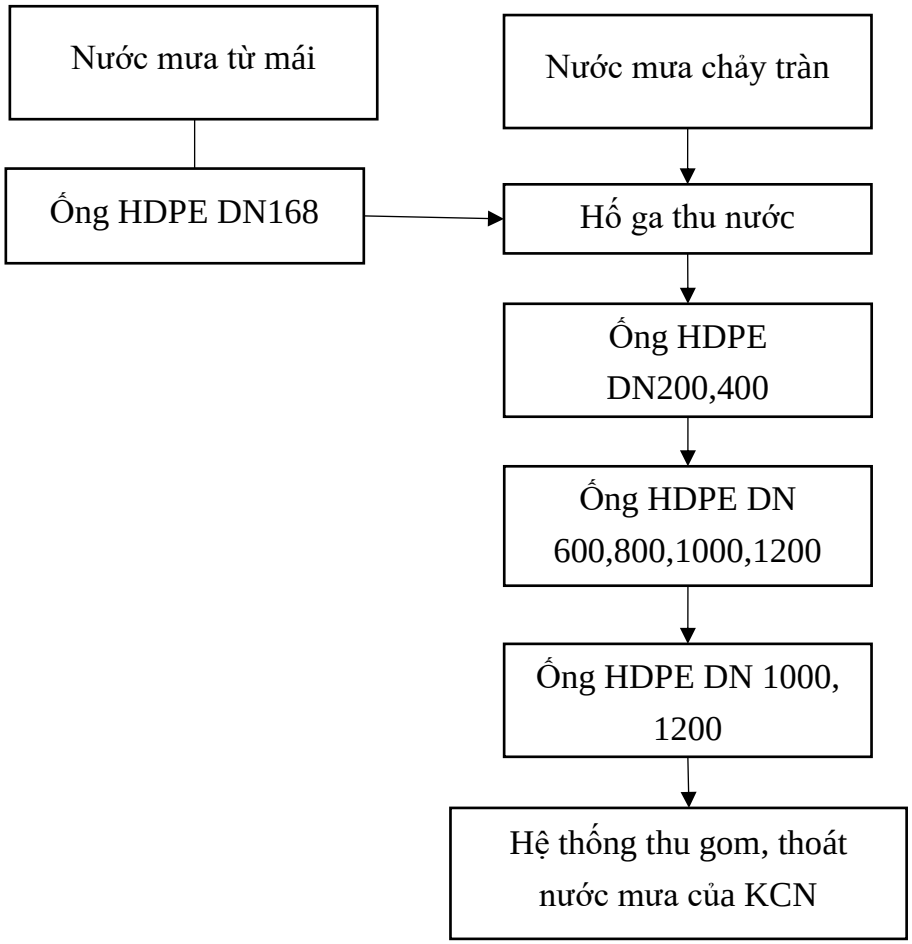

Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa của dự án bao gồm:

+Nước mưa mái và nước mưa ban công được thu gom qua các phễu thu thoát về các ống đứng D168mm chạy xuống các hố ga thu nước. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án, khu vực đất trống, sân đường nội bộ một phần tự thấm phần còn lại theo độ dốc địa hình chảy về các hố ga thu nước được bố trí trong khuôn viên dự án. Nước mưa từ các hố ga theo các tuyến ống D500 dọc theo nhà xưởng đến đầu khu xưởng và nối vào đường ống D500 độ dốc i = 0,3% sau đó tiếp tục theo đường ống HDPE D500 i = 0,3% chảy ra vị trí đấu nối nước mưa của KCN được bố trí dọc theo đường N4 để thoát theo hệ thống thoát nước mưa chung của KCN.

+ Phễu thu nước mái được gắn thiết bị chắn rác dạng cầu hoặc mặt phẳng, tùy thuộc vào từng vị trí phù hợp với kết cấu và mỹ thuật kiến trúc công trình để lựa chọn thiết bị phù hợp.

Vị trí đấu nối thoát nước mưa của dự án nằm trên tuyến đường N4, số lượng vị trí đấu nối: 01 vị trí, cụ thể:

+ Điểm đấu nối số 1: Tuyến cống thu gom nước mặt đường và nước mưa mái sau đó thoát ra hệ thống thoát nước của khu công nghiệp tại hố ga hiện hữu trên đường N4, có tọa độ

Chế độ xả: Tự chảy.

1.2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, Công ty phân loại và thực hiện theo quy trình như sau:

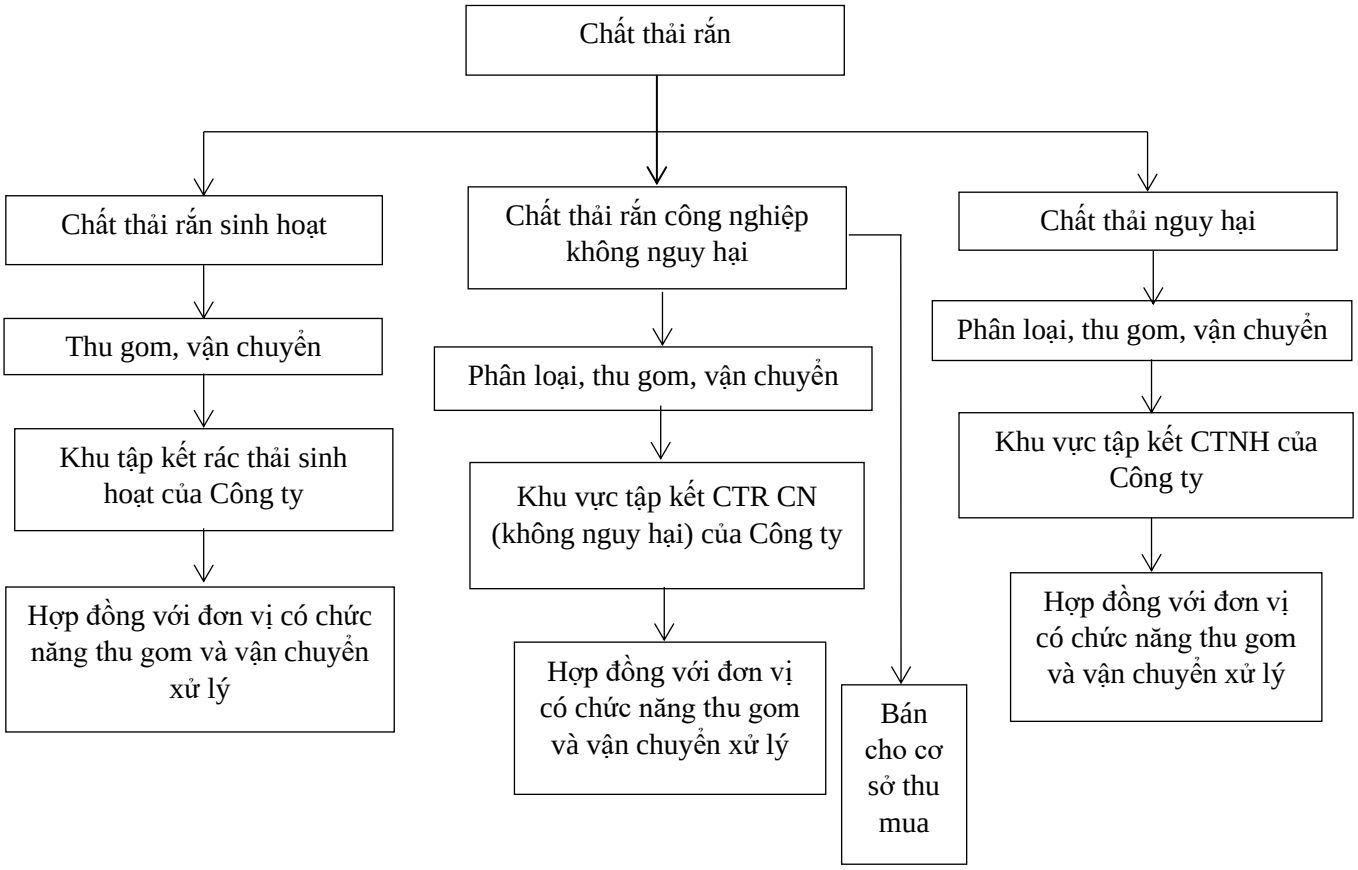

Hình 4.6. Sơ đồ thu gom chất thải của Công ty

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường mà chỉ có các công trình thu gom, lưu trữ sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và mang đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Vị trí khu vực tập kết chất thải của dự án: Công ty sẽ bố trí khu vực tập kết chất thải riêng biệt với các khu sản xuất. Vị trí tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, phế liệu (vị trí được thể hiện trong bản vẽ đính kèm trong phần phụ lục).

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh sẽ được Chủ dự án thu gom, phân loại theo quy định tại Khoản 1, Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể sẽ phân loại thành các nhóm chất thải sau đây:

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất;

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;

+ Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị các thùng chứa (màu xanh, có nắp đậy) đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, sân đường nội bộ để thu gom rác sinh hoạt của nhân viên và công nhân, vị trí đặt các thùng như sau:

-Thùng 10 lít, đặt tại nhà vệ sinh, số lượng thùng ước tính khoảng 10 thùng;

-Thùng 20 lít, đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, số lượng thùng ước tính khoảng 16 thùng;

-Thùng 240 lít (có nắp đậy, có bánh xe) đặt tại khu vực bên ngoài nhà xưởng (nằm phía sau mỗi xưởng), số lượng thùng ước tính khoảng 4 thùng để thu gom rác thải phát sinh của nhà máy;

-Tại khu nhà ăn đặt thùng 20 lít tại các góc nhà ăn, số lượng 10 thùng;

-Các loại chất thải rắn này sẽ được thu gom hằng ngày và vận chuyển về khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty. Khu vực chứa rác sinh hoạt được đặt phía bên ngoài, có diện tích khoảng 20 m^2.

-Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý lượng chất thải rắn sinh hoạt này.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

-Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu trữ trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 20 m^2 . Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định.

1.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Việc phân loại, thu gom, lưu trữ và quản lý chất thải nguy hại (CTNH) của dự án được thực hiện theo các quy định nhà nước về quản lý CTNH: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

-Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;

-Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, …);

-Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về "Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo".

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo mã, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng và được tập trung trong kho CTNH của công ty, có diện tích khoảng 20 m^2. Sau đó giao cho đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

-Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu trữ chất thải;

-Kết cấu kho chứa, hoạt động thu gom, xử lý đối với các loại chất thải rắn sản xuất thông thường tuân theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

❖Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông

Các phương tiện giao thông tham gia trên các tuyến đường đều gây ra các tác động về tiếng ồn và rung. Tiếng ồn, độ rung gây ra bởi động cơ của xe máy, tiếng còi xe, tiếng người dân tham gia giao thông. Do đó, các xe vận chuyển cần thường xuyên bảo trì máy móc, lắp đặt hệ thống

❖Đối với xưởng sản xuất

Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động như máy phát điện, máy nghiền, máy ép nhựa,... Để hạn chế tối đa các tác động của các hoạt động này, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

-Đối với các công nhân làm việc trực tiếp tại hoặc gần máy móc thiết bị có độ ồn cao, bố trí cho công nhân các dụng cụ an toàn lao động phù hợp như nút tai giảm tiếng ồn.

-Đảm bảo diện tích cây xanh xung quanh theo đúng quy định nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh; Cụ thể, diện tích cây xanh của dự án chiếm 20% tổng diện tích khu đất. Trong đó, bố trí tập trung bao quanh khu vực nhà xưởng và bố trí trồng cây xanh bao quanh khu vực dự án, dọc các tuyến đường để bảo vệ môi trường, điều hòa vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm tiếng ồn.

-Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt);

-Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn;

-Gắn bộ phận giảm thanh, lót đệm cao su ở chân đế để giảm bớt chấn động, độ rung khi hoạt động.

1.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường

a. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của Công ty

❖ Các biện pháp chung

-Xây dựng quy trình chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó trong tình trạng khẩn cấp.

-Lập kế hoạch bảo trì, kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị.

-Lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường phù hợp: bồn chứa nước thải dự phòng, hệ thống báo động, phương tiện PCCC

-Kiểm tra bảo dưỡng các thiết bị trước khi hết hạn.

-Quan trắc môi trường định kỳ 3 tháng/ lần.

-Theo dõi kết quả quan trắc hằng tháng của công ty cở sở hạ tầng Sonadezi tại vị trí đấu nối với khu công nghiệp.

-Ký kết hợp đồng và chuyển giao các loại chất thải cho đơn vị vận chuyển và xử lý có chức năng theo quy định.

-Thiết lập phiếu theo dõi, kết quả kiểm tra hằng ngày.

-Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn vệ sinh lao động hằng năm

-Xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm về an toàn lao động cho người lao động, huấn luyện đội chữa cháy thực hành chữa cháy, thực hành ứng phó tràn đổ hóa chất, ứng phó sự cố môi trường.

-Định kỳ 6 tháng/ lần kiểm tra việc tuân tủ các quy định về phân loại rác và quản lý, sử dụng hóa chất trong công ty.

❖ **Biện pháp kỹ thuật an toàn**

Đây là Biện pháp quan trọng nhất trong quá trình thao tác của người công nhân, yêu cầu tối thiểu cho người công nhân, hiểu các thao tác nghiệp vụ trước khi vận hành hệ thống xử lý, thiết bị cơ giới, cơ khí và pha chế hóa chất.

Đối với hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, sau khi nhận bàn giao hệ thống từ đơn vị thiết kế thi công. Công nhân viên của bộ phận quản lý hệ thống sẽ hướng dẫn cách vận hành, thao tác thực hiện từ đơn vị cung cấp. Đồng thời thiết lập quy trình thực hiện để hiển thị tại khu vực làm việc.

Đối với hóa chất của các vị trí toàn nhà máy, nghiệp vụ quan trọng nhất là kỹ thuật an toàn hóa chất, vì vậy công ty đã triển khai các khóa huấn luyện an toàn kỹ thuật theo nội dung của Công ty đặt ra.

Bên cạnh đó, công ty thuê đơn vị đào tạo đủ yêu cầu theo quy định pháp luật huấn luyện An toàn hóa chất cho công nhân viên thực hiện công việc liên quan đến hóa chất định kỳ 2 năm/lần.

Chủ động thực hiện các biện pháp ngăn ngừa sự cố môi trường.

Hằng năm, công ty tổ chức các buổi diễn tập cho đội ứng phó sự cố môi trường và sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất nhằm trao dồi kiến thức, nâng cao khả năng xử lý và khắc phục khi sự cố xảy ra. Tổ chức ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho cán bộ công nhân viên.

Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng thành lập ban chỉ huy thống nhất trong việc lập phương án xử lý sự cố, phòng cháy chữa cháy và tổ chức diễn tập chữa cháy để đảm bảo hiệu quả ứng cứu khi có sự cố.

❖ **Biện pháp giám sát sửa chữa**

Đây là rủi ro thiết bị của Công ty, trong quá trình vận hành hệ thống. Các máy bơm, bể chứa, đường ống bị ăn mòn, rỉ sét do tác động của hóa chất, của thời tiết, thời gian dẫn đến bị hư hỏng, xuống cấp. Để ngăn ngừa sự hư hao máy móc, thiết bị công ty đã sử dụng các chất liệu phù hợp và đưa ra các kế hoạch bảo trì bảo dưỡng và thay thế kịp thời.

Trong quá trình sử dụng xe nâng hàng, dụng cụ chuyên dùng để vận chuyển, san chiết, sử dụng hóa chất. Các thao tác nghiệp vụ khắc phục sự cố của động cơ và vận hành pha chế nhằm đảm bảo vận hành tốt tránh các sự cố trong quá trình xếp dỡ, pha chế, vận chuyển hóa chất.

❖ **Biện pháp giám sát vận hành**

Một trong những yếu tố quan trọng trong Công ty là giám sát quá trình các thao tác vận hành của người công nhân lao động trực tiếp tại các hệ thống xử lý nước thải, khí thải, công đoạn có sử dụng hóa chất. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự cố, tai nạn trong quá trình làm việc là sự chủ quan hoặc không theo quy trình tác nghiệp. Do đó, thao tác không đúng quy trình, không an toàn sẽ dẫn đến các sự cố không mong muốn. Công ty luôn chủ động thực hiện việc giám sát vận hành pha chế và tạo tính tự giác cao nên khả năng xảy ra sự cố dẫn đến rủi ro hay tai nạn nhỏ rất hạn chế.

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Việc xảy ra cháy nổ tại trạm xử lý nước thải chủ yếu là do nguyên nhân: cháy nổ do khí mêtan, bồn hoá chất bị ăn mòn rỉ sét, cháy bơm nước thải, hệ thống điện bị sự cố. Các biện pháp giảm thiểu tác động do cháy nổ HTXLNT được đưa ra là:

-Thiết kế vận hành tốt hệ thống sục khí trong quá trình xử lý hiếu khí để hạn chế tối đa việc hình thành các vùng yếm khí trong nước thải, tránh tạo ra khí mêtan không mong muốn.

-Kiểm soát tốt tuần hoàn bùn hoạt tính và bùn dư sẽ giảm thiểu lượng bùn thải xử lý dẫn tới giảm lượng chất hữu cơ trong bùn bị phân huỷ yếm khí trong quá trình xử lý bùn, giảm lượng khí mêtan phát sinh.

-Kiểm tra các hệ thống thoát khí trong các bể nước thải.

-Kiểm tra bồn chứa hoá chất thường xuyên để tránh hiện tượng rò rỉ, phát nổ bồn hoá chất.

-Kiểm tra thường xuyên các thiết bị, không để máy bơm hoạt động trong tình trạng không có nước.

-Duy tu bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện cung cấp cho trạm xử lý.

-Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại HTXL.

Các sự cố thường gặp và biện pháp khắc phục:

Bảng 4.20. Các sự cố thường gặp và cách khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân		Cách khắc phục
1	Bơm chìm nước thải không hoạt động	Chưa cấp điện cho bơm Nước trong bể quá ít Van máy bơm chưa mở Bơm bị chèn vật lạ hay bị sự cố		Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện). Chờ nước đầy Mở van và điều chỉnh van ở vị trí thích hợp. Kiểm tra bơm để tìm cách khắc phục
2	Bùn bị nghẹt trong ống dẫn bùn	Thể tích bùn vào lớn hơn công suất thiết kế Không thể làm sạch bùn tích luỹ trên đường ống		Điều chỉnh khối lượng bùn đầu vào đúng thiết kế Kiểm tra định kỳ đường ống. Loại bỏ và làm sạch bùn tích luỹ trên đường ống.
3	Bơm định lượng hoá chất không hoạt động	Chưa cấp điện cho bơm Có vật lạ nghẹt trong van của đầu hút và đầu đẩy Bị khí lọt vào		Đóng tất cả thiết bị điện điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện). Vệ sinh đầu hút và đầu đẩy Kiểm tra đệm và xả khí
4	Máy thổi khí	Quá nhiệt và tiếng ồn bất thường	Hết dầu	Cấp dầu vào
			Bạc đạn bị hư	Cấp dầu vào hoặc yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra
		Công suất giảm	Dây đai bị đùn hoặc hư	Điều chỉnh hoặc thay thế
			Bị nghẹt ở bộ lọc khí	Vệ sinh
Các hạng mục chính cần kiểm tra hằng ngày				
5	Bồn hoá chất	Ăn mòn/Rò rỉ		Kiểm tra giá đỡ, sơn bọc lại những chỗ bị rỉ sét, tìm ra nguyên nhân để sửa chữa
		Kiểm tra mực hoá chất còn lại		Kiểm tra và thêm hoá chất vào bồn
6	Van	Rò rỉ		Kiểm tra sự hư hỏng của các con vít và các bộ phận bọc bên ngoài, sửa chữa hoặc thay thế
7	Kệ, giá đỡ	Lỏng do rung động		Siết chặt bu lông lại
8	Thiết bị trong tủ điện	Sự rung động hoặc vật lạ vướng vào công tắc từ và rơ le bổ trợ		Siết chặt tiếp điểm, lấy vật lạ ra và thay thế những bộ phận nếu cần
		Nổ cầu chì		Kiểm tra công suất và tìm ra nguyên nhân
		Nhiệt độ tăng bất thường trong tủ thiết bị		Không quá 40^0C. Nếu vượt qua phải tìm hiểu nguyên nhân
		Mối nối không chặt		Siết chặt ốc nối

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
9	Song chắn rác tại hầm bơm	Bị nghẹt rác	Lấy chất thải ra
10	Nhiều chất rắn lơ lửng cuốn theo ra từ bể lắng	Bùn dư không được xả hoặc chất lượng bùn kém	Kiểm tra chất lượng bùn trong bể bằng thông số MLSS rồi quyết định lượng bùn xả định kỳ mỗi ngày. Vớt bùn nổi trên bề mặt bể lắng

Trên đây là các biện pháp khắc phục khi trạm xử lý nước thải xảy ra các sự cố nhằm giảm thiểu tối đa các hư hỏng của hệ thống. Ngoài ra, với các biện pháp trên thì khi dự án xảy ra sự cố sẽ không cần phải mất quá nhiều thời gian để sửa chữa hoặc thay thế.

c. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố hệ thống xử lý khí thải

Trường hợp hệ thống xử lý khí thải bụi, hơi dung môi gặp sự cố cần sửa chữa, cải tạo. Công ty luôn có người vận hành theo dõi hệ thống xử lý khí thải hàng ngày để kịp thời báo cáo các sự cố có thể xảy ra. Hàng tháng Công ty luôn có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng cho hệ thống đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định. Thời gian bảo trì, sửa chữa được thực hiện vào những ngày nghỉ của Công ty.

Trường hợp các hạng mục xử lý môi trường gặp sự cố ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả thì Công ty sẽ tạm ngưng sản xuất để tiến hành khắc phục cải tạo, đến khi các hạng mục xử lý môi trường hoạt động ổn định thì Công ty mới sản xuất trở lại.

d. Đối với quá trình lưu giữ chất thải rắn và chất thải nguy hại

-Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước theo đúng quy định;

-Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

-Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có xây dựng mương bao quanh đề phòng trường hợp chất thải lỏng bị rò rỉ. Khi chất thải lỏng bị rỏ rỉ sẽ chảy vào mương rồi chảy vào hố thu gom. Chủ dự án sẽ thu gom chất thải này chứa vào thùng chứa giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại.

-Các chất thải được phân loại và lưu trữ theo đúng layout đã được hiển thị.

- Thiết lập và hiển thị các quy định khi lưu trữ chất thải tại kho.
- Các chất thải lỏng được bố trí đặt để trong các khay chống tràn
- Trang bị các phương tiện ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất tại kho lưu trữ CTNH
- Công nhân viên quản lý kho sẽ được đào tạo về an toàn hóa chất, quy định về phân loại rác và cách xử lý khi có sự cố trước khi thực hiện công việc

- Quản lý kho**:** chỉ khi có nhân viên có trách nhiệm và bảo vệ giám sát mở kho thì mới được vào kho, có hệ thống theo dõi cập nhật và ghi nhận khối lượng và mã CTNH khi nhập vào kho.

-Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

e. Sự cố hóa chất và khu chứa hóa chất

❖**Biện pháp lưu trữ:**

-Khu vực lưu trữ phải có biển báo.

-Có dữ liệu an toàn về hóa chất:

+Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).

+Thành phần hóa chất.

+Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.

+Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.

+Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy…

+Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính…

-Khu vực lưu trữ hóa chất phải đảm bảo về nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí.

-Nhà kho phải có tính chịu lửa, ngăn cách cháy, thoát hiểm, vật liệu cách nhiệt, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy và phòng chống cháy. Xung quanh nhà kho chứa hóa chất được xây các rãnh để thu gom hóa chất khi có sự cố tràn đổ, lượng hóa chất này sẽ được chảy theo các đường rãnh và về hố thu gom.

-Vật liệu xây dựng kho là vật liệu không bắt lửa và khung nhà được gia cố chắc chắn bằng bê tông hay thép.

-Nhà kho có lối ra, vào phù hợp, có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.

-Được giữ khô và tránh sự gia tăng nhiệt độ. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót… hóa chất.

- Hóa chất được đặt lên các pallet, phân biệt rõ từng loại hóa chất khác nhau.

Kế hoạch thực hiện: xây dựng các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (bảng MSDS – Material Safety Data Sheet):

-Mục đích của bảng MSDS: báo cho người lao động về thuộc tính của các loại hóa chất, các khả năng gây thương tổn tiềm ẩn của hóa chất trong khu vực sản xuất theo luật thì người lao động có quyền được biết. Nó được đưa ra để cho những người cần phải tiếp xúc hay làm việc với hóa chất đó, không kể là dài hạn hay ngắn hạn các trình tự để làm việc với nó một cách an toàn hay các xử lý cần thiết khi bị ảnh hưởng của nó.

-Một bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS) phải bao gồm các mục sau:

+ Tính đại diện hóa chất hay sự nguy hiểm hóa học.

+ Lý và hóa tính: dễ cháy, dễ phát hỏa, màu sắc, mùi vị, tỷ trọng riêng, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, điểm bắt lửa, điểm nổ, điểm tự cháy, độ nhớt, tỷ lệ bay hơi, áp suất hơi, thành phần phần trăm cho phép trong không khí, khả năng hòa tan trong các dung môi như nước, dung môi hữu cơ …

+ Các điều kiện tiêu chuẩn để lưu giữ, bảo quản hóa chất trong kho (nhiệt độ, độ ẩm, độ thoáng khí, các hóa chất không tương thích v.v) cũng như các điều kiện cần tuân thủ khi tiếp xúc với hóa chất.

+ Nguy hiểm lý tính: sản phẩm phản ứng như thế nào đối với hóa chất khác. Khả năng phát nổ, phát hỏa.

+ Nguy hiểm đến sức khỏe: những dấu hiệu và triệu chứng có thể gây bệnh tật.

+ Thông tin về sản phẩm có gây ung thư hay không.

+ Cách xử lý và sử dụng an toàn: làm gì khi hóa chất bị đổ ra ngoài.

+ Thiết bị bảo hộ lao động cần sử dụng khi làm việc với hóa chất.

+ Quy trình thao tác khi làm việc với hóa chất.

+ Kiểm tra và biện pháp bảo vệ.

+ Tình trạng khẩn cấp và thủ tục giúp đỡ đầu tiên làm thế nào để xử lý tai nạn khi sử dụng hóa chất.

+ Các quy định về đóng gói, tem mác và vận chuyển.

+ Tờ MSDS được chuẩn bị lúc nào. Cập nhật hay thay đổi.

+ Tên, địa chỉ, số điện của người chịu trách nhiệm soạn thảo MSDS.

+ Tên gọi thương phẩm, tên gọi hóa học và các tên gọi khác cũng như các số đăng ký CAS, RTECS v.v.

-Ngăn cấm công nhân mang vật dụng phát sinh nhiệt ra vào khu vực lưu trữ hóa chất.

-Không được hút thuốc hay ăn uống khi sử dụng hóa chất.

-Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động găng tay, khẩu trang, mắt kính…) cho công nhân viên khi chiết rót hóa chất.

-Cung cấp cho công nhân bản hướng dẫn sử dụng hay bảng dữ liệu an toàn hóa chất của nhà cung cấp và mức độ độc hại của hóa chất khi sử dụng (các ký hiệu nguy hiểm thường được biểu diễn bằng màu cam và đen và được giải thích mối nguy hiểm của loại hóa chất đó).

-Đảm bảo hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng vị trí, đảm bảo an toàn và có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.

-Không sử dụng hóa chất đã quá hạn sử dụng.

-Có tủ thuốc để sơ cứu khi xảy ra sự cố, tủ thuốc phải có thuốc tiệt trùng, gạc đệm vô trùng cho mắt, kim tây, bông băng vết thương tiệt trùng, thuốc rửa vết thương…

-Tuân thủ theo Luật Hóa chất Việt Nam 2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

❖Các biện pháp an toàn trong vận chuyển nguyên liệu, hóa chất

-Vận chuyển hóa chất phải tuân thủ theo những quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

-Vận chuyển hóa chất theo đúng lịch trình được ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển giữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa.

-Nghiêm cấm việc vận chuyển hóa chất trên các phương tiện cùng với chuyên chở khách hàng, chuyên chở vật nuôi, chuyên chở lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác.

-Người vận chuyển phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của hóa chất như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển; Khi đi theo hàng, nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.

-Thùng chứa hóa chất để vận chuyển phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước.

-Tất cả các thùng chứa thuốc phải được dán biểu tượng nguy hiểm.

-Trước khi xếp hóa chất nguy hiểm lên phương tiện vận chuyển, người xếp hàng và người phụ trách phương tiện vận chuyển phải cùng kiểm tra, nếu phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn mới được xếp hàng lên.

❖Các biện pháp ngăn ngừa chảy tràn đổ và rò rỉ hóa chất và an toàn lao động cho công nhân

Nhà máy bố trí khu vực chứa hóa chất tại vị trí thoáng mát, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời, có mái che chắn.

Các bồn chứa hóa chất luôn phải đóng chặt nắp;

Bồn chứa hóa chất thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nhằm sửa chữa, thay thế và khắc phục kịp thời việc rò rỉ nhiên liệu.

Khu vực chứa hóa chất không được đặt bất cứ vật gì phía trên.

Tại khu vực chứa có gắn biển "Cấm lửa", các loại xe và động cơ hoạt động phải cách ly với khu vực chứa khoảng 10m.

Trong trường hợp bị rò rỉ trên mặt bằng nhà xưởng:

+ Nếu có sự cố tràn đổ hóa chất, nhà máy sẽ xử lý tràn đổ bằng cát, sau đó cát này được thu gom như chất thải nguy hại và được đem đi xử lý. Đối với phần còn xót lại, sẽ được dùng giẻ lau, bông thấm lau sạch và thu gom giẻ lau và xử lý như chất thải nguy hại.

+Không cho chất lỏng thoát vào cống, ống thoát nước hoặc các vùng ẩm thấp.

+Tham khảo ý kiến của các chuyên gia về việc sử dụng các nguyên liệu nào để khắc phục những hậu quả xảy ra và đảm bảo phải tuân thủ theo những nguyên tắc của địa phương.

-Hạn chế công nhân làm việc tại khu vực phát sinh hơi hóa chất, trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: Nón bảo hộ, quần áo, giày, khẩu trang, bao tay, kính, mặt nạ che mặt…

-Khi gặp trường hợp bị dính, hay nuốt phải dung môi thực hiện các biện pháp sơ cứu sau:

+Nếu nuốt phải: Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sỹ hoặc chở bệnh nhân đến bệnh viện.

+Nếu bị dính trên da hoặc tóc: Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Ngâm bộ phận bị dính bẩn bằng vòi nước hoặc vòi hoa sen ít nhất 15 phút và sau đó rửa lại bằng xà bông và nước nếu có thể. Nếu da trở nên đỏ, sưng, đau và phồng rộp, chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị thêm

+Nếu hít phải: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp. Liên hệ với trung tâm giải độc hoặc bác sỹ nếu thấy mệt mỏi. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo.

+Nếu bị dính vào mắt: thận trong rửa bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế

+Nếu có hoả hoạn: Dùng loại bọt chống cồn, nước phun có áp hoặc ở dạng phun sương để dập lửa.

f. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại nhà máy

Khi dự án xảy ra các sự cố về chất thải phát sinhh do các thiết bị hư hỏng, máy móc sản xuất, công trình bảo vệ môi trường trục trặc, cúp điện. Chủ dự án sẽ có kế hoạch ứng phó khẩn cấp do Tổng giám đốc làm trưởng ban chỉ đạo ứng phó khẩn cấp, các đội trưởng, thành viên. Nếu như sự cố phức tạp, công ty sẽ thông tin ra các đơn vị có liên quan bên ngoài. Kế hoạch ứng phó sự cố như sau:

❖**Ban chỉ đạo ứng cứu khẩn cấp của công ty**

Trưởng ban chỉ đạo ứng cứu khẩn cấp: tổng giám đốc

- Trợ giúp, chỉ huy ứng cứu khẩn cấp về mọi phương diện như người, phương tiện, vật chất đủ để xử lý, khắc phục tình trạng ứng phó khẩn cấp.

- Chỉ đạo tổ chức ứng phó, hoàn thành mục tiêu đề ra trong chiến lược ứng phó. Đánh giá chiến lược ứng phó bao gồm đánh giá mức độ nghiêm trọng của sự cố và xác định mức độ tham gia của công ty

- Ban chỉ đạo có trách nhiệm đánh giá và xác định chiến lược ứng phó để trình trưởng ban chỉ đạo trong giai đoạn đầu tiên của sự cố, theo sát và điều chỉnh chiến lược khi cần, kiểm tra công tác ứng phó của công ty và cập nhật các thông tin về sự leo thang của sự cố cũng như về tác động do sự cố gây ra

- Thông báo và hợp tác với chính quyền công an địa phương, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai với các cơ quan chức năng liên quan yêu cầu trợ giúp nguồn lực ứng phó và quyết định thời điểm kết thúc công tác ứng phó

- Triệu tập, điều hành công việc của ban chỉ đạo ứng cứu khẩn cấp, chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc công ty xử lý, khắc phục tình huống ứng phó sự cố khẩn cấp

- Điều phối công tác ban chỉ đạo ứng phó

- Quyết định mức độ tham gia của Công ty trong hoạt động ứng phó khẩn cấp

- Quyết định giải pháp ứng phó tổng thể, điều động triển khai nguồn lực ứng phó thông qua các trưởng ban điều hành phối hợp sự cố

- Quyết định cung cấp những thông tin cần thiết về sự cố tai nạn cho các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí,..

Đội trưởng đội ứng cứu sự cố của các khối

- Hỗ trợ trưởng ban chỉ đạo ứng cứu trong việc điều hành công việc, huy động nhân lực, vật dụng trong nhà máy, trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên viên trợ giúp

- Hỗ trợ ứng cứu khẩn cấp tại hiện trường trong tình huống sự cố đặc biệt nghiêm trọng

- Đầu mối tổng hợp các thông tin liên quan tới tình hình sự cố, tai nạn

- Chịu trách nhiệm liên lạc với các cơ quan ngoài Công ty tham gia phối hợp các hoạt động ứng cứu khẩn cấp

- Phụ trách việc soạn thảo các văn bản, báo cáo liên quan sự cố, tai nạn

- Trong một số trường hợp trưởng ban ứng cứu khẩn cấp có thể ủy quyền cho đội trưởng đội ứng phó sự cố. Người được ủy quyền có thể thay mặt trưởng ban điều hành công việc của ban chỉ đạo ứng cứu khẩn cấp.

Các thành viên khác trong ban hỗ trợ ứng phó khẩn cấp

- Trợ giúp trưởng ban trong chỉ đạo điều hành phối hợp ứng cứu khẩn cấp về những nội dung có liên quan đến nghiệp vụ, chuyên môn, phòng chức năng đơn vị trực thuộc Công ty

- Khi cần thiết, có thể trực tiếp phụ trách một đơn vị hoặc một bộ phận tham gia ứng cứu khẩn cấp

- Chịu trách nhiệm những công việc cụ thể theo sự phân công, chỉ định của trưởng ban

Phòng quản lý thiết bị

- Đề xuất chỉ đạo biện pháp kỹ thuật sửa chữa khắc phục sự cố, tài liệu bản vẽ liên quan đến ứng phó khẩn cấp, cung cấp nhân lực ứng phó kịp thời dưới sự điều động của chỉ huy ứng cứu khẩn cấp

❖ **Thông báo (thông tin) ra bên ngoài**

- Thông báo đến các cơ quan chức năng (PCCC-Cứu nạn, cứu hộ khi có tình huống cháy, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp, đơn vị kinh doanh hạ tầng…) để được hỗ trợ nếu xét thấy cần thiết.

- Báo công an khu vực, chính quyền địa phương.

g. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

-Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;

-Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;

-Chủ dự án phải căn cứ vào sức khoẻ của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;

-Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

h. Đối với xưởng sản xuất

- Bố trí đặt quạt hút, thông gió tại các vị trí.
- Thiết kế các thiết bị giải nhiệt khu sản xuất, tồn trữ bằng cách thông gió để cải thiện môi trường làm việc. Lưu giữ các hóa chất dễ cháy và độc trong các thiết bị kín để làm giảm khả năng bay hơi.
- Kiểm soát tình hình kỹ thuật của bình chứa, can chứa hóa chất (đã phối trộn),… thiết bị bao bì chứa hóa chất theo hướng dẫn kiểm soát của Công ty, không sử dụng các thiết bị chứa, bao bì chứa khi có tình trạng kỹ thuật không đảm bảo an toàn, yêu cầu, lý lịch kiểm soát đầy đủ.
- Thiết bị xử lí sự cố dung môi, phương tiện BHLD dùng khi xử lí sự cố dung môi được bảo quản, bảo trì phù hợp, kiểm tra để luôn sẵn sàng.
- Định kỳ tổ chức huấn luyện, kiểm tra công nhân vận hành về quy trình vận hành tại từng công đoạn sản xuất.

i. An toàn vệ sinh thực phẩm

Phòng ngừa

-Nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.

-Thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

-Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

-Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt quy chuẩn quy định;

-Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

-Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm;

-Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

-Thực hiện theo hướng dẫn tại điều 7 thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10 tháng 1 năm 2011 về hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

-Thành lập tổ y tế của nhà máy và các biện pháp sơ cứu khi xảy ra sự cố.

-Khi có sự cố ngộ độc xảy ra đối với hàng loạt công nhân, liên hệ đưa công nhân đến trung tâm y tế gần nhất để cấp cứu và xác định nguyên nhân.

Ứng cứu

Khi nhận thấy các dấu hiệu của ngộ độc như: đau bụng quằn quại, nôn nhiều, tiêu chảy,… các công nhân bị ngộ độc thực phẩm sẽ được đưa đến các cơ sở y tế gần dự án để tiến hành chữa trị và các bệnh viện tuyến trên nếu cần thiết. Trong trường hợp tất cả các công nhân viên tại dự án đều bị ngộ độc thực phẩm thì sẽ tiến hành chuyển từng nhóm bệnh nhân đến các cơ sở này để đảm bảo đủ giường bệnh và chữa trị kịp thời.

1.2.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

a. Công trình, biện pháp để giảm thiểu nhiệt thừa

Để giảm thiểu nhiệt thừa Công ty áp dụng các biện pháp để giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng của yếu tố vi khí hậu đến sức khoẻ công nhân, tạo môi trường làm việc tốt như:

-Khi thiết kế nhà máy quan tâm đến các giải pháp thông gió tự nhiên, triệt để lợi dụng hướng gió chủ đạo để bố trí hướng nhà hợp lý, tăng cường diện tích cửa mái, cửa chóp và cửa sổ.

-Bố trí quạt thổi mát cục bộ cho những nơi phát sinh nhiều nhiệt như khu vực tập trung nhiều máy móc và nơi công nhân làm việc tập trung.

-Bố trí các chụp hút trên trần mái và quạt để hút hơi ẩm, nhiệt thừa ra khỏi khu vực sản xuất.

Các yếu tố vi khí hậu sẽ được quan tâm nhằm đảm bảo môi trường lao động hợp vệ sinh cho công nhân và hạn chế tác động do điều kiện làm việc trong môi trường nóng ẩm. Tiêu chuẩn các yếu tố vi khí hậu đối với các đối tượng như sau:

Bảng 4.21. Tiêu chuẩn các yếu tố vi khí hậu đối với loại hình lao động

Loại lao động	Nhiệt độ (^{0}C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
Nhẹ	24 - 28	50 – 70	0,3 – 1,0
Vừa	22 – 29	50 – 75	0,5 – 1,0
Nặng	22 – 28	50 – 75	0,7 – 2,0

Bố trí trồng cây xanh, cây cảnh trồng xung quanh nhà xưởng, văn phòng, đường nội bộ vừa có tác dụng che nắng, giảm nhiệt độ không khí và tạo cảm giác mát mẻ cho công nhân, vừa có tác dụng điều hoà điều kiện vi khí hậu trong khu vực. Nhiệt độ không khí trong vườn cây thường thấp hơn ngoài chỗ trống 2-30C, nhiệt độ trên mặt sân cỏ thấp hơn nhiệt độ trên mặt đường 3 – 6oC.

❖ **Một số biện pháp khác**

-Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy

-Diện tích cây xanh trong khu đất Công ty hiện nay khá cao, chiếm > 20%. Việc trồng cây xanh xung quanh nhà máy rất có ích do có thể tạo ra một lượng oxy đáng kể, làm không khí mát hơn.

-Hệ thống chống sét

-Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của các phân xưởng sản xuất, văn phòng làm việc. Công ty sẽ lắp đặt hệ thống chống sét theo các qui định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

b. Biện pháp giảm thiểu tối ta đến kinh tế - xã hội

Sử dụng tối đa lực lượng lao động tại địa phương;

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân, trong đó có chế độ thưởng phạt;
- Giáo dục cho công nhân có ý thức bảo vệ môi trường sống;
- Huấn luyện cho công nhân các quy định về bảo vệ môi trường;
- Phối hợp với các cấp chính quyền và an ninh địa phương trong việc bảo đảm an ninh trật tự thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn;
- Phối hợp với các đoàn thể trong các nhà máy, của Khu kinh tế cũng như của chính quyền địa địa phương, tổ chức liên đoàn lao động… tổ chức các chương trình hoạt động cộng đồng nhằm mục đích tạo sân chơi giao lưu cho các đối tượng công nhân, hỗ trợ các đối tượng này có đời sống tinh thần lành mạnh, hăng say lao động sản xuất và tránh xa các tệ nạn xã hội, qua đó góp phần giữ gìn trật tự an ninh khu vực.
- Tuyên truyền vận động người lao động tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh quốc phòng, xây dựng doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự. Không thực hiện mua, bán hàng rong xung quanh hàng rào và cổng doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh trật tự và đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh doanh nghiệp. Chỉ đạo bảo vệ phối hợp với đội bảo vệ của Ban quản lý KCN, Công an xã nghiêm cấm các hành vi mua bán trái phép xung quanh hàng rào và cổng doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường chung cho toàn khu vực.

2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Để triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho dự án đã được lựa chọn áp dụng. Chủ dự án xây dựng phương án về tài chính, tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường cho dự án như sau:

2.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự trù kinh phí, tiến độ thực hiện các công trình BVMT của dự án

Vì các công trình bảo vệ môi trường của công ty đã được xây dựng sẵn, nên báo cáo không trình bày phần này.

2.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Về công tác quản lý môi trường, khi dự án đi vào hoạt động thì chủ dự án sẽ trực tiếp quản lý như sau:

Sơ đồ tổ chức quản lý về công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án khi đi vào hoạt động như sau:

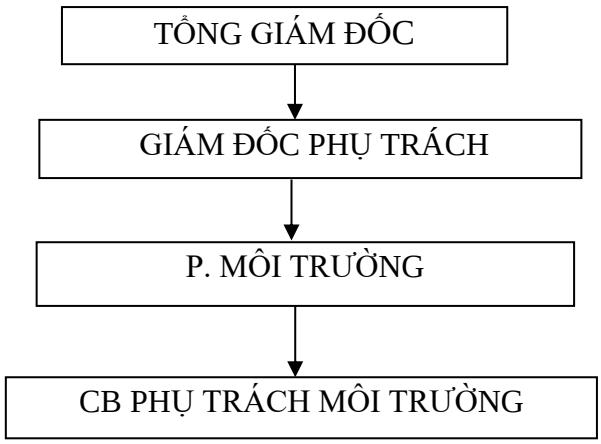

Hình 4.7. Tổ chức quản lý công tác môi trường

❖**Chức năng của từng bộ phận:**

-*Tổng Giám đốc:* Quản lý và điều hành chung, gắn kết nhịp nhàng giữa các bộ phận liên quan, đảm bảo Công ty thực hiện theo quy định nhà nước và các quy định về bảo vệ môi trường.

- *Giám đốc phụ trách:* Quản lý công tác bảo vệ môi trường, báo cáo Giám đốc khi có vấn đề phát sinh cần xử lý, chỉ đạo phòng Môi trường và các đơn vị liên quan quản lý, thực hiện theo đúng quy định về Luật Bảo vệ môi trường.

-*Phòng Môi trường:* Quản lý, giám sát công tác bảo vệ môi trường của toàn bộ dự án, đề xuất các giải pháp thực hiện, khi phát sinh vấn đề liên quan có nhiệm vụ báo cáo tới Phó Giám đốc phụ trách kịp thời xử lý, thực hiện báo cáo định kỳ tới các cấp khi cần thiết.

-*Cán bộ phụ trách Môi trường:* Có trách nhiệm chính trong việc giám sát thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đề xuất các công việc cần thực hiện, phối hợp với các đơn vị có chức năng về các lĩnh vực xử lý, thực hiện báo cáo định kỳ tới các cấp khi cần thiết.

❖ **Chi tiết việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cán bộ phụ trách trực tiếp về Môi trường:**

-Lập kế hoạch bảo vệ môi trường từng giai đoạn hoạt động của dự án, kế hoạch hàng năm và trình Giám đốc phê duyệt.

-Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường sau khi đã được phê duyệt.

-Tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên các vấn đề môi trường, an toàn và sự cố môi trường của toàn bộ khu vực dự án.

-Báo cáo lãnh đạo những vướng mắc, những vấn đề cần giải quyết có liên quan trong công tác bảo vệ môi trường.

-Quản lý các văn bản, hồ sơ, thủ tục, số liệu có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

-Đầu mối theo dõi chỉ đạo việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường và ký kết hợp đồng về bảo vệ môi trường với các đơn vị có liên quan.

-Đầu mối liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, phối hợp và quan hệ với chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương về các vấn đề liên quan đến môi trường, an toàn, sự cố,...

-Đề xuất thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như Chương IV đề xuất;

-Thông báo cho các tổ chức và cá nhân liên quan (đơn vị thi công, người lao động...) về quy định và hướng dẫn cần thiết để triển khai công tác bảo vệ môi trường.

-Quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành như: Quản lý môi trường xung quanh, quản lý chất thải và phòng chống các sự cố môi trường, tổ chức thực hiện giám sát môi trường trong quá trình thi công…

-Theo dõi việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, các chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường của các đơn vị, cán bộ, công nhân.

-Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các giải pháp.

-Thường xuyên theo dõi giám sát những tác động, các biến động, báo cáo với lãnh đạo để đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, xử lý và báo cáo các cơ quan chức năng về môi trường cấp Thành phố và cấp tỉnh.

-Đề xuất thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác quan trắc, đo đạc trong chương trình giám sát môi trường.

-Phối hợp với các cơ quan chức năng về môi trường của địa phương để giải quyết những xung đột về môi trường giữa dự án và cư dân địa phương.

-Các kết quả phân tích và đo đạc về chất lượng môi trường sẽ được lưu giữ để đối chứng và kiểm soát, đồng thời được tập hợp để gửi định kỳ lên cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý môi trường theo quy định.

3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

3.1. Mức độ chi tiết của báo cáo

Tác động tiềm ẩn được xác định và đánh giá đầy đủ đối với từng hoạt động có khả năng phát sinh chất thải theo từng giai đoạn của Dự án. Các đánh giá với mức độ chi tiết cần thiết theo yêu cầu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường như sau:

-Xác định và định lượng tất cả các nguồn thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án có khả năng gây tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội;

-Xác định tất cả các đối tượng có khả năng bị tác động trực tiếp và gián tiếp từ các nguồn thải;

-Đánh giá mức độ tác động của các nguồn thải đến môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội;

-Nhận dạng và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực thi Dự án.

3.2. Về các phương pháp dự báo

Phương pháp danh mục được sử dụng để xác định đối tượng gây tác động và đối tượng bị tác động, đồng thời chỉ ra mức độ tác động, căn cứ theo đó, đặt ra các yêu cầu giảm thiểu. Phương pháp luận và phương pháp thực hiện có cơ sở khoa học và sát thực tế.

Dự báo nguồn thải dựa trên các phương tiện, máy móc, vật liệu sử dụng; công nghệ áp dụng; nhân lực thực hiện theo những định mức do Nhà nước Việt Nam, các tổ chức quốc tế.

Việc dự báo các tác động và quy mô tác động được xác định dựa trên tính nhạy cảm của đối tượng tiếp nhận và quy mô của nguồn thải. Đánh giá mức độ ô nhiễm được thực hiện theo phương pháp so sánh giữa kết quả dự báo với TCVN và QCVN về môi trường cũng như các Tiêu chuẩn quốc tế quy định áp dụng cho các nước đang phát triển. Phương pháp luận là hợp lý. Tuy nhiên, do còn nhiều thay đổi nhỏ trong việc thực hiện thi công của nhà thầu và những biến động về thời tiết... Thêm vào đó, một số phương pháp định lượng và bán định lượng áp dụng trong báo cáo là những phương pháp tính nhanh, cùng với việc đầu vào có mức độ định lượng tương đối, nên kết quả định lượng có độ chính xác không cao. Do vậy, kết quả giám sát từ bước chuẩn bị xây dựng và quá trình xây dựng sẽ bổ sung các tác động chưa dự báo được và điều chỉnh các tác động đã được dự báo.

3.3. Về các phương pháp tính

a. Đối với phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí và nước

Sử dụng mô hình Sutton áp dụng cho nguồn đường để dự báo mức độ ô nhiễm theo các dự báo tải lượng thải về bụi và các khí độc đặc trưng đối với Dự án giao thông trong điều kiện khí tượng khu vực thực hiện Dự án cho cả trong xây dựng và trong giai đoạn vận hành Dự án là phương pháp truyền thống. Nhìn chung các số liệu thực đo và dự báo là tương đối phù hợp.

Các kết quả dự báo phát thải nước thải là tin cậy. Việc quan trắc diễn biến chất lượng môi trường nước trong giai đoạn vận hành sẽ giúp điều chỉnh kết quả dự báo và ứng xử thích hợp.

b. Đối với phát thải gây ô nhiễm ồn

Dự báo mức ồn nguồn và mức ồn suy giảm theo khoảng cách thực hiện theo giáo trình "Môi trường không khí" của GS, TSKH Phạm Ngọc Đăng - NXB KHKT 2003. Đây là các phương pháp có độ tin cậy cao, được thừa nhận và ứng dụng rộng rãi tại Việt Nam.

Mức độ tin cậy của các đánh giá về các tác động môi trường, các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra khi triển khai dự án và khi không triển khai dự án được nhận xét khách quan trong bảng sau:

Bảng 4.22. Đánh giá độ tin cậy các phương pháp được áp dụng

STT	Nội dung đánh giá	Nhận xét mức độ chi tiết và độ tin cậy
1	Tác động bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng	Mức độ chi tiết tương đối, độ tin cậy cao nhờ có số liệu cụ thể về khối lượng vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và tải lượng phát sinh
2	Tác động bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng công trình	Mức độ chi tiết tương đối, độ tin cậy cao nhờ có số liệu cụ thể về lượng vật liệu và tải lượng phát sinh
3	Tác động chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt	Mức độ chi tiết cao, độ tin cậy cao do số liệu được tính toán dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành
4	Tác động chất thải nguy hại	Mức độ chi tiết, độ tin cậy trung bình do các số liệu, tài liệu tham khảo còn thiếu
5	Tác động của nước thải thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải công nghiệp khi thi công xây dựng và vận hành	Mức độ chi tiết cao, độ tin cậy cao do số liệu được tính toán dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và tham khảo số liệu trong quá trình thực hiện các Dự án khác tương tự.
6	Tác động của tiếng ồn do các thiết bị thi công trên công trường	Mức độ chi tiết, độ tin cậy cao do áp dụng các công thức tính toán từ các tài liệu khoa học.
7	Tác động của độ rung	Mức độ chi tiết, độ tin cậy trung bình do các số liệu, tài liệu khoa học nghiên cứu về độ rung còn thiếu.
8	Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực	Mức độ chi tiết tương đối, độ tin cây cao do các đánh giá đều dựa trên điều kiện cụ thể của dự án
9	Tác động đến giao thông của khu vực	Mức độ chi tiết khá, độ tin cậy tương đối do rút kinh nghiệm từ các Dự án trước
10	Tác động đến môi trường dân sinh	Mức độ chi tiết khá, độ tin cậy khá do nắm bắt được địa hình, tình hình dân cư khu vực.

Trong quá trình thực hiện báo cáo sẽ không tránh khỏi những thiếu sót do kỹ thuật biên soạn, lỗi chính tả, thiếu một số số liệu có liên quan đến dự án. Tuy nhiên, báo cáo này đáng tin cậy với những kết luận đưa ra. Thông tin được sử dụng trong quá trình lập Báo cáo là thông tin chính xác, mới cập nhật và chi tiết. Các tác động đều đánh giá ở mức giả định tối đa lượng và chất, mang tính hợp lý.

Ngoài ra, báo cáo còn trợ giúp cho công tác thẩm định đánh giá đúng đắn bản chất tác động tới môi trường để có các giải pháp giảm thiểu, khắc phục, đồng thời tạo cơ sở cho việc xác định đúng đắn quyền lợi và trách nhiệm của chủ dự án.

CHƯƠNG V

PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Theo quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học chỉ yêu cầu với các dự án khai thác khoáng sản; dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học do đó dự án không thuộc danh mục cần lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG VI

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

1.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

+Nguồn số 01: nước thải từ quá trình sinh hoạt;
+Nguồn số 02: nước thải từ quá trình nấu ăn;

1.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Số lượng dòng nước thải là 01 dòng (là dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tại nhà máy đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN).

❖Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Minh Hưng III.

❖ Vị trí đấu nối

Vị trí đấu nối: Hố ga thoát nước thải của KCN trên đường N4.

Tọa độ vị trí đấu nối nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^o45'$, múi chiếu 3°): X=1193367, Y=4173235).

❖Lưu lượng xả nước thải

Lưu lượng xả nước thải tối đa là 70 m^3/ngày, công suất tối đa của hệ thống xử lý nước thải.

❖Phương thức đấu nối

Phương thức đấu nối

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tự chảy theo đường ống BTCT ∅300mm thoát ra hệ thống thoát nước thải của KCN, đấu nối vào hố ga trên đường số N4.

Phương thức đấu nối: Tự chảy.

Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

❖Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III.

Bảng 6.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn theo dòng nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
3	BOD_5	mg/L	50		
4	COD	mg/L	150		
5	Amoni	mg/L	10		
6	Tổng N	mg/L	40		
7	Tổng P	mg/L	6		
8	Dầu khoáng và chất béo	mg/L	10		
9	Clo dư	mg/L	2		
10	Coliform	MPN / 100 ml	5.000		

Hiện nay, Chủ dự án đã ký biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án với hạ Tầng Khu công nghiệp để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh. Do đó, sau khi Giấy phép môi trường được phê duyệt, Chủ dự án sẽ tiếp tục hoàn thành các công tác đấu nối thoát nước thải với hạ Tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III. Vì vậy, việc quản lý xả thải của dự án sẽ do hạ Tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ quy định chung và khả năng chịu tải của môi trường.

Do đó, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III, không xả ra môi trường)

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

❖Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom theo đường ống HDPE D300, i=10,33% đưa về các hố ga thu gom và sau đó được bơm theo đường ống HDPE D300 và tiếp tục theo hệ thống ống HDPED300, i=0,33% để dẫn về hệ thống thu gom tập trung của dự án để xử lý với công suất 70 m^3/ngày.đêm. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được đấu nối ra hố ga nước thải đường N4 của khu công nghiệp.

❖Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải công suất 70m^3/ngày.đêm

Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể anoxit → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận KCN Minh Hưng III.

Công suất thiết kế: 70 m^3/ngày.

❖**Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

❖**Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

-Thiết kế vận hành tốt hệ thống sục khí trong quá trình xử lý hiếu khí để hạn chế tối đa việc hình thành các vùng yếm khí trong nước thải, tránh tạo ra khí mêtan không mong muốn.

-Kiểm soát tốt tuần hoàn bùn hoạt tính và bùn dư sẽ giảm thiểu lượng bùn thải xử lý dẫn tới giảm lượng chất hữu cơ trong bùn bị phân huỷ yếm khí trong quá trình xử lý bùn, giảm lượng khí mêtan phát sinh.

-Kiểm tra các hệ thống thoát khí trong các bể nước thải.

-Kiểm tra bồn chứa hoá chất thường xuyên để tránh hiện tượng rò rỉ, phát nổ bồn hoá chất.

-Kiểm tra thường xuyên các thiết bị, không để máy bơm hoạt động trong tình trạng không có nước.

-Duy tu bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện cung cấp cho trạm xử lý.

-Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại HTXL.

1.3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Minh Hưng III, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nội dung cấp phép xả khí thải

❖**Nguồn phát sinh khí thải**

-Nguồn số 01: tại ống thoát khí thải xử lý hơi dung môi mực in.

❖**Lưu lượng xả khí thải tối đa**

-Nguồn số 01: tại ống thoát khí thải hơi dung môi công suất 1.500m^3/giờ.

❖Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Chất ô nhiễm chính (nguồn số 1): lưu lượng, bụi, ethylene, toluene, và vinyl acetate.

Chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, Cột B, QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

❖Vị trí xả khí thải

Bảng 6.2. Vị trí xả khí thải của dự án

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107º45', múi chiếu 3º)
1	Dòng khí thải số 01	tại ống thoát khí thải hơi dung môi công suất 1.500m^3/giờ	X = 1193421; Y = 417537

2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

❖Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Nguồn số 01: Được thu gom và thải ra ngoài môi trường bằng ống khói có chiều cao 12m

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Hệ thống xử lý hơi dung môi (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống khói.

Công suất thiết kế:

-Nguồn số 01: 1.500m^3/h (theo công suất quạt hút);

❖ **Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

❖ **Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**:

-Công ty luôn có người vận hành theo dõi hệ thống xử lý khí thải hàng ngày để kịp thời báo cáo các sự cố có thể xảy ra.

- Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hàng tháng cho hệ thống đảm bảo hoạt động ổn định; thời gian bảo trì, sửa chữa được thực hiện vào những ngày nghỉ của công ty.

- Trường hợp các hạng mục xử lý môi trường gặp sự cố ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả thì Công ty sẽ tạm ngưng sản xuất để tiến hành khắc phục cải tạo, đến khi các hạng mục môi trường hoạt động ổn định thì Công ty mới sản xuất trở lại.

2.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

❖Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

-Nguồn số 01: khu vực sản xuất

-Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất;

-Nguồn số 03: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;

❖ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 6.3. Giá trị giới hạn cho phép đối với tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 6.4. Giá trị giới hạn cho phép đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn độ rung

❖ Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Đối với máy trộn, máy ép nhựa: Được bố trí tại khu vực nhà xưởng riêng, máy nghiền được tích hợp chung với máy ép nhựa và bố trí ngầm dưới lòng đất để hạn chế tiếng ồn phát sinh, lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.

+ Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn, có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt

Bên cạnh đó đối với các công nhân làm việc trực tiếp tại hoặc gần máy móc thiết bị có độ ồn cao, bố trí cho công nhân các dụng cụ an toàn lao động phù hợp như nút tai giảm tiếng ồn. Đảm bảo diện tích cây xanh xung quanh theo đúng quy định nhằm hạn chế các

tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh; Cụ thể, diện tích cây xanh của dự án chiếm 20% tổng diện tích khu đất. Trong đó, bố trí tập trung bao quanh khu vực nhà xưởng và bố trí trồng cây xanh bao quanh khu vực dự án, dọc các tuyến đường để bảo vệ môi trường, điều hòa vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm tiếng ồn

Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các động cơ công suất lớn được đặt trên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Khi lắp đặt hệ thống máy phát điện, chủ dự án sẽ tiến hành điều chỉnh và cải tiến vị trí đặt máy phát điện để đảm bảo khả năng cách âm tốt nhất, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3.1 của Chương này.

Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

❖ **Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

Bảng 6.5. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	695
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	01
3	Hộp mực in thải	08 02 04	780
4	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 01	770
5	Chất lây nhiễm (bông băng, kim tiêm thải)	13 01 01	01
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	1100
7	Chất kết dính và chất bịt kín thải có chứa dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác (keo thải)	08 03 01	05
8	Dung dịch thải thuốc tráng bản in offiset gốc nước	19 01 02	05
9	Pin, ắc quy thải	19 06 01	01
TỔNG		**2.662**	

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R được quản lý như hàng hóa)

Bảng 6.6. Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, bao bì giấy văn phòng	1.840
2	Giấy hư, sản phẩm lỗi	1.610
3	Bao bì ni lông	1.550
	Tổng cộng	**5000**

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 372kg/ngày

❖Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 20 m^2. Tại kho lưu chứa được phân thành các lô để phân loại chất thải theo quy định.

Kết cấu kho chứa, hoạt động thu gom, xử lý đối với các loại chất thải rắn nguy hại tuân theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chủ dự án bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 20m^2. Tại kho lưu chứa được phân thành các lô để phân loại chất thải theo quy định.

Kết cấu kho chứa, hoạt động thu gom, xử lý đối với các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường tuân theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Toàn bộ CTRSH sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng rác có nắp đậy loại 10L, 20L, 240L với chất liệu nhựa HDPE và tập kết tại khu vực bên ngoài nhà xưởng có diện tích 20 m^2. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ**.**

4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

❖Yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

❖Yêu cầu về bồi hoàn đa dạng sinh học

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

❖Các nội dung chủ dự án đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường)

Không có

❖Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Mục 4 của chương này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ vào Khoản 6 điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và căn cứ thời gian dự kiến hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình của dự án; dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải như sau:

Bảng 7.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Stt	Tên công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Dự án	Thời gian thực hiện
1	Hệ thống xử lý nước thải 70 m^3/ngày.đêm	Không quá 06 tháng từ thời điểm bắt đầu thực hiện vận hành thử nghiệm được quy định tại khoản 6, điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ
2	Hệ thống xử lý hơi dung môi công suất 1.500 m^3/h	

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Vì dự án "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2" của Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina không thuộc phụ lục II – Nghị định 08/NĐ-CP/2022, danh mục các ngành nghề gây ô nhiễm môi trường. Do đó, công ty thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, điều 21 TT 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, do đó, công ty chỉ cần lấy mẫu vận hành thử nghiệm trong 03 ngày của giai đoạn vận hành ổn định.

Bảng 7.2. Kế hoạch quan trắc nước thải trong giai đoạn vận hành chi tiết của dự án

Stt	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian và tuần suất quan trắc, lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát/ Quy chuẩn so sánh
A	**Giai đoạn vận hành ổn định – Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp, tần suất 1 ngày/lần, gồm 3 lần đối với mẫu chất thải đầu ra và 1 lần đối với mẫu chất thải đầu vào (Đánh giá hiệu quả xử lý của toàn bộ công trình xử lý chất thải)**			
I	**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**			
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi công suất 1.500 m^3/h	Mẫu đơn	- Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định - Tần suất: 03 đợt	- Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, bụi, ethylene, toluene, và vinyl acetate - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20: 2009/BTNMT
II	**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**			

Stt	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian và tuần suất quan trắc, lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát/ Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý nước thải 70 m^3/ngày.đêm	Mẫu đơn	- Thời gian: Trong thời gian vận hành ổn định - Tần suất: 03 đợt	- Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, pH, BOD5, COD, TSS`, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ, Tổng coliforms. - Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III

Nguồn: Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

-Tên tổ chức dự kiến phối hợp: Công ty cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú

-Địa chỉ trụ sở chính: 156 Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người đại diện: Bà Đoàn Thị Thủy Chức vụ: Giám đốc

-Số điện thoại: 028.66604779 Hotline: 0909.210.925

-Email: mtdaiphu@gmail.com

-Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

-Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 292, cấp lần 01 ngày 15/11/2021 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

-Quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ **Giám sát nước thải**

-Vị trí: Sau hệ thống xử lý nước thải.

-Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD_5, COD, TSS`, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ, Tổng coliforms.

-Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

-Tiêu chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng III .

❖ **Giám sát khí thải**

-Vị trí: Hệ thống xử Hơi dung môi công suất 1.500 m^3/h .

-Thông số giám sát: lưu lượng, bụi, ethylene, toluene, và vinyl acetate

-Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B); QCVN 20: 2009/BTNMT

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động do đó báo cáo này không đề xuất chương trình quan trắc.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

❖Giám sát CTNH, CTCNTT

-Vị trí giám sát: khu vực tập kết CTNH, CTCNTT

-Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận, hình thức lưu trữ, vận chuyển đi xử lý;

-Tần suất giám sát: Thường xuyên, định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định;

-Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

-Kinh phí quan trắc thực hiện quan trắc môi trường hằng năm khoảng 100.000.000 đồng. Do chủ dự án tự chi trả.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

+ Cam kết xây dựng các công trình xử lý môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động. Cam kết thực hiện các công trình xử lý môi trường theo đúng tiến độ đề ra.

Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và QCVN 24/2016/BYT- quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT).

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất độc hại trong không khí (QCVN 06:2009/BTNMT).

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (QCVN 26:2016/BYT)

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc (QCVN 22:2016/BYT).

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2023/BTNMT).

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất độc hại trong không khí (QCVN 06:2009/BTNMT).

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ Cam kết thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Minh Hưng III.

Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hiện hành và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 1
HỒ SƠ PHÁP LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3800361674

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 02 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 05 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: S & K LUXURY PACKAGING VINA CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: S &K VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B1,B2,B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: *02713645218* Fax: *02713645221*

Email: *rio@snkvina.com* Website: *www.snkvina.com*

3. Vốn điều lệ 171.880.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi mốt tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng

Tương đương 9.000.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: S & K INTERNATIONAL CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *123-81-24212*

Ngày cấp: *25/10/1986* Nơi cấp: *Văn phòng Thuế quận Donganyang*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 339, Gyeongsu - daero, Uiwang-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM DONG WOO Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *13/08/1979* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M31537992*

Ngày cấp: *19/06/2019* Nơi cấp: *Bộ ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Số 200-17 Ojen - Dong, Euiwang - Si, Kuynggi - Do, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Lô B1, B2, B3 và B4, khu Công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 24 tháng 09 năm 2024

Số:

13153/24

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Bình Phước*
Địa chỉ trụ sở: *Trung tâm phục vụ Hành Chính Công tỉnh Bình Phước, Số 727 quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*
Điện thoại: *0271.6254888 (218-220-221)* Fax:
Email: *dkkdbinhphuoc@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3800361674

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	In ấn chi tiết: Sản xuất, in ấn gia công và các sản phẩm lịch in đề bàn	1811
2	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa chi tiết: Sản xuất và gia công bao bì trên giấy	1702(Chính)
3	Dịch vụ liên quan đến in chi tiết: Gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy	1812
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng dư thừa	6810
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
6	Bán buôn tổng hợp	4690
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các sản phẩm, mặt hàng công ty kinh doanh)	8299

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA . Địa chỉ:Lô B1,B2,B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thụy Mỹ Linh.....

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Ngọc Linh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 02 năm 2023

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - NHÀ MÁY 2 - CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài: Business location - 2nd factory - S&K Luxury Packaging Vina Company Limited
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt: 2nd factory - S&K VINA

2. Địa chỉ:

Lô G5-G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: *02713645215* Fax:

Email: *dwkim@snkvina.com* Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: KIM DONG WOO Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *13/08/1979* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M31537992*

Ngày cấp: *19/06/2019* Nơi cấp: *Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *200-17 Ojen-Dong, Euiwang-Si, Kuynggi-Do, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Lô B1,B2,B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3800361674
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Lô B1,B2,B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 11 tháng 07 năm 2023

Số:

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Bình Phước*
Địa chỉ trụ sở: *Trung tâm phục vụ Hành Chính Công tỉnh Bình Phước, Số 727 quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*
Điện thoại: *0271.6254888 (218-220-221)* Fax:
Email: *dkkdbinhphuoc@gmail.com* Website:

Xác nhận:

CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
Mã số /Mã số thuế: 3800361674

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - NHÀ MÁY 2 - CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

Mã số địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: 00001

Thông tin thay đổi của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ liên quan đến in chi tiết: Gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy	1812
2	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa chi tiết: Sản xuất và gia công bao bì trên giấy	1702(Chính)
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng dư thừa	6810

Nơi nhận:
-ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - NHÀ MÁY 2 - CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA . Địa chỉ:Lô G5-G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Nguyễn Thụy Mỹ Linh.....

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8769984145.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 02 tháng 11 năm 2018.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 08 tháng 08 năm 2023.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800361674 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2007, cấp thay đổi lần thứ mười hai ngày 05 tháng 10 năm 2022;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8769984145 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận hiệu đính lần thứ nhất ngày 11/10/2022;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina nộp ngày 04/08/2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG IN ẤN NHÃN MÁC HÀNG HÓA TRÊN BAO BÌ BẰNG GIẤY - S&K 2; mã số dự án 8769984145 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận hiệu đính lần thứ nhất ngày 11/10/2022; được đăng ký điều chỉnh lần thứ hai: Điều chỉnh thông tin mục tiêu; quy mô dự án.

Nhà đầu tư:

- CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA; Quyết định thành lập số 3800361674, cấp ngày 26/02/2007 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước; trụ sở đăng ký tại Lô B1, B2, B3 và B4, khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đại diện bởi: Ông Kim Dong Woo; sinh ngày 13/08/1979; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M31537992, cấp ngày 19/6/2019 tại Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú tại số 200 -17 Ojen-Dong, Euiwang-Si, Kuynggi-Do, Hàn Quốc; chỗ ở hiện nay tại lô B1, B2, B3 và B4, khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; chức vụ: Tổng Giám đốc; số điện thoại: 02713.645.218; email: dwkim@snkvina.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800361674 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2007, cấp thay đổi lần thứ mười hai ngày 05 tháng 10 năm 2022.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG IN ẤN NHÃN MÁC HÀNG HÓA TRÊN BAO BÌ BẰNG GIẤY - S&K 2.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất và gia công bao bì trên giấy.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất và gia công bao bì trên giấy.	1702 (chính)
2	Gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy.	Dịch vụ liên quan đến in. chi tiết: Gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy.	1812
3	Cho thuê nhà xưởng dư thừa.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng dư thừa.	6810

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất và gia công bao bì bằng giấy với quy mô 70.000.000 sản phẩm/năm.
- Gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy với quy mô: 70.000.000 sản phẩm/năm.
- Cho thuê nhà xưởng với diện tích 22.000 m^2.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô G5 - G6, đường Đ4, khu công nghiệp Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 26.692,8 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 184.380.000.000 VNĐ (một trăm tám mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng), tương đương 8.000.000 USD (tám triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 46.160.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), tương đương 2.000.000 USD (hai triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 25% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
01	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA	46.160.000.000	2.000.000	100	bằng tiền mặt	Đã góp đủ ngày 28/6/2019.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 21/07/2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

*** Giai đoạn 1:** Chính thức đi vào sản xuất từ tháng 12/2019.

*** Giai đoạn 2:** Mở rộng nhà xưởng 2C (3 tầng) với diện tích xây dựng 30 m x 25 m = 750 m^2, cụ thể:

+ Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021: Hoàn thành thủ tục pháp lý của dự án.

+ Từ tháng 03/2019 đến tháng 05/2019: Khởi công và hoàn thành việc xây dựng.

+ Từ tháng 06/2021 trở đi: Chính thức sản xuất, đưa vào hoàn thiện toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, và các quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước, Cục thống kê tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8769984145 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận hiệu đính lần thứ nhất ngày 11/10/2022.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Minh Chiến

(4/4/8769984145)

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800361674 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 11 ngày 18/6/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

DH 947000

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 34 , tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp cao su Bình Long),

b) Địa chỉ thửa đất: xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước,

c) Diện tích: 26.692,8 m^2,

(Bằng chữ: hai mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi hai phẩy tám mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 21/7/2058,

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của Doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

a) Địa chỉ: lô G5, G6, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước,

b) Loại công trình: Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy - S&K 2,

c) Thông tin chi tiết về hạng mục công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng m^2	Diện tích sàn (m^2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp Công trình	Thời hạn sở hữu
01.Nhà xưởng văn phòng (01 nhà)	11.084,0	16.844,0	Sở hữu riêng	III	-/-
02. Mái che ram dốc Container (01 nhà)	60,0	60,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
03. Nhà ăn công nhân (01 nhà)	1.250,0	1.250,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
04. Nhà nghỉ giữa ca (01 nhà)	212,0	424,0	Sở hữu riêng	III	-/-
05. Nhà vệ sinh công nhân (01 nhà)	171,0	171,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
06. Nhà bảo trì (01 nhà)	90,0	90,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
07. Nhà xe 02 bánh (01 nhà)	1.300,0	1.300,0	Sở hữu riêng	III	-/-
08. Nhà bảo vệ (02 nhà)	40,0	40,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
09. Nhà xe hơi (01 nhà)	96,0	96,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
10. Hồ nước ngầm (dưới nhà xe 02 bánh) (01 hạng mục)	96,0	96,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
11. Trạm điện (01 công trình)	40,0	40,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
12. Nhà chứa rác (01 công trình)	60,0	60,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
13. Hồ xử lý nước thải sinh hoạt (01 hạng mục)	70,0	70,0	Sở hữu riêng	IV	-/-
14. Nhà xưởng 2C (01 công trình)	750,0	2.250,0	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 09 tháng 8 năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Diệp Trường Vũ

Số vào sổ cấp GCN:CT 40635

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

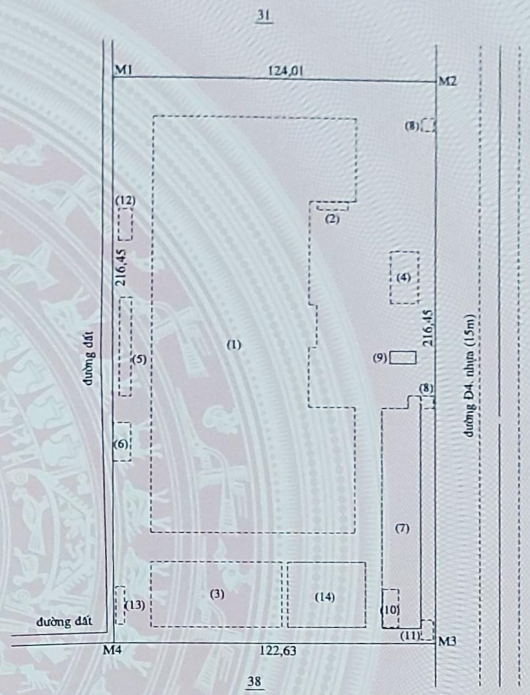

Tỷ lệ 1:2000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
Số: 04 /GXN-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 08 tháng 02 năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
XÁC NHẬN

Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án: "Mở rộng nhà máy, giữ nguyên công suất sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K2, công suất 70.000.000 sản phẩm/năm" ngày 05/02/2021. Địa điểm thực hiện dự án tại lô G5-G6, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:

3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Dự án "Mở rộng nhà máy, giữ nguyên công suất sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K2, công suất 70.000.000 sản phẩm/năm" có sự điều chỉnh một số hạng mục công trình xây dựng và công trình, thiết bị xử lý môi trường để phù hợp với hoạt động sản xuất của dự án. Tuy nhiên, trong giai đoạn xây dựng Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải sau đây:

a) Sử dụng hệ thống xử lý nước thải (công suất 70 m^3/ngày.đêm) hiện hữu để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn bao gồm các hạng mục chính: Nước thải từ nhà vệ sinh (qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn (qua bể tách dầu) → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định. Thời hạn hoàn thành: Đã hoàn thành.

b) Có công trình thu gom và xử lý, tái sử dụng nước thải xây dựng để phục vụ quá trình thi công xây dựng. Thời hạn hoàn thành: Trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị.

c) Sử dụng các kho chứa chất thải hiện hữu để lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại. Đồng thời, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định Thời hạn hoàn thành: Đã hoàn thành.

d) Có các biện pháp, công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: Trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị.

3.2. Trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

a) Sử dụng hệ thống xử lý khí thải hiện hữu để xử lý khí thải từ quá trình in ấn bao gồm các hạng mục chính: Khí thải → Chụp hút → Hệ thống xử lý hơi dung môi (chứa than hoạt tính) → Ống thoát. Thời hạn hoàn thành: Đã hoàn thành.

b) Sử dụng hệ thống xử lý nước thải (công suất 70 m^3/ngày.đêm) hiện hữu để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn bao gồm các hạng mục chính: Nước thải từ nhà vệ sinh (qua bể tự hoại), nước thải từ nhà ăn (qua bể tách dầu) → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định. Thời hạn hoàn thành: Đã hoàn thành.

c) Sử dụng các kho chứa chất thải hiện hữu để lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại. Đồng thời, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định Thời hạn hoàn thành: Đã hoàn thành.

d) Xây dựng, trang bị, lắp đặt các công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành: trước tháng 06/2021.

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về ánh sáng, tiếng ồn, vi khí hậu và không khí trong khu vực sản xuất đạt các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định hiện hành. Các chất hữu cơ trong khí thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT. Nước thải phát sinh từ dự án phải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng III để tiếp tục xử lý; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Trồng cây xanh có tán xung quanh nhà máy với diện tích tối thiểu đạt 20% tổng diện tích của dự án.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hoá chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành.

6. Giấy xác nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-BQL ngày 25/01/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Bao bì cao cấp S&K Vina;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- LĐ Ban, P.QLQHXD-TNMT;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Trọng Tiến

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số :15.../GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.**

- Địa chỉ : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án : "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2".

- Tổng số hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 13 hạng mục công trình do Công ty TNHH Thiết kế - Xây dựng Minh Trần lập.

- Vị trí xây dựng : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Mật độ xây dựng : 53,8 %.

- Màu sắc công trình : Chủ đầu tư chỉ được sử dụng các màu sắc cho hài hòa với cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người và an toàn giao thông.

- Chỉ giới xây dựng : Cách 24,5 m tính từ tim đường Đ4.

*** Nội dung và quy mô đầu tư công trình:**

2.1. Nhà xưởng văn phòng: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 02 tầng.

- Diện tích xây dựng : 11.084 m^2.

- Tổng diện tích sàn : 11.084 m^2 x 02 tầng = 22.168 m^2

- Chiều cao công trình : 12,9 m.

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; tường xây gạch, mái lợp tole; hệ thống cửa nhôm kính.

2.2. Mái che ram dốc Container: 01 nhà

- Loại công trình : Công trình hạ tầng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 60 m^2.

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; mái lợp tole.

2.3. Nhà ăn công nhân: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 50 m x 25 m = 1.250 m^2.

- Chiều cao công trình : 5,9 m

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,45 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, dầm sàn bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

2.4. Nhà nghỉ giữa ca: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 02 tầng.

- Diện tích xây dựng : 212 m^2.

- Tổng diện tích sàn : 212 m^2 x 02 tầng = 424 m^2

- Chiều cao công trình : 10,65 m.

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,45 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, dầm sàn bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái ngói; hệ thống cửa nhôm + kính.

2.5. Nhà vệ sinh công nhân: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng
- Cấp công trình : Cấp IV
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 38 m x 4,5 m = 171 m^2
- Chiều cao công trình : 4,05 m
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

2.6. Nhà bảo trì: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng
- Cấp công trình : Cấp IV
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 6 m x 15 m = 90 m^2
- Chiều cao công trình : 4,0 m
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,25 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

2.7. Nhà xe 02 bánh: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng : (15 m x 85 m) + (5 m x 5 m) = 1.300 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 1.300 m^2 x 02 tầng = 2.600 m^2
- Chiều cao công trình : 4,480 m
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,10 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép, nền bê tông; lan can cao 01 m, mái lợp tole.

2.8. Nhà bảo vệ: 02 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình : Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 5 m x 4 m = 20 m^2

- Tổng diện tích sàn: 20 m^2 x 02 nhà = 40 m^2

- Chiều cao công trình : 3,9 m

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông; hệ thống cửa nhôm + kính.

2.9. Nhà xe hơi : 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 16 m x 6 m = 96 m^2.

- Chiều cao công trình : 3,40 m

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,20 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép, nền bê tông, mái lợp tole.

2.10. Hồ nước ngầm (dưới nhà xe 02 bánh) : 01 hạng mục.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình : Cấp IV

- Diện tích xây dựng : 16 m x 6 m = 96 m^2

- Thể tích xây dựng : 16 m x 6 m x 4,2 m = 403,2 m^3.

- Cốt nền công trình : Thấp hơn 4,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Nắp và thành bể bê tông cốt thép.

2.11. Trạm điện: 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 8 m x 5 m = 40 m^2.

- Chiều cao công trình : 2,40 m

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,20 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép; lưới B40.

2.12. Nhà chứa rác: 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình : Cấp IV.

- Số tầng : 01 tầng.

- Diện tích xây dựng : 12 m x 5 m = 60 m^2

- Chiều cao công trình : 4,0 m

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0.15 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole; hệ thống cửa sắt lùa.

2.13. Hồ xử lý nước thải sinh hoạt : 01 hạng mục.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình : Cấp IV

- Diện tích xây dựng : 14 m x 5 m = 70 m^2

- Thể tích xây dựng : 14 m x 5 m x 4,2 m = 294 m^3.

- Cốt nền công trình : Thấp hơn 4,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Nắp và thành bể bê tông cốt thép.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục : Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; cây xanh và tường rào.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 26.692,8 m^2, theo Hợp đồng thuê lại Quyền sử dụng đất số 36/HDTD-KCN giữa Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 14/11/2017. (Được xem xét cấp Giấy phép xây dựng tại Công văn số 3893/UBND-SX ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh).

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Sam Woon Ind phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 01 tháng 4 năm 2019

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36 /TB-BQL	*Bình Phước, ngày 28 tháng 6 năm 2022*

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 06/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy phép xây dựng số 13/GPXD ngày 01/4/2019; Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 08/4/2020 và Giấy phép xây dựng số 11/GPXD ngày 24/02/2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp cho Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina;

Căn cứ Kết quả kiểm tra thực hiện công trình bảo vệ môi trường ngày 29/4/2022 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina;

Căn cứ Công văn số 125/NT-PC07 ngày 22/11/2019; Công văn số 72/NT-PC07 ngày 05/6/2020 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận kết quả về nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình: "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy - S&K 2" thuộc Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số 01/BC-S&K ngày 10/6/2022 của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina;

Căn cứ Kết quả kiểm tra hiện trạng và đối chiếu với hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng ngày 16/6/2022 giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina,

Ban Quản lý Khu kinh tế chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina để đưa vào sử dụng đối với công trình, cụ thể như sau:

1. Thông tin về công trình:

a) Tên công trình: Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy - S&K 2.

b) Địa điểm xây dựng: Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

c) Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.

d) Mô tả các thông số chính của công trình:

1. Nhà xưởng văn phòng: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02 tầng.
- Diện tích (tầng 1) sàn lửng: 2.976 m^2 + 2.784 m^2 = 5.760 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 11.084 m^2 + 5.760 m^2 = 16.844 m^2.
- Chiều cao công trình: 12,9 m.
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; tường xây gạch, mái lợp tole; hệ thống cửa nhôm kính.
- Năm xây dựng: 2020.

2. Mái che ram dốc Container: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 60 m^2.
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; mái lợp tole.
- Năm xây dựng: 2019.

3. Nhà ăn công nhân: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 50 m x 25 m = 1.250 m^2.

- Chiều cao công trình: 5,9 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,45 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, dầm sàn bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

- Năm xây dựng: 2019.

4. Nhà nghỉ giữa ca: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 02 tầng.

- Diện tích xây dựng: 212 m^2.

- Tổng diện tích sàn: 212 m^2 x 02 tầng = 424 m^2.

- Chiều cao công trình: 10,65 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,45 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, dầm sàn bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái ngói; hệ thống cửa nhôm + kính.

- Năm xây dựng: 2019.

5. Nhà vệ sinh công nhân: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 38 m x 4,5 m = 171 m^2.

- Chiều cao công trình: 4,05 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

- Năm xây dựng: 2019.

6. Nhà bảo trì: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 6 m x 15 m = 90 m^2.

- Chiều cao công trình: 4,0 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,25 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái tole; hệ thống cửa nhôm + kính.

- Năm xây dựng: 2019.

7. Nhà xe 02 bánh: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: (15 m x 85 m) + (5 m x 5 m) = 1.300 m^2.

- Chiều cao công trình: 4,480 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,10 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép, nền bê tông; lan can cao 01 m, mái lợp tole.

- Năm xây dựng: 2019.

8. Nhà bảo vệ: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 5 m x 4 m = 20 m^2.

- Tổng diện tích sàn: 20 m^2 x 02 nhà = 40 m^2.

- Chiều cao công trình: 3,9 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông; hệ thống cửa nhôm + kính.

- Năm xây dựng: 2019.

9. Nhà xe hơi : 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 16 m x 6 m = 96 m^2.

- Chiều cao công trình: 3,40 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,20 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép, nền bê tông, mái lợp tole.

- Năm xây dựng: 2019.

10. Hồ nước ngầm (dưới nhà xe 02 bánh): 01 hạng mục.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Diện tích xây dựng: 16 m x 6 m = 96 m^2

- Thể tích xây dựng: 16 m x 6 m x 4,2 m = 403,2 m^3.

- Cốt nền công trình: Thấp hơn 4,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Nắp và thành bể bê tông cốt thép.

- Năm xây dựng: 2019.

11. Trạm điện: 01 công trình.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 8 m x 5 m = 40 m^2.

- Chiều cao công trình: 2,40 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,20 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, sàn bằng BTCT; dầm thép; lưới B40.

- Năm xây dựng: 2019.

12. Nhà chứa rác: 01 công trình.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích xây dựng: 12 m x 5 m = 60 m^2

- Chiều cao công trình: 4,0 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0.15 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole; hệ thống cửa sắt lùa.

- Năm xây dựng: 2019.

13. Hồ xử lý nước thải sinh hoạt: 01 hạng mục.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Diện tích xây dựng: 14 m x 5 m = 70 m^2.

- Thể tích xây dựng: 14 m x 5 m x 4,2 m = 294 m^3.

- Cốt nền công trình: Thấp hơn 4,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Nắp và thành bể bê tông cốt thép.

- Năm xây dựng: 2019.

14. Nhà xưởng 2C: 01 công trình.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 03 tầng.

- Diện tích xây dựng tầng trệt: 25m x 30m = 750 m^2.

- Tổng diện tích sàn: 750 m^2 x 03 tầng = 2.250 m^2.

- Chiều cao công trình: 16,45 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; Nền đổ bê tông; tường xây gạch cao 5,6m mặt trước, các mặt bên và sau bằng vách panel; Mái lợp tole, xà gồ thép; Cửa nhôm kính.

- Năm xây dựng: 2021.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

- Đề nghị thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Cơ quan quản lý chuyên ngành về vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn xây dựng công trình theo quy định.

Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng với các hạng mục nêu trên, gửi đến Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina được biết và thực hiện tiếp theo.

Trân trọng./.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P.QH-XD-TN-MT.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : .14./GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.**

- Địa chỉ : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án : "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2".

- Tổng số hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 01 hạng mục công trình do Công ty TNHH Xây dựng Rotechcons lập.

- Chỉ giới xây dựng : Cách 24,5 m tính từ tim đường Đ4.

*** Nội dung và quy mô đầu tư công trình:**

2.1. Điều chỉnh sàn Nhà xưởng văn phòng: (Thay thế Khoản 2.1 Mục II của Giấy phép xây dựng số 13/GPXD ngày 01/4/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế).

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích cải tạo (tầng 01) sàn lửng : 2.976 m^2 + 2.784 m^2 = 5.760 m^2
- Chiều cao tầng lửng : 4,8 m.
- Tổng diện tích sàn : 11.084 m^2 + 5.760 m^2 = 16.844 m^2
- Chiều cao công trình : 12,9 m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; tường xây gạch, mái lợp tole; hệ thống cửa nhôm kính.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: 26.692,8 m^2, theo Hợp đồng thuê lại đất số 36/HĐTĐ-KCN ngày 14/11/2017 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp cao su Bình Long và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina. Được xem xét cấp Giấy phép xây dựng tại Công văn số 3893/UBND-SX ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh).

IV. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Bình Phước, ngày 8 tháng 4 năm 2020

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

SK2 2B

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 249/BQL-QHXDTNMT	*Bình Phước, ngày 25 tháng 3 năm 2020*

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục xin điều chỉnh diện tích sàn xưởng Văn phòng của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại Khu công nghiệp Minh Hưng III.

Kính gửi : Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.

Ban Quản lý Khu kinh tế nhận Tờ trình số 206/SK ngày 22/03/2019 của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina về việc đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục xin điều chỉnh diện tích sàn xưởng Văn phòng của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại Khu công nghiệp Minh Hưng III;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết KCN Minh Hưng III thuộc xã Minh Hưng – cao su Bình Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 KCN Minh Hưng III - Cao su Bình Long, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 và Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Minh Hưng III- Cao su Bình Long, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Theo Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-BQL ngày 25/01/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp.

Theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 62/TD-PCCC ngày 10/03/2020 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước cấp.

Sau khi xem xét, Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục xin điều chỉnh diện tích sàn xưởng Văn phòng của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại Khu công nghiệp Minh Hưng III như sau :

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN

1. Tên dự án : Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2 tại KCN Minh Hưng III.

2. Quy mô xây dựng, công suất thiết kế, các thông số kỹ thuật chủ yếu :

2.1. Điều chỉnh sàn Nhà xưởng văn phòng: (Thay thế Khoản 2.1 Mục 2 tại Công văn số 239/BQL-QHXD ngày 01/4/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế).

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích cải tạo (tầng 01) sàn lửng : 2.976 m^2 + 2.784 m^2 = 5.760 m^2
- Chiều cao tầng lửng : 4,8 m.
- Tổng diện tích sàn : 11.084 m^2 + 5.760 m^2 = 16.844 m^2
- Chiều cao công trình : 12,9 m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; vì kèo thép; tường xây gạch, mái lợp tole; hệ thống cửa nhôm kính.

3. Người quyết định đầu tư :

- Người đại diện ông : Kim Dong Woo - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

4. Chủ đầu tư : Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.

5. Địa điểm xây dựng : Lô G5, G6, đường D4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích đất sử dụng cho dự án : 26.692,8 m^2, theo Hợp đồng thuê lại Quyền sử dụng đất số 36/HDTD-KCN giữa Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 14/11/2017.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng công trình : 5.000.000.000 đồng.

7. Nguồn vốn thực hiện : Vốn tự có.

8. Thời gian thực hiện công trình : 12 tháng.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng :

+ TCVN 2737-1995 : Tiêu chuẩn thiết kế tải trọng và tác động.

+ TCXDVN 356-1995 : Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCXDVN 338-2005 : Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 5575-1995: Tính toán kết cấu thép.

+ TCVN 5760-1993 : Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

+ TCVN 3890-2009 : Phương tiện PCCC cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

+ TCVN 2622- 1995 Hệ thống PCCC.

10. Nhà thầu lập thiết kế cơ sở : Công ty TNHH Xây dựng Rotechcons.

Địa chỉ trụ sở chính: 266/10/29 Lê Trọng Tân, phường Tây Thạnh, quận tân Phú, Tp. HCM.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Giấy chứng nhận đầu tư số 8769984145 do Ban Quản lý Khu kinh tế chứng nhận lần đầu ngày 02/11/2018.

- Hợp đồng thuê lại Quyền sử dụng đất số 36/HDTD-KCN giữa Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long và Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 08/11/2018.

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 01/GXN-BQL ngày 25/01/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 62/TD-PCCC ngày 10/03/2020 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước cấp.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Về tổng mặt bằng, mặt bằng : Các hạng mục công trình được bố trí xây dựng hợp lý, phù hợp nhu cầu sử dụng, phù hợp quy hoạch, không gian kiến trúc được thiết kế đảm bảo nhu cầu sử dụng.

- Sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào : Được kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài bao gồm : Hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp điện sinh hoạt, hệ thống cấp thoát nước.

- Về kiến trúc : Thiết kế kiến trúc cơ bản phù hợp với chức năng và quy mô sử dụng công trình, tổ chức không gian kiến trúc hợp lý trong sinh hoạt và sử

dụng, tạo cảnh quan đồng bộ, giải pháp chiếu sáng thông gió phù hợp theo yêu cầu.

- Kết cấu chịu lực chính : Giải pháp kết cấu và vật liệu được sử dụng cho công trình cơ bản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật : Được thiết kế đồng bộ và đáp ứng yêu cầu sử dụng và vận hành. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình được kết nối hợp lý với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Về phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, chống sét, cung cấp điện; cấp thoát nước công trình : Cơ bản đạt yêu cầu.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với, quy hoạch xây dựng và đảm bảo sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

- Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ trong giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở phù hợp theo quy định.

V. KẾT LUẬN

- Thiết kế cơ sở đã đáp ứng cơ bản những nội dung theo quy định, đảm bảo điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Những lưu ý, yêu cầu đối với Chủ đầu tư : Đề nghị chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành về vệ sinh môi trường, về phương án phòng chống cháy nổ và an toàn công trình theo quy định.

Trên đây là thông báo của Ban Quản lý Khu kinh tế về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục xin điều chỉnh diện tích sàn xưởng của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại Khu công nghiệp Minh Hưng III. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

2C - 2021

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 11.../GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina**.

- Địa chỉ : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án : "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2".

- Tổng số hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 01 hạng mục công trình do Công ty TNHH Xây dựng Đại Dương Việt Nam lập.

- Vị trí xây dựng : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Mật độ xây dựng : 56,62 %.

- Màu sắc công trình : Chủ đầu tư chỉ được sử dụng các màu sắc cho hài hòa với cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người và an toàn giao thông.

- Chỉ giới xây dựng : Cách 24,5 m tính từ tim đường Đ4.

*** Nội dung và quy mô đầu tư công trình:**

2.1. Nhà xưởng 2C: 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 03 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng trệt: 25m x 30m = 750 m^2
- Tổng diện tích sàn : 750 m^2 x 03 tầng = 2.250 m^2
- Chiều cao công trình : 16,45 m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; Nền đổ bê tông; tường xây gạch cao 5,6m mặt trước, các mặt bên và sau bằng vách panel; Mái lợp tole, xà gồ thép; Cửa nhôm kính.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục : Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; cây xanh và tường rào.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 26.692,8 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 26841 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 17/9/2020.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 24 tháng 02 năm 2021

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số : 187/BQL-QHXDTNMT

V/v thông báo kết quả thẩm định TKCS cho hạng mục Nhà xưởng 2C thuộc dự án: "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2" của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại KCN Minh Hưng III.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Kính gửi : Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.

Ban Quản lý Khu kinh tế nhận Tờ trình không số ngày 20/01/2021 của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina về việc đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục Nhà xưởng 2C thuộc dự án: "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2" của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại KCN Minh Hưng III;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 21/5/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết KCN Minh Hưng III thuộc xã Minh Hưng – Cao su Bình Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 KCN

Minh Hưng III - Cao su Bình Long, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 và Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Minh Hưng III- Cao su Bình Long, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Theo Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 04/GXN-BQL ngày 8/02/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp;

Theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 20/TD-PCCC ngày 18/01/2021 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước cấp.

Sau khi xem xét, Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho hạng mục Nhà xưởng 2C của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại Khu công nghiệp Minh Hưng III như sau :

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN

1. Tên dự án : Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2 tại KCN Minh Hưng III.

2. Quy mô xây dựng, công suất thiết kế, các thông số kỹ thuật chủ yếu :

2.1. Nhà xưởng 2C: 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 03 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng trệt: 25m x 30m = 750 m^2
- Tổng diện tích sàn : 750 m^2 x 03 tầng = 2.250 m^2
- Chiều cao công trình : 16,45 m.
- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; Nền đổ bê tông; tường xây gạch cao 5,6m mặt trước, các mặt bên và sau bằng vách panel; Mái lợp tole, xà gồ thép; Cửa nhôm kính.

3. Người quyết định đầu tư :

- Người đại diện ông : Kim Dong Woo - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

4. Chủ đầu tư : Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.

5. Địa điểm xây dựng : Lô G5, G6, đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích đất sử dụng cho dự án : 26.692,8 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT

26841 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 17/9/2020.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư xây dựng công trình : 5.000.000.000 đồng.

7. Nguồn vốn thực hiện : Vốn tự có.

8. Thời gian thực hiện công trình : 12 tháng.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng áp dụng :

+ TCVN 2737-1995 : Tiêu chuẩn thiết kế tải trọng và tác động.

+ TCXDVN 356-1995 : Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCXDVN 338-2005 : Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ TCVN 5575-1995: Tính toán kết cấu thép.

+ TCVN 5760-1993 : Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

+ TCVN 3890-2009 : Phương tiện PCCC cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

+ TCVN 2622- 1995 Hệ thống PCCC.

10. Nhà thầu lập thiết kế cơ sở : Công ty TNHH Xây dựng Đại Dương Việt Nam lập.

Địa chỉ trụ sở chính: Số D7, KDC Miếu Nổi, phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Giấy chứng nhận đầu tư số 8769984145 do Ban Quản lý Khu kinh tế chứng nhận lần đầu ngày 02/11/2018.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 26841 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina ngày 17/9/2020.

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 04/GXN-BQL ngày 8/02/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế cấp;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 20/TD-PCCC ngày 18/01/2021 do Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh Bình Phước cấp.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Về tổng mặt bằng, mặt bằng: Các hạng mục công trình được bố trí xây dựng hợp lý, phù hợp nhu cầu sử dụng, phù hợp quy hoạch, không gian kiến trúc được thiết kế đảm bảo nhu cầu sử dụng.

- Sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào : Được kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài bao gồm : Hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp điện sinh hoạt, hệ thống cấp thoát nước.

- Về kiến trúc : Thiết kế kiến trúc cơ bản phù hợp với chức năng và quy mô sử dụng công trình, tổ chức không gian kiến trúc hợp lý trong sinh hoạt và sử dụng, tạo cảnh quan đồng bộ, giải pháp chiếu sáng thông gió phù hợp theo yêu cầu.

- Kết cấu chịu lực chính : Giải pháp kết cấu và vật liệu được sử dụng cho công trình cơ bản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật : Được thiết kế đồng bộ và đáp ứng yêu cầu sử dụng và vận hành. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của công trình được kết nối hợp lý với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Về phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, chống sét, cung cấp điện; cấp thoát nước công trình : Cơ bản đạt yêu cầu.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với, quy hoạch xây dựng và đảm bảo sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

- Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ trong giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở phù hợp theo quy định.

V. KẾT LUẬN

- Thiết kế cơ sở đã đáp ứng cơ bản những nội dung theo quy định, đảm bảo điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

- Những lưu ý, yêu cầu đối với Chủ đầu tư : Đề nghị chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành về vệ sinh môi trường, về phương án phòng chống cháy nổ và an toàn công trình theo quy định.

Trên đây là thông báo của Ban Quản lý Khu kinh tế về kết quả thẩm định TKCS cho hạng mục Nhà xưởng 2C thuộc dự án: "Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hóa trên bao bì bằng giấy – S&K 2" của Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina tại KCN Minh Hưng III.. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu VT.

Giai đoạn 1: Xưởng chính + 2A

CA TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CS.PCCC&CNCH

Số: 20 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ..... ngày 24 /01 / 2019 của: Công ty TNHH bao bì cao cấp S & K Vina

Người đại diện là Ông/Bà: Kim Dong Woo Chức danh: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

Nhà máy sản xuất và gia công in ấn nhãn mác hàng hoá trên bao bì bằng giấy – S&K 2

Địa điểm xây dựng: KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH bao bì cao cấp S & K Vina

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH thương mại kỹ thuật PCCC Việt Hưng

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, màn nước ngăn cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy các loại./.

.....

.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Bình Phước ngày 29 tháng 01 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Vinh

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- .....;
- Lưu: PC07.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 20 /TDPCCC-PC07, ngày 29 tháng 01 năm 2019)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bản vẽ tổng thể	KT 01	
	- Các hạng mục gồm: nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng, nhà nghỉ giữa ca (kí túc xá) - Công trình phụ trợ: nhà bảo trì, nhà căn tin (nhà ăn), nhà để xe máy, nhà để xe ôtô, nhà chứa rác, bể nước PCCC		
2	Bản vẽ hệ thống cấp nước chữa cháy	ME:01 đến ME:09	
	vách tường , hệ thống chữa cháy tự		
	động sprinkler, màn ngăn cháy		
3	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động	ME:06; ME:10 đến 12	
4	Bản vẽ hệ thống chống sét đánh thẳng	ME:13 đến ME:14	
5	Bản vẽ hệ thống đèn chiếu sáng sự cố,	ME:06; ME:10	
	đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit)		
6	Bản vẽ mặt bằng bố trí bình chữa cháy	ME:02; ME:03; ME:06	

CA TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CS.PCCC&CNCH

Số: 62 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số …… ngày 03.. /3.. /2020.. của: .Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.....

Người đại diện là Ông/Bà:.....Kim Dong Woo..... Chức danh: ..Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

.....Xây dựng sàn lửng nhà máy bao bì cao cấp S&K Vina.....

Địa điểm xây dựngKCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ..Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế:.....CN Bình Phước Công ty TNHH PTCN Thành Công.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit), bình chữa cháy các loại./.Trên.....

.....

.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Bình Phước, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG...

Nơi nhận:
Chủ đầu tư...;
- .....;
- Lưu: PC07.

Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày 07 / 01 / 2021 *của:* Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Kim Dong Woo *Chức vụ:* Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN

Công trình: xây dựng nhà xưởng 2C – Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH bao bì cao cấp S&K Vina

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH xây dựng Đại Dương Việt Nam

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, trang bị đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, trang bình chữa cháy

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Bình Phước, ngày 18 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- ;
- Lưu: PC07.

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số: 20 /TD-PCCC, ngày 18 /01/2021 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN**	
1	Nhà xưởng 2C: KT 30m x 25m, 03 tầng, kết cấu nhà khung thép mái tôn, sử dụng sơn chống cháy 90 phút cho cột, dầm, sàn; sơn chống cháy 60 phút cho cầu thang thép, công năng: xưởng in ấn nhãn mác hàng hoá trên bao bì bằng giấy	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ**	
1	Bản vẽ kiến trúc (A-FC-01 đến A-FC-12)	
2	Bản vẽ kết cấu (C-SK2-01 đến C-SK2 – 17)	
3	Bản vẽ thiết kế PCCC	Đơn vị thiết kế hệ thống PCCC: CN Bình Phước Công ty TNHH PTCN Thành Công

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CÔNG TY TNHH MTV TMDV VẬN TẢI NHẬT LONG BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

SỐ: 01/HĐKT/2024

(V/v Thu mua giấy phế liệu)

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi Trường số 52/2005/QH11 do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.

- Căn cứ vào khả năng và chức năng xử lý chất thải của Cty TNHH MTV TM DV VT Nhật Long Bình Phước do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy phép số: 3801140283 ngày 13 tháng 01 năm 2017 với chức năng hoạt động "Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và thu mua phế liệu".

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của 02 công ty.

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2024, đại diện công ty chúng tôi gồm có:

<u>BÊN A:</u> CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI NHẬT LONG BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Số điện thoại: 0977 890 075 Mã số thuế: 3801140283

Số tài khoản: 232156909 Tại: Ngân Hàng Á Châu CN-PGD Chơn Thành

Đại diện: **CAO ANH LONG** Chức vụ: Giám đốc

<u>BÊN B:</u> CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

Địa chỉ: Lô B1-B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Số điện thoại: 02713.645 218 (219) Fax: 02713.645 221

Mã số thuế: 3800 361 674

Số tài khoản: 050040786969 Tại: Ngân hàng Sacombank chi nhánh ChơnThành

Đại diện: **KIM DONG WOO** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên cùng đi đến ký kết hợp đồng với những nội dung như sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B bán giấy phế liệu cho bên A từ nhà máy sản xuất của Bên B tại địa chỉ:

1. Lô B1-B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

2. Lô G5-G6, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Đơn giá:

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VND)	GHI CHÚ
01	Giấy phế liệu	Kg	2.500	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2.2 Hình thức thanh toán:

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt VNĐ (phí chuyển khoản do Bên A trả).

2.3 Thời gian thanh toán:

- Cuối tháng kết sổ 01 lần. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chậm nhất 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận hóa đơn.
- Nếu quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán thì Bên B sẽ tạm ngưng cho thu mua.

Điều III: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Bố trí thời gian và phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên B

- Đảm bảo việc thu mua giấy đúng như điều I

- Giữ vệ sinh trong quá trình thu gom và vận chuyển giấy.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc vận chuyển hàng hóa của mình đúng theo quy định.

- Bên A (tức bên Nhật Long) hỗ trợ vận chuyển một số phế liệu sau tiêu hủy không có giá trị thương mại.

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Thực hiện đúng như điều I

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A đến thu gom.

- Bên B không được để lẫn giấy vụn và các loại phế liệu khác.

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thì Bên B không được bán giấy cho đơn vị nào khác. Nếu vi phạm hợp đồng Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều IV: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trên hợp đồng. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được tranh chấp thì đem vụ việc ra tòa kinh tế, tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để giải quyết và phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

- Tùy theo thời điểm, hai bên có thể bàn bạc lại giá cả theo giá thị trường và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng kèm theo.

Điều V: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có giá trị trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày ký. Sau khi hợp đồng hết hạn nếu hai bên không có bất đồng hoặc tranh chấp xảy ra thì xem như hợp đồng được thanh lý .

5.2 Hợp đồng được lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
CAO ANH LONG	**KIM DONG WOO**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH
Nhà máy: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Văn phòng: Ô67 Lô L65 đường NE8 KĐT Mỹ Phước 3 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
Mã số thuế: 3800769008 Điện thoại: 02713 708 900 Fax: 02713 708 900
Emails: info@moitruongthaoduongxanh.com / thaoduongxanhvn@gmail.com
HOTLINE: 0934 777 678

Số:64/2024/HĐXL-TDX
No:64/2024/HDXL-TDX

Bình Phước, ngày 19 tháng 05 năm 2024
Binh Phuoc, May 19th 2024

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI
WASTE DISPOSAL CONTRACT

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- *Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020 / QH14 dated November 17, 2020*
- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- *Pursuant to Civil Law No. 91/2015 / QH13 dated November 24, 2015 and Law on Commerce No. 36/2005 / QH11 dated June 14, 2005;*
- Căn cứ nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- *Pursuant to the Government's Decree 08/2022 / ND-CP dated January 10, 2022 detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection;*
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- *Pursuant to Circular 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 of the Ministry of Natural Resources and Environment detailing the implementation of a number of fields of the Law on Protection;*
- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 19/08/2021 cho CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH.
- *Based on the waste treatment license, Code: QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX issued by the Ministry of Natural Resources and Environment on August 19, 2021 to THAO DUONG XANH ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY*
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên
- *Based on the needs and capacities of both parties*

Hôm nay chúng tôi đứng tên dưới đây gồm có:
Today we stand under the names below include:

BÊN A : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
PARTY A : S&K LUXURY PACKAGING VINA CO.,LTD
Địa chỉ : Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Address : Lot B1, B2, B3,B4, Minh Hung – Korea Industrial Park, Minh Hung commune, Chon Thanh district, Binh Phuoc province
Điện thoại : 02713.645.218
Phone : 02713.645.218

Mã số thuế : 3800.361.674

Tax code : 3800.361.674

Do : Ông **KIM DONG WOO.** Chức vụ: **Tổng Giám đốc** làm đại diện.

*Represented by: Mr **KIM DONG WOO.*** *Title: **General Director***

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

PARTY B : THAO DUONG XANH ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Address : Xa Lach village, Tan Quan commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province

Điện thoại : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900

Phone : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900

Mã số thuế : 3800.769.008

Tax code : 3800.769.008

Do : Ông **LÊ KHẮC TIẾN.** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc** làm đại diện.

*Represented by: Mr **LE KHAC TIEN.*** *Title: **General Director***

Tài khoản số : 117000132226 tại Vietinbank PGD Hớn Quản Bình Phước.

Account No : 117000132226 at Vietinbank Hon Quan Binh Phuoc

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Both parties agree to sign a contract with the following terms & conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: TERMS AND DURATION OF CONTRACT

1.1. Nội dung hợp đồng

1.1. Terms and Conditions

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất của bên A. Căn cứ vào sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại có mã số: **QLCTNH: 70.000022.T** do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15 tháng 06 năm 2020, các chất thải của bên A được đưa về xử lý tại nhà máy bên B (ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật mà bên B đã được cơ quan quản lý môi trường cấp phép hành nghề căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam.

*- Party A agrees to assign Party B to collect, transport, store and treat all kinds of waste in the production process of Party A. Based on the register of hazardous waste source owner. Code: **QLCTNH: 70.000022.T** issued by the Department of Natural Resources and Environment of Binh Phuoc Province on June 15, 2020, Party A's wastes are processed at Party B's factory (Xa Lach village Tan Quan commune Hon Quan district, Binh Phuoc province) in accordance with technical regulations that Party B has been licensed to practice by the environmental management agency based on the provisions of Vietnamese law.*

1.2. Thời hạn hợp đồng:

1.2. Contract duration:

Hợp đồng này có thời hạn là 01 (một) năm tính từ ngày hợp đồng được các bên ký.

This contract is valid within 01 (one) year from the date of the signing contract.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THU GOM, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI.

ARTICLE 2: TIME, PLACE OF RECEIPT AND WASTE DISPOSAL UNIT PRICE.

2.1 Thời gian và địa điểm tiếp nhận chất thải:

2.1 Time and place of receiving waste:

Bên B sẽ tiến hành thu gom theo định kỳ, hoặc theo thỏa thuận mà các bên tự thông báo cho nhau, trừ ngày chủ nhật và các ngày lễ tết .

Party B will conduct the collection periodically, or according to an agreement that the parties notify each other, except Sunday and holidays.

Địa điểm tiếp nhận chất thải:

Cơ sở I: Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở II: Lô G5-G6, đường số Đ4, KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Place to receive waste:

Facility I: Lot B1, B2, B3,B4, Minh Hung – Korea Industrial Park, Minh Hung Ward, Chon Thanh Town, Binh Phuoc Province.

Facility II: Lot G5-G6, Road No. D4, Minh Hung III Industrial Park, Minh Hung Ward, Chon Thanh Town, Binh Phuoc Province.

Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy bên B đặt tại ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Location of Waste Disposal: the B Factory located at Xa Lach village, Tan Quan commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province.

2.2. Số lượng chất thải:

2.2. The amount of waste:

Được tính theo số lượng thực tế mà bên A giao cho bên B thông qua biên bản giao nhận hoặc phiếu xuất kho hoặc chứng từ chất thải có xác nhận của đại diện các bên.

Being calculated according to the actual amount that Party A hand over to Party B through delivery records or delivery bill or waste documents certified by the representatives of the parties.

2.3. Đơn giá xử lý chất thải:

2.3. Unit price of waste disposal:

STT *No*	**Loại chất thải** *Waste name*	**Mã CTNH** *Code*	**Đơn vị tính** *Unit*	**Đơn giá xử lý (VNĐ)** *Handling Price*
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại *Waste ink has hazardous ingredients*	08 02 01	Kg	4.400
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại *Waste toner cartridges have hazardous components*	08 02 04	Kg	4.400

3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải) *Waste adhesives and sealants with organic solvents or other hazardous ingredients (waste glue)*	08 03 01	Kg	4.400
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải) *Infectious waste (cotton, waste needles)*	13 01 01	Kg	4.400
5	Bóng đèn huỳnh quang thải *Waste fluorescent bulbs*	16 01 06	Kg	4.400
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải) *Rags, protective cloths contaminated with hazardous ingredients (oiled rags, waste chemicals)*	18 02 01	Kg	4.400
7	Pin, ắc quy chì thải *Batteries, waste lead batteries*	19 06 01	Kg	4.400
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước *Waste solution, water-based offset printing board coating*	19 01 02	Kg	4.400
9	Bùn thải nguy hại *Hazardous sludge*	12 06 06	Kg	4.400
10	Rác công nghiệp (màng film hỏng) *Industrial waste*	/	Kg	3.800

Ghi chú *: Đơn giá xử lý* ***Chưa*** *bao gồm thuế VAT*

Handling unit price VAT ***not included.***

Đơn giá trên được tính bằng Việt Nam Đồng (VNĐ), đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý. Thảo Dương Xanh không hoàn trả bao bì chứa chất thải.

The above unit price is calculated in Vietnam Dong (VND), inclusive of costs for collection, transport, storage and handling. Thao Duong Xanh does not return waste packaging.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

ARTICLE 3: FORMS AND PAYMENT TERM

3.1. Điều kiện thanh toán: Khi bên A nhận được hoá đơn tài chính, và bộ chứng từ chất thải nguy hại (chứng từ 04 liên) đã xác nhận xử lý hợp lệ của bên B.

3.1. Payment conditions*: When Party A receives a financial invoice, and hazardous waste documents (04 copies) have confirmed the valid disposal of Party B.*

3.2. Hình thức thanh toán:

3.2. Forms of payment:

Tiền xử lý bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) vào tài khoản sau:

Cash for Party A makes payment to Party B in the form of Transfer in Vietnam Dong (VND) to the following account:

Tài khoản số: 117000132226 tại Ngân hàng Vietinbank - PGD Hớn Quản Bình Phước.

Account no: 117000132226 at Vietinbank - Hon Quan Binh Phuoc.

Tên tài khoản: Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh.

Account name: Thao Duong Xanh environmental joint stock company.

3.3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán đủ 100% giá trị hóa đơn cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận đủ hóa đơn tài chính và chứng từ.

***3.3. Payment term**: Party A fully pays 100% of the invoice value to Party B within 15 (fifteen) days after receiving all financial invoices and documents.*

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN
ARTICLE 4: RESPONSIBILITIES OF THE PARTIES

a) Trách nhiệm bên A:

a) Responsibilitis of Party A:

Toàn bộ chất thải bên A phải có trách nhiệm phân loại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định của pháp luật về môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu giữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.

Party A shall be responsible for sorting the whole waste into separate categories according to the provisions of the current law for environment. Wastes after being sorted must be contained in separate containers labeled and stored in a fixed area before being handed over to Party B.

Bên A có trách nhiệm kiểm tra chính xác phương tiện tới thu gom chất thải tại nhà máy của Quý công ty, các phương tiện đó phải nằm trong danh sách phương tiện được đăng ký trong giấy phép hành nghề của Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh, Trong trường hợp bên A bàn giao chất thải không đúng phương tiện như đã nêu trên của bên B, thì mọi hệ luỵ liên quan sau này bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Party A is responsible for checking accurately the vehicles to collect waste at your plant, which must be in the list of vehicles registered in the practice license of Environmental Joint Stock Company. Thao Duong Xanh, in case Party A delivers the waste to the wrong vehicle as mentioned above by Party B, then all related consequences, Party A will be entirely responsible.

Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận tiện cho xe của bên B vào thu gom chất thải đúng thời gian đã thông báo với bên B, bố trí nhân lực và phương tiện phối hợp để chuyển chất thải vào xe của bên B. Chi phí thuê xe nâng để chuyển chất thải từ kho của bên A vào xe của bên B do bên A thanh toán.

Party A is responsible for creating convenient conditions for Party B's vehicle to collect waste on time as notified to Party B, allocating personnel and means of coordination to transfer waste to Party B's vehicle. The rental fee for the forklift truck to transfer the waste from Party A's warehouse to Party B's car will be paid by Party A.

Lập chứng từ khi bàn giao chất thải, và cung cấp cho người đại diện của bên B khi bàn giao chất thải.

Document the handover of waste, and provide it to Party B's representative upon handing over the waste.

Thông báo bên B thu gom chất thải khi nhận thấy chất thải sắp tồn đọng tại kho lưu của bên A.

Notify Party B to collect waste when realizing that the waste is about to be left behind at Party A's warehouse.

b) Trách nhiệm bên B:

b) *Responsibilities of Party B:*

Cử người đại diện liên hệ với bên A chịu trách nhiệm trong việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý dưới hình thức tận thu/tái chế hoặc thiêu hủy chất thải tại nhà máy của bên B theo quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam.

Appoint a representative to contact with Party A and to be responsible for collecting, transferring, storing and handling in form of recycling or incineration at party B's plant in accordance with the provisions of waste management of Vietnam.

Bên B chỉ đồng ý ký xác nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật cho những những đợt thu gom bởi phương tiện của bên B, ngoài ra nếu chất thải đó được thu gom bởi phương tiện không phải của bên B thì bên B sẽ từ chối ký xác nhận bộ chứng từ đó.

Party B only agrees to sign for certification of hazardous waste in accordance with the law for the collection batches by Party B's vehicle, in addition, if that waste is collected by vehicles other than Party B, Party B refuse to sign for certification that document.

Cung cấp phương tiện vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải.

Provide means of transport to get waste out of the company of Party A. Fully equip devices and instruments to ensure the necessary safety for waste collection.

Bên B có trách nhiệm thực hiện thu gom chất thải theo yêu cầu của bên A để tránh tình trạng tồn đọng kho bãi.

Party B is responsible for carrying out waste collection as required by Party A to avoid the backlog of warehousing.

Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên B khi ra vào Công ty của bên A phải chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A và thực hiện đúng nội quy của bên A.

Means of transport and manpower of party B must be under the control and supervision of Party A and strictly observe the rules of the A when go in and out party A's company area

Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Bên B phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Be completely responsible by the Law in case of there is waste leaking into the environment after carrying the waste out of the company of Party A. Party B must comply fully with the regulations on registration and licensing of practice, collection, transportation and waste disposal in accordance with law.

Không nhận chất thải ngoài danh mục 2.3 điều 2, cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với danh mục trên.

Do not waste is excluded from List 2.3, Article 2 as well as wastes which are different from those listed above.

Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải cho bên A.

Check, verify and transfer the documents of waste to Party A.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 5: GENERAL PROVISIONS

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

The parties undertake to strictly implement the agreement in this contract. Any dispute arising shall be settled by negotiations on the basis of respect for each other's interests, in case disputes cannot be negotiated, then either party may initiate a lawsuit at the People's Court in Vietnam

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức *"Phụ lục hợp đồng"*. *Phụ lục hợp đồng* phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, *Phụ lục hợp đồng* là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

Any changes arising during the implementation of this Agreement which are not greed by the parties must be made in writing as "Addendum". Annex contract must be verified, signed and stamped legally, Addendum is inseparable part of this contract.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong các bên tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia 30 ngày.

During the performance of the contract, if one of the parties unilaterally terminates the contract, it must notify the other party 30 days in advance.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

This contract takes effect from the date of signing and terminates when the contract term expires or as prescribed by law.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản song ngữ, tiếng Việt – tiếng Anh với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các bên, trong trường hợp xảy ra tranh chấp thì tiếng Việt sẽ là ngôn ngữ chính để đưa ra làm việc trước pháp luật. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

The contract shall be signed by the Parties in 04 (four) bilingual original copies in Vietnamese and English with full signatures and stamps of both parties, in case of occurring disputes, Vietnamese language shall prevail. Each party shall keep 02 (two) copy of equal validity.

ĐẠI DIỆN BÊN A **ON BEHALF OF PARTY A** **Tổng Giám đốc** ***General Director***	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **ON BEHALF OF PARTY B** **Tổng Giám đốc** ***General Director***
KIM DONG WOO	**LÊ KHẮC TIẾN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/2024/HĐNT/SK-NL

(V/v: Thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt)

- *Căn cứ Bộ Luật Dân Sự của nước CHXHCN Việt Nam số 32/QH2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.*
- *Căn cứ nghị định số 45/2005/QH11 đã được Quốc Hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.*
- *Căn cứ luật Bảo Vệ Môi Trường ban hành ngày 29/11/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2006 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thong qua.*
- *Căn cứ khả năng và nhu cầu thực hiên của hai công ty.*

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại văn phòng **CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA**, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

Địa chỉ : Lô B1, B2, B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 02713.645 218 (219) Fax: 02713.645 221

Đại diện : **KIM DONG WOO** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Mã Số Thuế : 3800361674

Số tài khoản : 050040786969 Tại: Ngân hàng Sacombank chi nhánh ChơnThành

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV TMDV VẬN TẢI NHẬT LONG BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ : Tổ 5, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 0977890075 Fax:

Đại diện : **CAO ANH LONG** Chức vụ: **Giám Đốc**

Mã Số Thuế : 3801140283

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng bao gồm các nội dung như sau:

ĐIỀU 1: Bên B nhận thu gom và vận chuyển rác thải (rác thải sinh hoạt) cho bên A tại:

1/ Lô B1, B2, B3 và B4, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

2/ Lô G5-G6, đường Đ4, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

ĐIỀU 2: Bên A phải gom rác trong khu vực công ty vào đúng nơi quy định, thùng chứa rác tại chỗ do bên A tự trang bị và bảo quản.

ĐIỀU 3: Bên A thanh toán tiền thu gom và vận chuyển rác thải (rác thải sinh hoạt) cho bên B theo từng quý. Chi phí mỗi tháng là **2.000.000 đ/tháng** (*Hai triệu đồng chẵn một tháng*). Đơn giá trên chưa bao gồm VAT.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của các bên

Trách nhiệm của bên A:

- Lo mọi thủ tục và điều kiện cần thiết để bên B mang rác thải (rác thải sinh hoạt) ra ngoài sau khi thu gom.
- Thông báo cho bên B trước ít nhất một ngày để bên B bố trí Phương tiện và Nhân công khi có thu gom đột xuất.
- Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Công ty cho nhân viên của bên B vào thu gom rác thải.
- Thanh toán cho bên B theo đúng thời hạn đã nêu trên.

Trách nhiệm của bên B:

- Chịu mọi trách nhiệm và chi phí vận chuyển, bốc dở rác thải (rác thải sinh hoạt) ra khỏi khuôn viên bên A.
- Sắp xếp phương tiện thu gom rác 1 lần/tuần. Nếu gặp vấn đề không thu gom đúng lịch được, phải báo trước cho Bên A biết. Trường hợp Bên A cần thu gom đột xuất sắp xếp phương tiện để phối hợp kịp thời.
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được chứa trong thùng, vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa rác thải (rác thải sinh hoạt), sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải (rác thải sinh hoạt) của bên B.
- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ theo yêu cầu của bên A.
- Chịu trách nhiệm xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng pháp luật.
- Xuất hóa đơn giá trị gia tăng hằng quý cho bên A.
- Tuân thủ các quy định của bên A.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, nếu có vướng mắc, hai bên cùng trao đổi, bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu cần sẽ làm phụ lục kèm theo. Không bên nào được tự ý hủy hoặc sửa đổi hợp đồng.
- Trong trường hợp phát sinh tranh chấp mà không thể giải quyết bằng thương lượng, mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
KIM DONG WOO	CAO ANH LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 11/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ văn phòng: Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	101	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	399	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	110	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông băng, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	739	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**1.349**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập:

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.40**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hồng Sơn	Ký: Sơn	Ngày 25 tháng 05 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 25 tháng 05 năm 2024* CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 03 tháng 06 năm 2024* CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** **Số: 12/2024/ 3-4-5-6.074.VX**

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	71	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	133	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	110	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	316	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**630**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 01 tháng 06 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 01 tháng 06 năm 2024* M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 10 tháng 06 năm 2024* M.S.D.N:3800769008-C.T. CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** **Số: 13/2024/ 3-4-5-6.074.VX**

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	510	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	319	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	281	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	300	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**1.410**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:…	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng: ….	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-081.31**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Lê Đăng Tuấn***	Ký: Tuấn	Ngày 14 tháng 06 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).
Bình Phước, ngày 14 tháng 06 năm 2024	*Bình Phước, ngày 22 tháng 06 năm 2024*
M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA ★ TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	M.S.D.N:3800769008-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH ★ H.HỚN QUẢN - T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Thắc Tiến

@.Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 14/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	337	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	547	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	162	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	774	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**1.820**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-081.31**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Lê Đăng Tuấn***	Ký: Tuấn	Ngày 28 tháng 06 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 28 tháng 06 năm 2024*	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 06 tháng 06 năm 2024* CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 15/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	374	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	473	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	189	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	478	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**1.514**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-081.31**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Lê Đăng Tuấn***	Ký: Tuấn	Ngày 10 tháng 07 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2024* M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA TX.CHƠN THÀNH T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 18 tháng 07 năm 2024* M.S.D.N:3800769008-C.T.T CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC *Lê Khắc Tiến*

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 16/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	/	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	311	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	205	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10,5	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	459	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**985,5**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:…	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng: ….	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lam	Ngày 18 tháng 07 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Bình Phước, ngày 18 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA

KIM DONG WOO

8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).

Bình Phước, ngày 26 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 17/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ văn phòng: Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	144	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	501	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	113	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	686	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ-HR
TỔNG						**1.444**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 31 tháng 07 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 31 tháng 07 năm 2024* KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 08 tháng 08 năm 2024* TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 18/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	/	TĐ-HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	375	TĐ-HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	82	TĐ-HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ-HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	3	Nghiền - HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	440	TĐ-HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	TH - PT
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ-HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	189	TĐ-HR
TỔNG							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lam	Ngày 09 tháng 08 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 09 tháng 08 năm 2024* CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 12 tháng 08 năm 2024* CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH M.S.D.N:3800769008-C.T.C.P H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 19/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01		TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	569	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	121	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01		TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	733	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02		PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	752	TĐ, HR
TỔNG						**2.175**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:…	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng: ….	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 24 tháng 08 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).
Bình Phước, ngày 24 tháng 08 năm 2024	*Bình Phước, ngày 04 tháng 09 năm 2024*
CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA M.S.D.N:3800361678-C.T.T.N.H.H TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH M.S.D.N:3800769004-C.T.C.P H.HỚN QUẢN - T.BÌNH PHƯỚC
KIM DONG WOO	TỔNG GIÁM ĐỐC *Lê Khắc Tiến*

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 20/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	61	TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	592	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	151	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	636	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	/	TĐ, HR
TỔNG						**1.440**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Cửa khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-08242**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 09 tháng 09 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).
Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2024	*Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2024*
M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	M.S.D.N:3800769009-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 21/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	180	TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	504	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	145	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01		TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	5	Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	1.008	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02		PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ, HR
TỔNG						**1.842**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 25 tháng 09 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).
Bình Phước, ngày 25 tháng 09 năm 2024	*Bình Phước, ngày 03 tháng 10 năm 2024*
M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA TX.CHƠN THÀNH-T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	M.S.D.N:3800361674-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** **Số: 22/2024/ 3-4-5-6.074.VX**

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01		TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	636	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	185	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01		TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	773	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02		PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ, HR
TỔNG						**1.594**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:...	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-08242**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 12 tháng 10 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày ... tháng ... năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 12 tháng 10 năm 2024* CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 19 tháng 10 năm 2024* CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH TỔNG GIÁM ĐỐC *Lê Khắc Tiến*

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 23/2024/ 3-4-5-6.074.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH — Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX**

Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước — ĐT: 02713 708 900

Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước — ĐT: 02713 708 900

2.Chủ CS DV XL CTNH 2: — Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng : ..... — ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở : ..... — ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II — Mã số QLCTNH: **70.000022.T**

Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước — ĐT :.....

ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	529	TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	402,5	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	177	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01		TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	766,5	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02		PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	115,5	TĐ, HR
TỔNG						**1.990,5**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:…	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng: ….	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 24 tháng 10 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Bình Phước, ngày 24 tháng 10 năm 2024

M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA TX.CHƠN THÀNH T.BÌNH PHƯỚC

KIM DONG WOO

8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).

Bình Phước, ngày 01 tháng 11 năm 2024

M.S.D.N:3800769008 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** **Số: 24/2024/ 3-4-5-6.074.VX**

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	510	TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	455	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	100	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01		TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải)	x			18 02 01	867	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01		Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02		PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05		TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04		TĐ, HR
TỔNG						**1.932**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:…	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng: ….	Cửa khẩu nhập: :

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-081.31**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Lê Đăng Tuấn***	Ký: Tuấn	Ngày 08 tháng 11 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :.	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). *Bình Phước, ngày 08 tháng 11 năm 2024* M.S.D.N:3800361674-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA TX.CHƠN THÀNH - T.BÌNH PHƯỚC KIM DONG WOO	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). *Bình Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2024* M.S.D.N: 3800769008-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH H.HỚN QUẢN-T.BÌNH PHƯỚC TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI** **Số: 25/2024/ 3-4-5-6.074.VX**

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước	Mã số QLCTNH: **3-4-5-6.074.VX** ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : ..... Địa chỉ cơ sở :	Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT: .....
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA II Địa chỉ văn phòng: Lô B1, B2, B3 và B4, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Lô G5-G6, đường số DD4, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	Mã số QLCTNH: **70.000022.T** ĐT :..... ĐT:.....

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ

Số TT	*Tên CTNH*	*Trạng thái tồn tại*			*Mã CTNH*	*Số lượng (kg)*	*Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#*
		Rắn	*Lỏng*	*Bùn*			
1	Mực in thải có các thành phần nguy hại		x		08 02 01	276,5	TĐ, HR
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	x			08 02 04	373,5	TĐ, HR
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (keo thải)	x			08 03 01	115	TĐ, HR
4	Chất thải lây nhiễm (bông bang, kim tiêm thải)	x			13 01 01	/	TĐ, HR
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	/	Nghiền, HR
6	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	662	TĐ, HR
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	/	Phá dỡ, TC
8	Dung dịch thải, thuốc tráng bảng in offset gốc nước	x			19 01 02	/	PT, TH
9	Bùn thải nguy hại			x	12 06 05	/	TĐ, HR
10	Dầu nhớt thải		x		17 02 04	/	TĐ, HR
TỔNG						**1.427**	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:	Của khẩu xuất:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu nhập:

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Số hiệu phương tiện: **93C-082.42**
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ***Trần Minh Lâm***	Ký: Lâm	Ngày 22 tháng 11 năm 2024
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	Ký:	Ngày … tháng … năm 2024

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).	8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).
Bình Phước, ngày 22 tháng 11 năm 2024 CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA KIM DONG WOO	*Bình Phước, ngày 22 tháng 11 năm 2024* CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Khắc Tiến

@ Liên số: 1☐ - 2☐- 3☐- 4☐

HAIAU ENVIRONMENTAL
CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

TN/Số: HA.24.03652.4-5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA (SK2)**
   Lô G5 - G6, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.24.03652.4	Trước HTXLNT	11°28'11" 106°36'20"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Ngà
HA.24.03652.5	Sau HTXLNT	11°28'11" 106°36'20"		Trong

4. Ngày lấy mẫu: 20/06/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/06/2024 - 27/06/2024
5. Ngày trả kết quả: 27/06/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

tt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
	pH(*)(a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
	Lưu lượng(*)	m^3/h	HD/NT – Lưu lượng	0 – 17.000 m^3/h
	TSS(*)(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
	BOD_5(*)(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
	COD(*)(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
	Amoni ($N\_NH_4^+$)(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3,B&C:2017	1 mg/L
	Tổng Nitơ(*)(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
	Tổng Photpho(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
	Tổng dầu mỡ(*)(a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	0,3 mg/L
	Coliform(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

Kết quả thử nghiệm:

t	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	
			HA.24.03652.4	HA.24.03652.5
	pH(*)(a)	--	6,80	7,20
	Lưu lượng(*)	m^3/h	13,0	12,4

quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
ời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
ông được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hai Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	
			HA.24.03652.4	HA.24.03652.5
3.	TSS(*)(a)	mg/L	76	<15
4.	BOD_5(*)(a)	mg/L	57	8
5.	COD(*)(a)	mg/L	105	20
6.	Amoni ($N\_NH_4^+$)(*)	mg/L	7,5	<3
7.	Tổng Nitơ(*)(a)	mg/L	36,4	12,4
8.	Tổng Photpho(*)	mg/L	2,10	0,70
9.	Tổng dầu mỡ(*)(a)	mg/L	<0,9	KPH
10.	Coliform(*)	MPN/100mL	20.000	110

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.24.03652.2-3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA (SK2)**
   Lô G5 - G6, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.03652.2	Nhà xưởng hiện hữu	11°28'13" 106°36'22"
HA.24.03652.3	Nhà xưởng 2C	11°28'12" 106°36'22"

4. Ngày lấy mẫu: 20/06/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/06/2024 - 27/06/2024
5. Ngày trả kết quả: 27/06/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Ánh sáng(**)	lux	TCVN 5176:1990	TCVN 5176:1990	--
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/Nm^3
6	CO(*)	µg/Nm^3	HDNB 09	HDPTK-02.4	5.600 µg/Nm^3
7	NO_2(*)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/Nm^3
8	Toluen(*)	µg/Nm^3	US EPA Method TO-17	US EPA Method TO-17	2 µg/Nm^3
9	Vinyl clorua(*)	µg/Nm^3	US EPA Method TO-17	US EPA Method TO-17	2 µg/Nm^3
10	Naphtalen(*)	µg/Nm^3	US EPA Method TO-17	US EPA Method TO-17	3 µg/Nm^3
11	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/Nm^3

t quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
ời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
ông được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Ánh sáng
	°C	%	lux
HA.24.03652.2	31,4	61,3	348
HA.24.03652.3	31,8	62,1	367
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	--
QCVN 22:2016/BYT	--	--	**≥ 200**

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/Nm^3	mg/Nm^3	mg/Nm^3	mg/Nm^3
HA.24.03652.2	68,3	0,29	0,084	0,067	KPH
HA.24.03652.3	69,7	0,30	0,085	0,068	KPH
QCVN 24:2016/BYT	**≤ 85**	--	--	--	--
QCVN 02:2019/BYT	--	**8**	--	--	--
QCVN 03:2019/BYT	--	--	**5**	**5**	**20**

Bảng 3:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Toluen	Vinyl clorua	Naphtalen
	mg/Nm^3	mg/Nm^3	mg/Nm^3
HA.24.03652.2	KPH	KPH	KPH
QCVN 03:2019/BYT	**100**	**1**	--

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts
KPH: Không phát hiện
ASTN: ánh sáng tự nhiên
QCVN 22:2016/BYT Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (TWA)

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

M.S.D.N: 0309387095-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU QUẬN 12 - TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thùy Diễm

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hai Âu

HAIAU ENVIRONMENTAL
CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

TN/Số: HA.24.03652.1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH M&N HỢP NHẤT**
2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA (SK2)**
   Lô G5 - G6, KCN Minh Hưng III, Phường Minh Hưng, Thị Xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.03652.1	Sau HTXL khí thải hơi dung môi	11°28'12" - 106°36'20"

4. Ngày lấy mẫu: 20/06/2024 Thời gian thử nghiệm: 20/06/2024 - 27/06/2024
5. Ngày trả kết quả: 27/06/2024
6. Phương pháp thử nghiệm:

tt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Lưu lượng(*)	m^3/h	US EPA Method 2	US EPA Method 2	1.600.000 m^3/h
2	Naphthalene(*)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm^3
3	Toluene(*)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm^3
4	n-Butyl acetate(*)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm^3

. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.24.03652.1	
.	Lưu lượng(*)	m^3/h	1.610	--
.	Naphthalene(*)	mg/Nm^3	KPH	**150**
.	Toluene(*)	mg/Nm^3	<3	**750**
.	n-Butyl acetate(*)	mg/Nm^3	4,5	**950**

i chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện
QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

ết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
hời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
hông được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PHỤ LỤC 1
PHÁP LÝ CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

PHỤ LỤC 1
HỒ SƠ PHÁP LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 52 /GPMT-UBND	*Bình Phước, ngày 26 tháng 9 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 1 – Diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 2 diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 106/KCNCSBL-XDCB ngày 28/8/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 502/TTr-STNMT ngày 22/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long, địa chỉ tại ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 1 – Diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 2 – Diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

(sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 1 – Diện tích 163,872 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) và Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long – Giai đoạn 2 – Diện tích 129,998 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư).

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 3, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 3800378251 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 08/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 3800 378 251.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp với các ngành nghề trình bày trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 bao gồm:

1.5.1. Các ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp Minh Hung III - Cao su Bình Long - Giai đoạn 1 - Diện tích 163,872 ha (theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh):

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm.

- Công nghiệp dệt may (không nhuộm), sản xuất giày, đồ chơi.

- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.

- Công nghiệp sản xuất bao bì.

- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao.

- Công nghiệp điện tử và vi điện tử.

- Công nghiệp cơ khí: Dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.

- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm.

- Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng.

- Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

- Nhóm ngành sản xuất đồ uống: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.

- Sản xuất sản phẩm từ cao su (đã qua sơ chế): Sản xuất sản phẩm từ cao su; sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su.

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị): sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học: Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ; sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học; thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp.

- Sản xuất thiết bị điện: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất thiết bị điện khác.

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Điêu khắc gỗ và mộc gia dụng.

- Sản xuất thuốc nhuộm (Công ty TNHH Asathio Chemical).

- Sản xuất hóa chất phục vụ nhà máy chế biến gỗ (Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha).

- Nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm: Chế biến bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt; chế biến và đóng hộp thịt; chế biến và đóng hộp rau quả; sản xuất và đóng hộp dầu mỡ động thực vật; xay xát và sản xuất bột; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự.

- Tái chế giấy từ giấy phế liệu.

- Vận tải kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

- Nhóm ngành thông tin và truyền thông: Sản xuất sách, ấn phẩm, xuất bản phần mềm, chuyển phát nhanh…

- Sản xuất và phân phối khí điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều

hòa không khí.

- Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm rơm và vật liệu bện.

- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), hoạt động cho thuê tài chính.

- Hoạt động y tế, trợ giúp xã hội bao gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, hoạt động y tế khác.

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống bao gồm: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).

- Sản xuất nhiên liệu thay thế dầu FO, DO (tái chế lốp cao su thành dầu FO-R).

1.5.2. Các ngành nghề được phép đầu tư vào Khu công nghiệp Minh Hưng III - Cao su Bình Long - Giai đoạn 2 - Diện tích 129,998 ha (theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh):

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm.

- Công nghiệp dệt may (không nhuộm), sản xuất giày, đồ chơi.

- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.

- Công nghiệp sản xuất bao bì.

- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao.

- Công nghiệp điện tử và vi điện tử.

- Công nghiệp cơ khí: Dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.

- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm.

- Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng.

- Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

- Nhóm ngành sản xuất đồ uống: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; chưng, tinh cất và pha chế các loại

rượu mạnh.

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị): Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm).

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học: Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ; sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học; thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp.

- Sản xuất thiết bị điện: Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất thiết bị điện khác.

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Điêu khắc gỗ và mộc gia dụng.

- Nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm: Chế biến bảo quản thịt, các sản phẩm từ thịt; chế biến và đóng hộp thịt; chế biến và đóng hộp rau quả; sản xuất và đóng hộp dầu mỡ động thực vật; xay xát và sản xuất bột; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự.

- Một số nhóm ngành nghề khác:

+ Vận tải kho bãi và lưu trữ hàng hóa.

+ Nhóm ngành thông tin và truyền thông: Sản xuất sách, ấn phẩm, xuất bản phần mềm, chuyển phát nhanh…

+ Sản xuất và phân phối khí điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.

+ Nhóm ngành chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm rơm và vật liệu bện.

+ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm bao gồm: Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), hoạt động cho thuê tài chính.

+ Hoạt động y tế, trợ giúp xã hội bao gồm: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa, hoạt động y tế khác.

+ Dịch vụ lưu trú và ăn uống bao gồm: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, cung cấp dịch vụ ăn uống theo

hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích dự án: 293,87 ha (trong đó: giai đoạn 1 có diện tích 163,872 ha và giai đoạn 2 có diện tích 129,998 ha).

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện

pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 đến ngày 26 tháng 9 năm 2029).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Chơn Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Như Điều 4;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long;
- Lưu: VT (BH-02-GPMT-25/9).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND ngày 26./9./2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu điều hành Khu công nghiệp, lưu lượng tối đa 03 m^3/ngày.

Nguồn số 02: Nước thải của các công ty, doanh nghiệp thứ cấp trong giai đoạn 1 và giai đoạn 2 được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng III, lưu lượng tối đa 6.000 m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Bưng Rục.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Ấp 4, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí xả nước thải vào suối Bưng Rục: X: 1268003; Y: 538162 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6.000 m^3/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải chảy qua mương quan trắc tự động, liên tục, sau đó chảy ra kênh hở của Khu công nghiệp Minh Hưng III và chảy ra suối Bưng Rục theo hình thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 0,9); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12-

MT:2015/BTNMT, cột A (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1,0).

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^{0}C	40	03 tháng/ lần	Tự động
2	pH	-	6 đến 9		Tự động
3	COD	mg/l	60,7		Tự động
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5		Tự động
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		Tự động
6	Màu	Pt-Co	50		Không áp dụng
7	BOD_5	mg/l	24,3		
8	Asen	mg/l	0,0405		
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,00405		
10	Chì	mg/l	0,081		
11	Cadimi	mg/l	0,0405		
12	Đồng	mg/l	1,62		
13	Kẽm	mg/l	2,43		
14	Niken	mg/l	0,162		
15	Mangan	mg/l	0,405		
16	Sắt	mg/l	0,81		
17	Tổng nitơ	mg/l	16,2		
18	Tổng xianua	mg/l	0,057		
19	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		
20	Clo dư	mg/l	0,81		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua	mg/l	0,162		
23	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	05		
24	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	10		
25	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
26	Coliform	MPN/100ml	3.000		
27	Halogen hữu cơ dễ hấp thụ (AOX)	mg/l	6,75		
28	Dioxin	PgTEQ/l	13,5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu công nghiệp: Chủ dự án đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải đáp ứng nhu cầu thoát nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp với tổng chiều dài 10.997 m, trong đó:

- Đường Đ2 có tổng chiều dài tuyến thu gom là 1.340 m, trong đó: đoạn BTCT D300 dài 795 m, đoạn BTCT D400 dài 545 m.

- Đường Đ4 có tổng chiều dài tuyến thu gom là 5.107 m, trong đó: đoạn BTCT D300 dài 3.030 m, đoạn BTCT D400 dài 1.000 m, đoạn BTCT D500 dài 975 m, đoạn BTCT D600 dài 102 m.

- Đường Đ6 có tổng chiều dài tuyến thu gom bằng BTCT D300 là 2.205 m.

- Đường N5 có tổng chiều dài tuyến thu gom bằng BTCT D300 là 620 m.

- Đường N11 có tổng chiều dài tuyến thu gom là 840 m, trong đó: đoạn BTCT D300 dài 400 m, đoạn BTCT D400 dài 440 m.

- Đường N13 có tổng chiều dài tuyến thu gom bằng BTCT D300 là 105 m.

- Đường N15 có tổng chiều dài tuyến thu gom bằng BTCT D300 là 400 m.

- Đường N19 có tổng chiều dài tuyến thu gom là 330 m, trong đó: đoạn BTCT D300 dài 295 m, đoạn BTCT D400 dài 35 m.

- Đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng BTCT D600 dài 50 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu điều hành của Khu công nghiệp được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (có thể tích 30 m^3) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (bằng đường ống nhựa) để xử lý.

Đã xây dựng hoàn chỉnh module 1 công suất 2.000 m^3/ngày.đêm, module 2 công suất 2.000 m^3/ngày.đêm và module 3 công suất 2.000 m^3/ngày.đêm của hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp giai đoạn 1 và giai đoạn 2, trong đó:

- Quy trình xử lý nước thải của module 1, công suất 2.000 m^3/ngày đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô → Hầm bơm → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH (Bể trung hoà) - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian cải tạo từ bể khử trùng hiện hữu → Bể điều chỉnh pH – Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 → Bể lắng hóa lý bậc 02 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

- Quy trình xử lý nước thải của module 2, công suất 2.000 m^3/ngày.đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô → Hầm bơm (sử dụng chung với module 1) → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu (sử dụng chung với module 1) → Bể điều hòa (sử dụng chung với module 1) → Bể hiệu chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 01 → Bể lắng hóa lý bậc 01 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH - Cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể lắng hóa lý bậc 02 (sử dụng chung với module 1) → Bể khử trùng (sử dụng chung với module 1) → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

- Quy trình xử lý nước thải của module 3, công suất 2.000 m^3/ngày.đêm như sau: Nước thải → Song chắn rác thô → Hầm bơm (dùng chung của giai đoạn 1, 2 và 3) → Thiết bị tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể hiệu chỉnh pH - cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 1 → Bể lắng hóa lý bậc 1 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể hiệu chỉnh pH - cụm bể keo tụ, tạo bông bậc 2 → Bể lắng hóa lý bậc 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động (sử dụng chung với module 1, 2) → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q = 0,9; k_f = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) thải ra suối Bưng Rục.

Công suất thiết kế: Công suất 6.000 m^3/ngày.đêm với lưu lượng trung bình giờ Qh = 250 m^3/giờ, thời gian làm việc 24 giờ/ngày.

Hóa chất sử dụng: HCl (32%), xút (99%), chất khử màu, PAC (30%), dinh dưỡng (mật rỉ khi cần thiết), polime cation, polime anion, chlorine 10%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc dẫn nước thải sau xử lý (vị trí tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án và dẫn ra suối Bưng Rục).

Tọa độ mương quan trắc: X: 1.267940; Y: 538590 (hệ tọa độ VN2000,

múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp 02 bộ camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Chủ dự án đã thực hiện việc kết nối và truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 632/STNMT-CCBVMT ngày 14/4/2022 về việc hoàn thành lắp đặt và kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Minh Hưng III.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Chủ dự án đã xây dựng hồ sự cố hệ thống xử lý nước thải với dung tích 18.810 m^3; kích thước: 57 m x 132 m x 2,5 m. Kết cấu: Hồ đất, lót bạt HDPE.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp các chỉ tiêu trạm quan trắc tự động báo nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải, hệ thống sẽ tự động mở khóa van EV2 để nước thải tự chảy về hồ sự cố bằng đường ống DN 350 uPVC dài 05 m. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa hoặc cụm bể hóa lý bậc 02 bằng đường ống uPVC D140, dài 120 m để tái xử lý nước thải đạt Quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Đồng thời, khi lưu lượng nước thải về nhà máy vượt công suất xử lý của hệ thống tương đương 250 m^3/giờ thì nước thải được bơm về hồ sự cố để lưu giữ; khi lưu lượng nước thải về nhà máy nhỏ hơn 250 m^3/giờ, chủ dự án bơm nước thải từ hồ sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp 01 trong 03 module xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được xử lý bằng các module còn lại; đồng thời, nước thải từ module bị sự cố được xả về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm nước thải đi vào hệ thống xử lý là 30%, lượng nước thải còn lại được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Nước thải sau xử lý được điều hướng, đưa về hồ sự cố cho đến khi nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Định kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; cột B, QCVN 12-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy và cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 110 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 6.000 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào (hố thu gom) của hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra (mương quan trắc) của hệ thống xử lý nước thải:

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni, màu, BOD_5, asen, thủy ngân, chì, cadimi, đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, tổng nitơ, tổng xianua, tổng phốt pho (tính theo P), clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, tổng chất rắn hòa tan, coliform, halogen hữu cơ dễ hấp thụ (AOX), dioxin.

Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT (k_q = 0,9; k_f = 0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2018/BTNMT (k = 1,0).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý chất thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với chủ dự án:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT (k_q = 0,9; k_f =0,9); cột A, QCVN 12-MT:2015/BTNMT (k_q = 0,9; k_f = 1,0) và cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (k = 1) trước khi thải ra suối Bưng Rục.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung và lưu giữ theo đúng quy định.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND ngày 26/9./2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Máy phát điện 01, công suất 80 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 800 m^3/giờ.

- Nguồn số 02: Máy phát điện 02, công suất 150 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 1.100 m^3/giờ.

- Nguồn số 03: Máy phát điện khu vực văn phòng, công suất 110 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 1.000 m^3/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Máy phát điện 01 của nhà máy xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: X = 538704, Y = 1268018 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').

- Dòng khí thải số 02: Máy phát điện 02 của nhà máy xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: X = 538709, Y = 1268054 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').

- Dòng khí thải số 03: Máy phát điện tại khu vực văn phòng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long, tọa độ vị trí xả thải: X = 538782, Y = 1269841 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15').

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 800 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.100 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, hoạt động không thường xuyên.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p = 1,0, k_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.000		
3	Lưu huỳnh dioxit, SO_2	mg/Nm^3	500		
4	Nitơ oxit, NO_2	mg/Nm^3	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (k_p = 1,0, k_v = 1,0) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND ngày 26./1./2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện 01, công suất 80 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 800 m^3/giờ.

- Nguồn số 02: Máy phát điện 02, công suất 150 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 1.100 m^3/giờ.

- Nguồn số 03: Máy phát điện khu vực văn phòng, công suất 110 KVA, sử dụng dầu DO. Lưu lượng khí thải 1.000 m^3/giờ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện 01 của nhà máy xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: X = 538704, Y = 1268018 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0$15', múi chiếu 3^0).

- Nguồn số 02: Máy phát điện 02 của nhà máy xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: X = 538709, Y = 1268054 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0$15', múi chiếu 3^0).

- Nguồn số 03: Máy phát điện tại khu vực văn phòng Khu công nghiệp Minh Hưng III – Cao su Bình Long, tọa độ vị trí xả thải: X = 538782, Y = 1269841 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $106^0$15', múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với chủ dự án

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52./GPMT-UBND ngày 26/9./2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án khoảng 12 kg/tháng tương đương 144 kg/năm với thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/ bùn)	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	12	16 01 06
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn/lỏng	12	08 02 04
3	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	48	17 02 03
4	Ắc quy chì thải	Rắn	12	19 06 01
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	12	18 01 03
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	12	18 01 02
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	12	18 01 04
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thiết bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải bỏ)	Rắn	12	18 02 01
9	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	24	19 05 02
	Tổng		**144**	

Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	3.285.000

Chủ dự án tiếp tục thực hiện việc giám sát, lấy mẫu bùn thải từ trạm xử lý nước thải phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp bùn thải có kết quả phân tích không vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được thu gom, xử lý theo quy định chất thải rắn công nghiệp thông thường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	3.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, các vật dụng không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	24
2	Carton, chai nhựa, giấy văn phòng thải không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	120
Tổng			**144**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng phuy có nắp đậy, thiết bị lưu chứa hoặc vị trí lưu chứa có dán biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 39,6 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Đã xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch và tôn, mái lợp tôn, nền bê tông, có biển cảnh báo khu lưu trữ chất thải nguy

hại, thiết bị phân loại và dán mã số của từng chất thải nguy hại, có rãnh và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải lỏng...

Đối với bùn thải: Bùn thải từ module 1, module 2 và module 3 được đưa qua máy ép sau đó vận chuyển về kho chứa CTNH có diện tích khoảng 113,4 m^2 để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa nhựa dung tích 120 lít, có nắp đậy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: Các yêu cầu đối với chủ dự án

- Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .52../GPMT-UBND ngày 26/9./2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Khu công nghiệp Minh Hưng III tiếp tục đầu tư hệ thống xử lý nước thải module 4 công suất 2.550 m^3/ngày.đêm, nâng tổng công suất xử lý nước thải lên 8.550 m^3/ngày.đêm theo yêu cầu tại Công văn số 2153/UBND-KT của UBND tỉnh Bình Phước ngày 26/7/2019 về việc điều chỉnh quy trình, công nghệ xử lý nước thải so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt của Khu công nghiệp Minh Hưng III. Module 4 công suất 2.550 m^3/ngày.đêm được thiết kế dựa trên quy trình nước thải đã xây dựng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Chỉ tiếp nhận vào Khu công nghiệp Minh Hưng III các dự án đầu tư thuộc những ngành nghề đã đăng ký trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đã đăng ký trong Giấy phép môi trường này vào Khu công nghiệp Minh Hưng III, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cao su Bình Long phải báo cáo UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

2. Phải xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Nước mưa được thu gom bằng hệ thống thu gom nước mưa trên các tuyến đường: Minh Hưng – Đồng Nơ, N5, N11, Đ2, Đ4, Đ6, N13, N15 và N19 với tổng chiều dài 17.849 m, trong đó:

- Lưu vực 1: Phía Bắc đường N15, hướng dốc từ Đông Bắc xuống Tây Nam thoát bằng cống tròn BTCT D1000 – D2200, mương thoát nước B1000

với tổng chiều dài 9.167 m sau đó thoát vào 9 cửa xả xuống khe trũng vào suối Bưng Rục tại ranh phía Nam Khu công nghiệp, cụ thể:

+ Đường Minh Hưng – Đồng Nơ có chiều dài tuyến thu gom: 568 m.

+ Đường N5 có chiều dài tuyến thu gom: 1.483 m.

+ Đường N11 có chiều dài tuyến thu gom: 3.112 m.

+ Đường Đ2 có chiều dài tuyến thu gom: 1.017 m.

+ Đường Đ4 có chiều dài tuyến thu gom: 1.938 m.

+ Đường Đ6 có chiều dài tuyến thu gom: 523 m.

+ Mương thoát nước có chiều dài: 526 m.

- Lưu vực 2: Phía Nam đường N15, hướng dốc từ Đông Bắc xuống Tây Nam thoát bằng cống tròn BTCT D600 - D2200 với tổng chiều dài 8.682 m, sau đó chảy vào mương thoát nước ngoài Khu công nghiệp dẫn về suối Bưng Rục.

+ Đường N13 có chiều dài tuyến thu gom: 704 m.

+ Đường N15 có chiều dài tuyến thu gom: 1.250 m.

+ Đường N19 có chiều dài tuyến thu gom: 306 m.

+ Đường Đ2 có chiều dài tuyến thu gom: 1.068 m.

+ Đường Đ4 có chiều dài tuyến thu gom: 3.281 m.

+ Đường Đ6 có chiều dài tuyến thu gom: 1.835 m.

+ Cống thoát nước có chiều dài: 238 m.

3. Trong quá trình hoạt động, chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

4. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Đảm bảo diện tích cây xanh 33,37 ha, tỷ lệ 11,37% theo đúng quy định tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 29/01/2022 của UBND tỉnh về việc điều

chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng III - Cao su Bình Long.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp Giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra./.

PHỤ LỤC 2
BẢN VẼ LIÊN QUAN

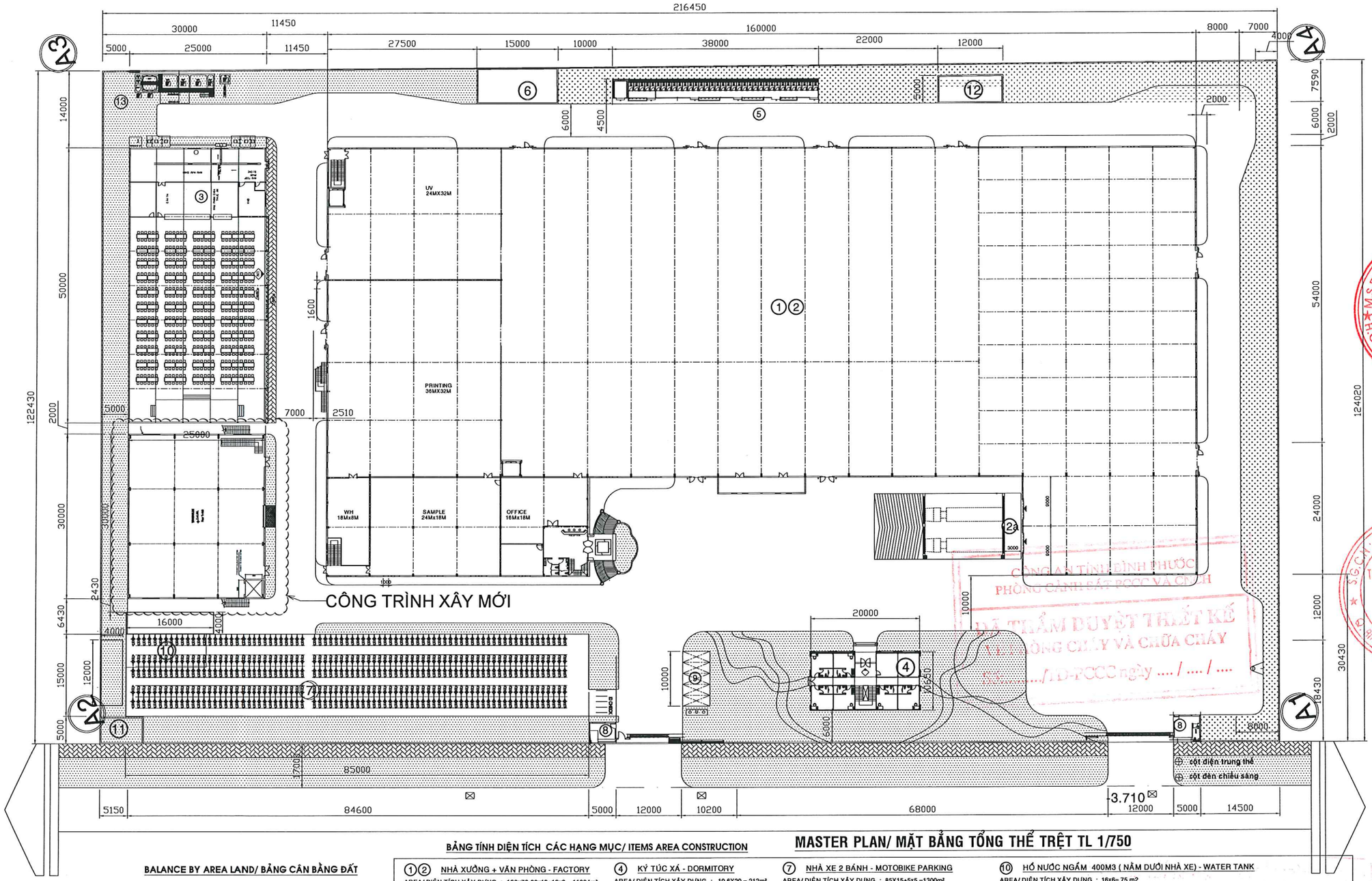

MASTER PLAN/ MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRỆT TL 1/750

BALANCE BY AREA LAND/ BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

ITEMS/ HẠNG MỤC	AREA (M2)	DENSITY (%)
- LAND AREA /TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	26.693 m2	100 %
- AREA CONS / DIỆN TÍCH XÂY DỰNG HIỆN HỮU	14.361 m2	53.8%
- AREA CONS / DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỚI	750 m2	2.82 %
- GRASS AREA/DIỆN TÍCH CÂY XANH	5707m2	21.38%
- ROAD AREA/ DIỆN TÍCH GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG CÔNG TRÌNH NGẦM	5875 m2	22 %

BẢNG TÍNH DIỆN TÍCH CÁC HẠNG MỤC/ ITEMS AREA CONSTRUCTION

①② NHÀ XƯỞNG + VĂN PHÒNG - FACTORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 160x78-80x18+16x3 = 11084m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

2a MÁI CHE CHO RAM DỐC CONTAINER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 12x5 = 60m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

③ NHÀ ĂN CÔNG NHÂN - CANTEEN
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 25X50= 1250m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.30

④ KÝ TÚC XÁ - DORMITORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10.6X20 = 212m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.450

⑤ NHÀ VỆ SINH - TOILET WORKER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 38X4.5 = 171 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑥ NHÀ BẢO TRÌ - MAINTERNANCE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X15 = 90 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑦ NHÀ XE 2 BÁNH - MOTOBIKE PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 85X15+5X5 =1300m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑧ NHÀ BẢO VỆ - GUARD HOUSE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X4X2 = 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.2

⑨ NHÀ XE HƠI - CAR PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10X5 = 50 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑩ HỒ NƯỚC NGẦM 400M3 (NẰM DƯỚI NHÀ XE) - WATER TANK
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16x6= 75 m2
THỂ TÍCH : 15x5x4.2= 400 m3

⑪ TRẠM ĐIỆN - generator
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X8= 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑫ NHÀ RÁC - WASTE STORAGE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X10= 60 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑬ HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 70M3/N-Đ
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 14x5= 70m2
THỂ TÍCH HỒ NƯỚC 14x5x3= 210 m3

⑭ NHÀ KHO 2C
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 30x25= 750m2
TẦNG CAO: 3 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH (REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ (EMPLOYER'S APPROVAL)

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor) :
S&K VINA Co.,Ltd

M.S.D.N: 3800361674 - C.T.I.N.H - CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA WOO - H. CHƠN THÀNH - T. BÌNH PHƯỚC

TL GIÁM ĐỐC (General Director)

ĐẠI DƯƠNG VIỆT NAM
67/D7 Dinh Tien Hoang(Dtu Dan Cu Mieu Hoi) Phuong 3,Quan Binh Thanh,Tp_HCM
Tel:08.2736641,082736642 Fax :08.8101837

S.S.C.M.N: 4110430006042 - Đ.T.N.G - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG ĐẠI DƯƠNG VIỆT NAM - P. BÌNH THẠNH TX. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC (Director)
KWON IK HWAN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - CHỦ TRÌ (Project Manager-Presided by)
Kts.KWON IK HWAN

THIẾT KẾ(Designed by)
Kts. Huỳnh Thanh Tòng

KIỂM (Checked by)
Ks.Trần Quốc Thành

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)
CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
ĐỊA CHỈ: LÔ D1-D2-D3-D4, KCN. MINH HƯNG - HÀN QUỐC XÃ MINH HƯNG, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC (Article)

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

TỈ LỆ (Scale)
A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)

CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC - PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU HỘ - ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY - Số: ..../TD-PCCC ngày .... / .... / ....

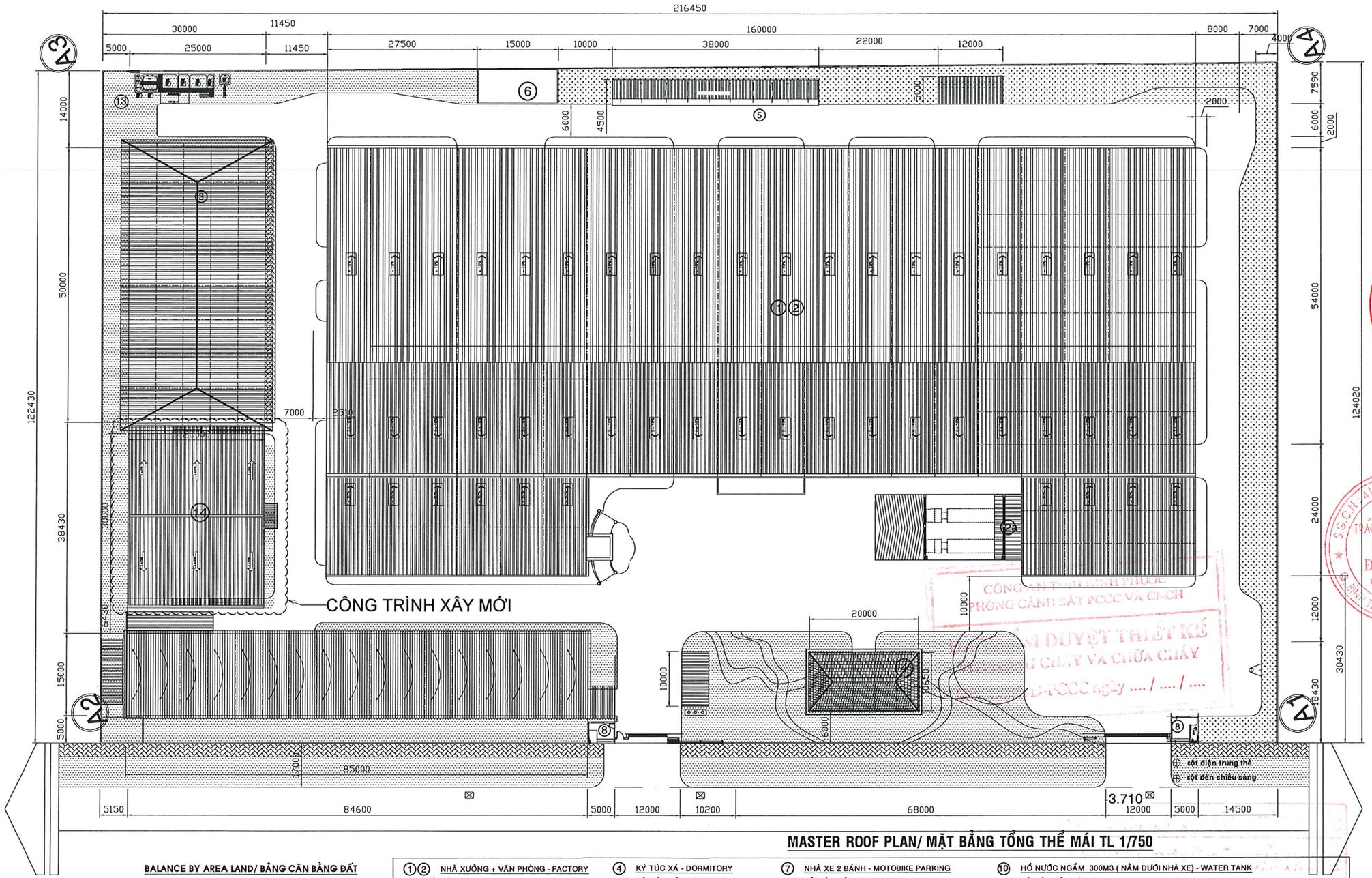

MASTER ROOF PLAN/ MẶT BẰNG TỔNG THỂ MÁI TL 1/750

BALANCE BY AREA LAND/ BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

ITEMS/ HẠNG MỤC	AREA (M2)	DENSITY (%)
- LAND AREA /TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	26.693 m2	100 %
- AREA CONS / DIỆN TÍCH XÂY DỰNG HIỆN HỮU	14.361 m2	53.8%
- AREA CONS / DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỚI	750 m2	2.82 %
- GRASS AREA/DIỆN TÍCH CÂY XANH	5707m2	21.38%
- ROAD AREA/ DIỆN TÍCH GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG CÔNG TRÌNH NGẦM	5875 m2	22 %

① ② NHÀ XƯỞNG + VĂN PHÒNG - FACTORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 160x78-80x18+16x3 = 11084m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

2a MÁI CHE CHO RAM DỐC CONTAINER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 12x5 = 60m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

③ NHÀ ĂN CÔNG NHÂN - CANTEEN
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 25X50= 1250m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.30

④ KÝ TÚC XÁ - DORMITORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10.6X20 = 212m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.450

⑤ NHÀ VỆ SINH - TOILET WORKER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 38X4.5 = 171 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑥ NHÀ BẢO TRÌ - MAINTERNANCE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X15 = 90 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑦ NHÀ XE 2 BÁNH - MOTOBIKE PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 85X15+5X5 =1300m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑧ NHÀ BẢO VỆ - GUARD HOUSE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X4X2 = 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.2

⑨ NHÀ XE HƠI - CAR PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10X5 = 50 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑩ HỒ NƯỚC NGẦM 300M3 (NẰM DƯỚI NHÀ XE) - WATER TANK
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 15x5= 75 m2
THỂ TÍCH : 15x5x4= 300 m3

⑪ TRẠM ĐIỆN - generator
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X8= 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑫ NHÀ RÁC - WASTE STORAGE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X10= 60 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑬ HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 70M3/N-Đ
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 14x5= 70m2
THỂ TÍCH HỒ NƯỚC 14x5x3= 210 m3

⑭ NHÀ KHO 2C
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 30x25= 750m2
TẦNG CAO: 3 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

HIỆU CHỈNH VÀ HOÀN THÀNH
(REVISION AND COMPLETION DATE)

LOẠI HỒ SƠ (ISSUED FOR)

THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐ YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐ REFERENCE
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	☐ AS-BUILT

THỎA THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
(EMPLOYER'S APPROVAL)

CHỦ ĐẦU TƯ (Investor) :
S&K VINA Co., Ltd
T.GIÁM ĐỐC (General Director)

ĐẠI DƯƠNG VIỆT NAM
47/07,Đinh Tiên Hoàng,Dãy Dan Cư Mieu Noỉ
Phường 3,Quận Bình Thạnh,Tp_HCM
Tel :08.2736641,0937334442 Fax :08.3101837

GIÁM ĐỐC (Director)
KWON IK HWAN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - CHỦ TRÌ
(Project Manager-Presided by)
Kts.KWON IK HWAN

THIẾT KẾ(Designed by)
Kts. Huỳnh Thanh Tòng

KIỂM (Checked by)
Ks.Trần Quốc Thành

TÊN CÔNG TRÌNH (Project Title)
CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
ĐỊA CHỈ: LÔ 21-01-02-04, KCN. MINH HƯNG - HÀN QUỐC XÃ MINH HƯNG, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC (Article)

TÊN BẢN VẼ (Drawing Title)

TỈ LỆ (Scale)
A1: A3:

KÝ HIỆU (Drawing No.)

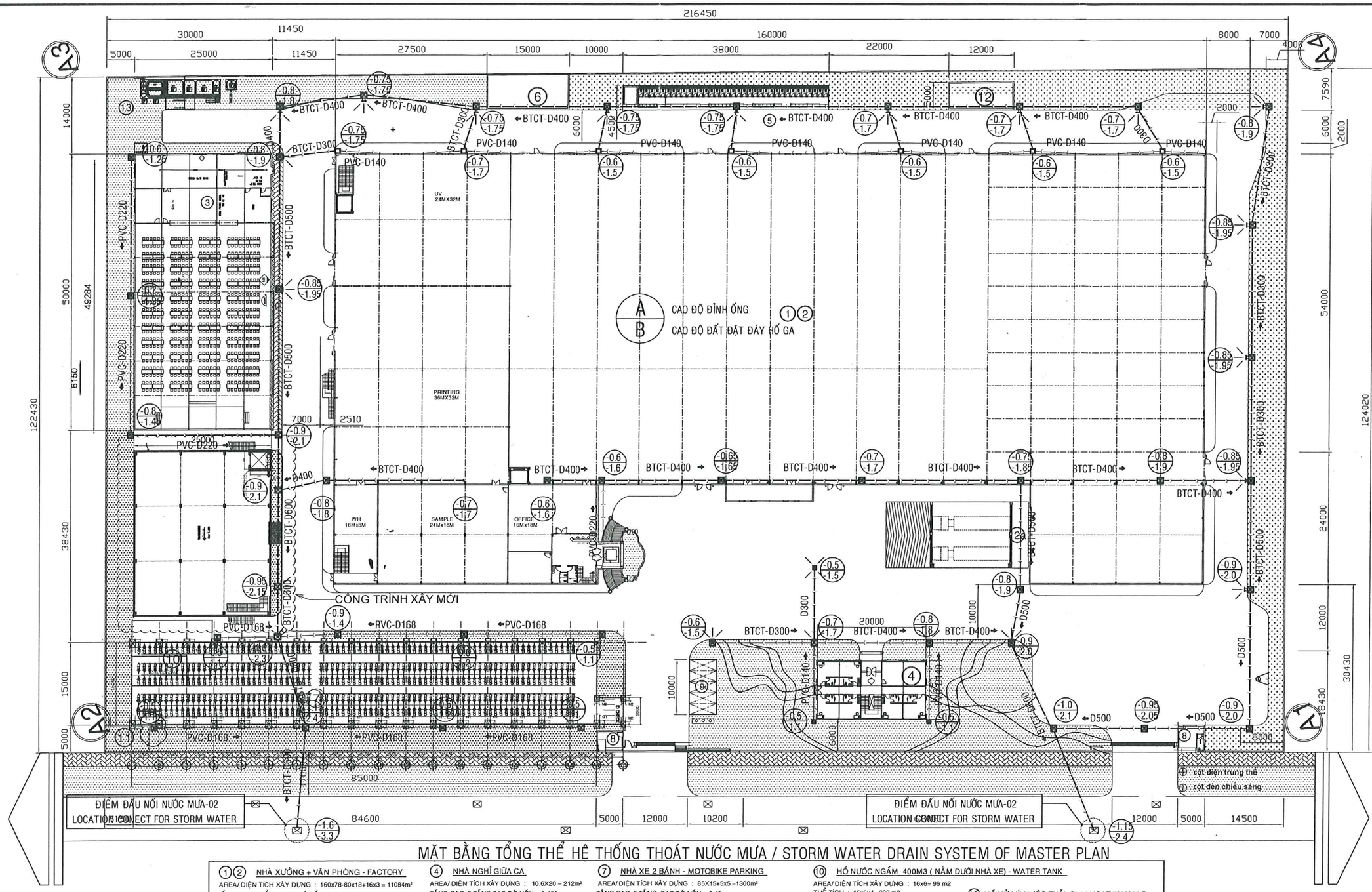

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA / STORM WATER DRAIN SYSTEM OF MASTER PLAN

1 2 NHÀ XƯỞNG + VĂN PHÒNG - FACTORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 160x78-80x18+16x3 = 11084m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

2a MÁI CHE CHO RAM DỐC CONTAINER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 12x5 = 60m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

3 NHÀ ĂN CÔNG NHÂN - CANTEEN
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 25X50= 1250m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.30

4 NHÀ NGHỈ GIỮA CA
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10.6X20 = 212m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.450

5 NHÀ VỆ SINH - TOILET WORKER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 38X4.5 = 171 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

6 NHÀ BẢO TRÌ - MAINTERNANCE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X15 = 90 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

7 NHÀ XE 2 BÁNH - MOTOBIKE PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 85X15+5x5 =1300m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

8 NHÀ BẢO VỆ - GUARD HOUSE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X4X2 = 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.2

9 NHÀ XE HƠI - CAR PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16X6 =96 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

10 HỒ NƯỚC NGẦM 400M3 (NẰM DƯỚI NHÀ XE) - WATER TANK
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16x6= 96 m2
THỂ TÍCH : 15x5x4= 300 m3

11 TRẠM ĐIỆN - generator
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X8= 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

12 NHÀ RÁC - WASTE STORAGE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X10= 60 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

13 HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 70M3/N-Đ
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 14x5= 70m2
THỂ TÍCH HỒ NƯỚC 14x5x3= 210 m3

14 NHÀ XƯỞNG 2C
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 30x25= 750m2
TẦNG CAO. 3 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - XÂY DỰNG
MINH TRẦN
Đ/C: 176 NGUYỄN VĂN LƯỢNG - P17 - Q. GÒ VẤP - TP.HCM
ĐT: 08-2.578756 / 08-2.578757 - FAX: 08-2.578758

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ / PRESIDED - DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN
KS. TRẦN MINH TRÍ	KTS. NGUYỄN THÀNH VŨ	KS. HỒ BẢO QUỐC	KS. HỒ BẢO QUỐC

PROJECT/DỰ ÁN:
NHÀ XƯỞNG S&K - S&K FACTORY
LOCATION/ĐỊA ĐIỂM:
MINH HUNG INDUSTRIAL PARK - BINH PHUOC PROVINCE - VIET NAM
ITEM/HẠNG MỤC:
PLUMBING SYSTEM - HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
CÔNG TY TNHH
S&K VINA

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
KIM DONG WOO

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
STORM WATER DRAIN SYSTEM
OF MASTER PLAN

T.K.K.T
REVISION 01
PHÁT HÀNH: 03/2019
CTN 01/20

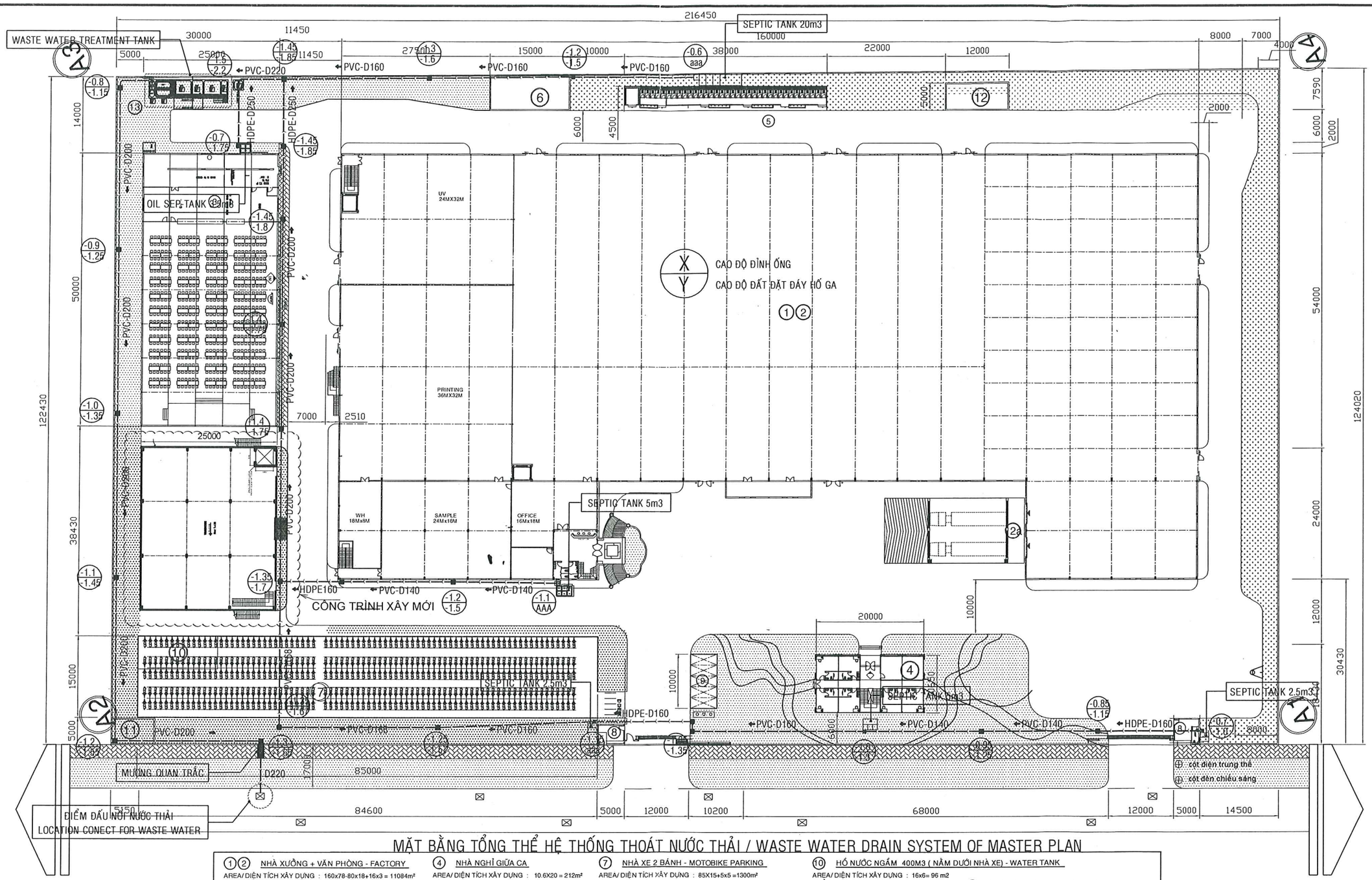

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI / WASTE WATER DRAIN SYSTEM OF MASTER PLAN

①② NHÀ XƯỞNG + VĂN PHÒNG - FACTORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 160x78-80x18+16x3 = 11084m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

2a MÁI CHE CHO RAM DỐC CONTAINER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 12x5 = 60m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

③ NHÀ ĂN CÔNG NHÂN - CANTEEN
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 25X50= 1250m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.30

④ NHÀ NGHỈ GIỮA CA
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10.6X20 = 212m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.450

⑤ NHÀ VỆ SINH - TOILET WORKER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 38X4.5 = 171 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑥ NHÀ BẢO TRÌ - MAINTERNANCE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X15 = 90 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑦ NHÀ XE 2 BÁNH - MOTOBIKE PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 85X15+5x5 =1300m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑧ NHÀ BẢO VỆ - GUARD HOUSE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X4X2 = 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.2

⑨ NHÀ XE HƠI - CAR PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16X6 =96 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑩ HỒ NƯỚC NGẦM 400M3 (NẰM DƯỚI NHÀ XE) - WATER TANK
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16x6= 96 m2
THỂ TÍCH : 15x5x4= 300 m3

⑪ TRẠM ĐIỆN - generator
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X8= 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑫ NHÀ RÁC - WASTE STORAGE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X10= 60 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑬ HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 70M3/N-Đ
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 14x5= 70m2
THỂ TÍCH HỒ NƯỚC 14x5x3= 210 m3

⑭ NHÀ XƯỞNG 2C
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 30x25= 750m2
TẦNG CAO: 3 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - XÂY DỰNG
MINH TRẦN
Đ/C: 176 NGUYỄN VĂN LƯỢNG - P17 - Q. GÒ VẤP - TP.HCM
ĐT: 08-2.578756 / 08-2.578757 - FAX: 08-2.578758

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ / PRESIDED - DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN	THIẾT KẾ / DESIGN
KS. TRẦN MINH TRÍ	KTS. NGUYỄN THÀNH VŨ	KS. HỒ BẢO QUỐC	KS. HỒ BẢO QUỐC

PROJECT/DỰ ÁN:
NHÀ XƯỞNG S&K - S&K FACTORY
LOCATION/ĐỊA ĐIỂM:
MINH HUNG INDUSTRIAL PARK - BINH PHUOC PROVINCE - VIET NAM
ITEM/HẠNG MỤC:
PLUMBING SYSTEM - HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC SINH HOẠT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
CÔNG TY TNHH S&K VINA

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
KIM DONG WOO

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
WASTE WATER DRAIN SYSTEM OF MASTER PLAN

T.K.K.T
REVISION 01
PHÁT HÀNH: 03/2019
CTN 02/20

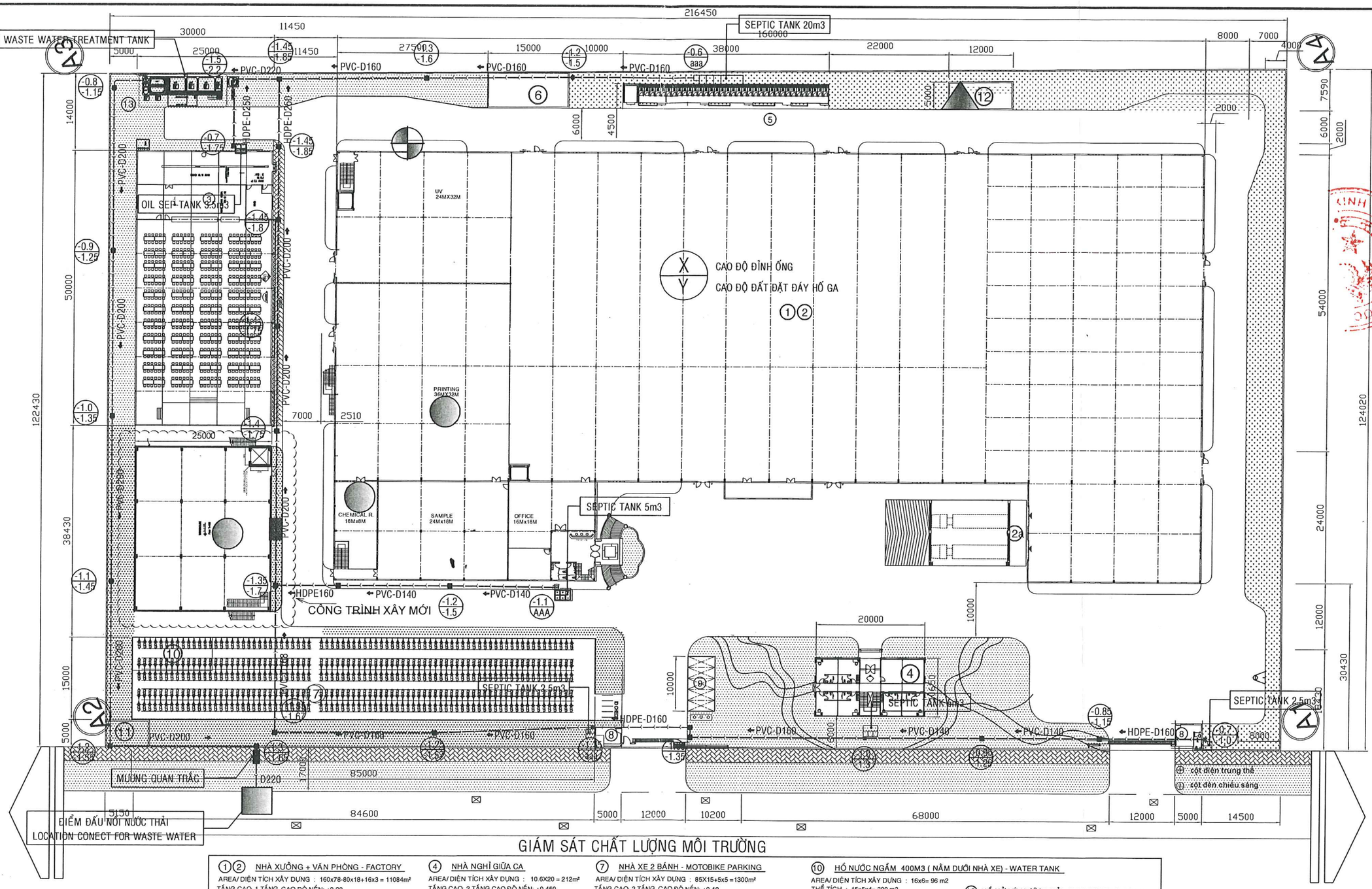

GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

①② NHÀ XƯỞNG + VĂN PHÒNG - FACTORY
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 160x78-80x18+16x3 = 11084m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

2a MÁI CHE CHO RAM DỐC CONTAINER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 12x5 = 60m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

③ NHÀ ĂN CÔNG NHÂN - CANTEEN
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 25X50= 1250m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.30

④ NHÀ NGHỈ GIỮA CA
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 10.6X20 = 212m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.450

⑤ NHÀ VỆ SINH - TOILET WORKER
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 38X4.5 = 171 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑥ NHÀ BẢO TRÌ - MAINTERNANCE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X15 = 90 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑦ NHÀ XE 2 BÁNH - MOTOBIKE PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 85X15+5x5 =1300m²
TẦNG CAO: 2 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑧ NHÀ BẢO VỆ - GUARD HOUSE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X4X2 = 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.2

⑨ NHÀ XE HƠI - CAR PARKING
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16X6 =96 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.10

⑩ HỐ NƯỚC NGẦM 400M3 (NẰM DƯỚI NHÀ XE) - WATER TANK
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 16x6= 96 m2
THỂ TÍCH : 15x5x4= 300 m3

⑪ TRẠM ĐIỆN - generator
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 5X8= 40 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑫ NHÀ RÁC - WASTE STORAGE
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG : 6X10= 60 m²
TẦNG CAO: 1 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

⑬ HỐ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT 70M3/N-Đ
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 14x5= 70m2
THỂ TÍCH HỐ NƯỚC 14x5x3= 210 m3

⑭ NHÀ XƯỞNG 2C
AREA/ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 30x25= 750m2
TẦNG CAO: 3 TẦNG CAO ĐỘ NỀN: +0.20

KK - Vị trí giám sát không khí
KT - Vị trí giám sát khí thải
NT - Vị trí giám sát nước thải
CTR - Vị trí giám sát CTR

PROJECT/DỰ ÁN:
NHÀ XƯỞNG S&K - S&K FACTORY
LOCATION/ĐỊA ĐIỂM:
MINH HUNG INDUSTRIAL PARK - BINH PHUOC PROVINCE - VIET NAM

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
CÔNG TY TNHH S&K VINA

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR
KIM DONG WOO

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
WASTE WATER DRAIN SYSTEM OF MASTER PLAN

T.K.K.T
REVISION 01
PHÁT HÀNH: 01/2021
CTN 02/20

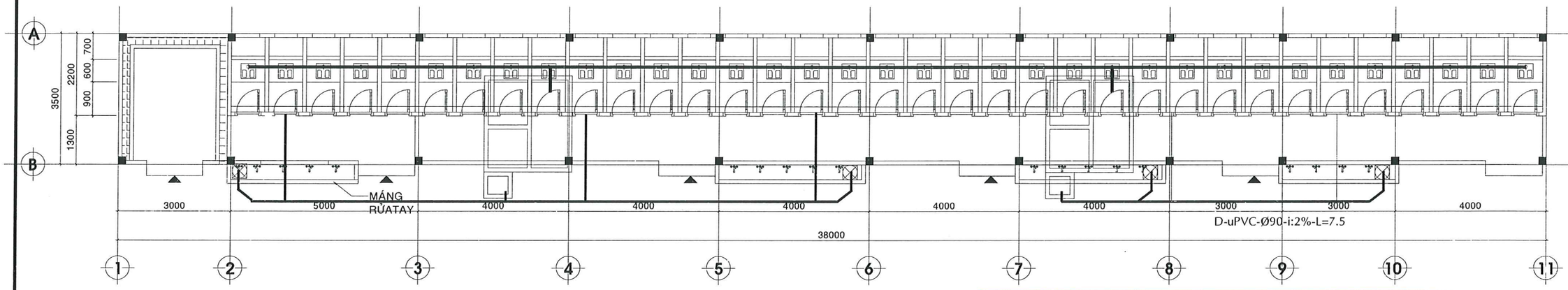

MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC THẢI VÀO HẦM TỰ HOẠI TL :1/100

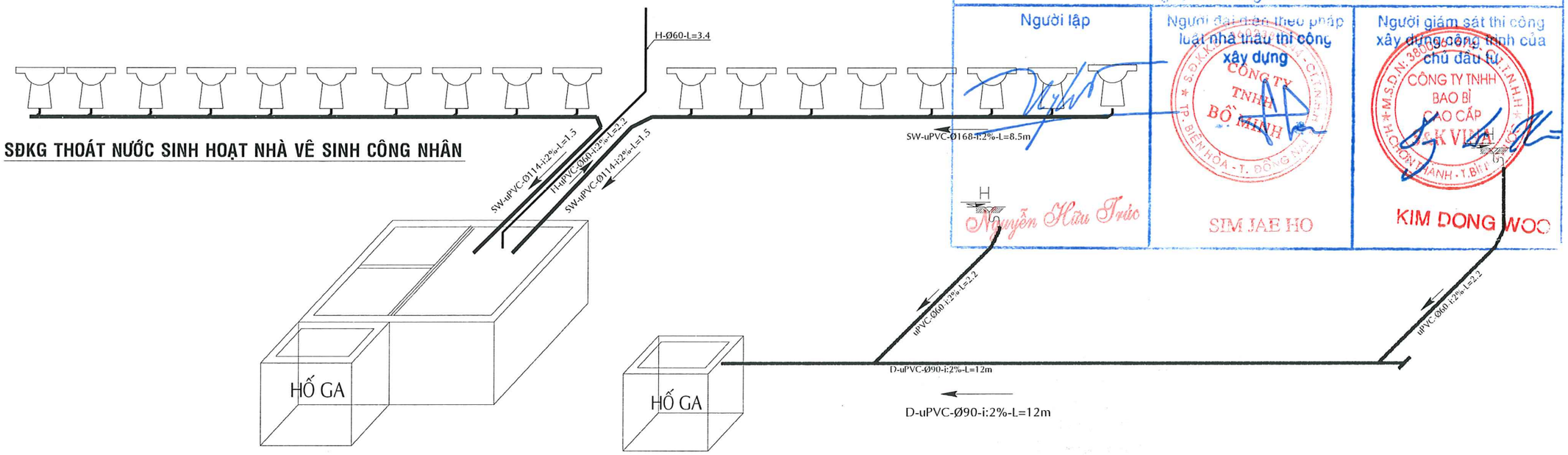

SĐKG THOÁT NƯỚC SINH HOẠT NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN

CÔNG TY TNHH BỒ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trúc	SIM JAE HO	KIM DONG WOO

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - XÂY DỰNG MINH TRẦN Văn phòng : Số 176 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM Tel : (08). 62 578 756 - 57 Fax : (08) 62 578 758	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QLKT / TECHNICAL MANAGER	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ / PRESIDED - DESIGN	VẼ / DRAWN	PROJECT/DỰ ÁN: NHÀ XƯỞNG - FACTORY LOCATION/ĐỊA ĐIỂM: MINH HUNG INDUSTRIAL PARK, BINH PHUOC PROVENCE ITEM/HẠNG MỤC:	CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE	T.K.K.T PHÁT HÀNH: 01/2019 KT
	KS. TRẦN MINH TRÍ	KS. NG PHƯỚC VĨNH HOÀNG	KTS. NGUYỄN THÀNH VŨ	KTS. VÕ ĐỨC HÙNG		CÔNG TY TNHH S&K VINA	.....		

CÔNG TY TNHH BỒ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người lập	Người lắp đặt nhà thầu thi công xây dựng	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trác	SIM JAE HO	KIM DONG WOO

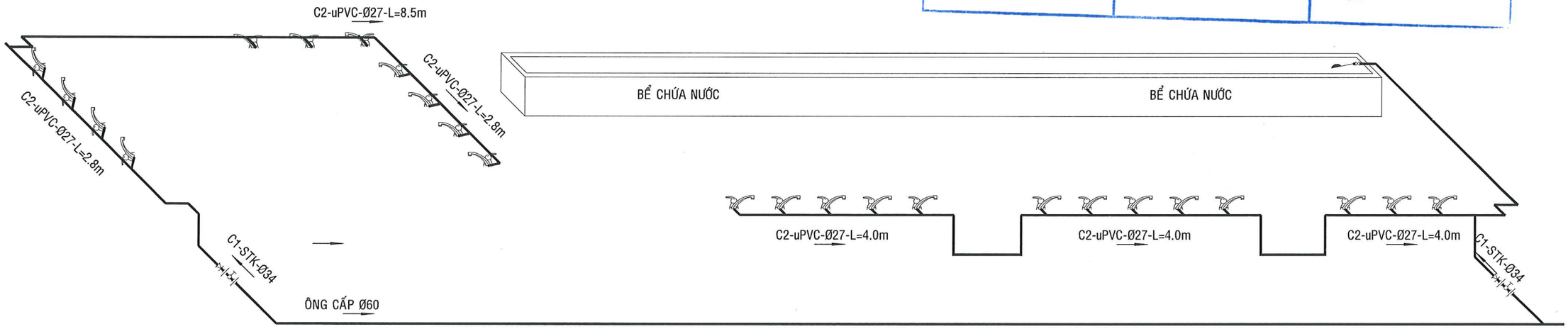

SĐKG CẤP NƯỚC TẦNG TRỆT

TL 1/50

SƠ ĐỒ MINH HỌA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - XÂY DỰNG MINH TRẦN Văn phòng : Số 176 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM Tel : (08). 62 578 756 - 57 Fax : (08) 62 578 758	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QLKT / TECHNICAL MANAGER	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ / PRESIDED - DESIGN	VẼ / DRAWN	PROJECT/DỰ ÁN: NHÀ XƯỞNG - FACTORY LOCATION/ĐỊA ĐIỂM: MINH HUNG INDUSTRIAL PARK, BINH PHUOC PROVENCE ITEM/HẠNG MỤC:	CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE	T.K.K.T PHÁT HÀNH: 01/2019 KT
	KS. TRẦN MINH TRÍ	KS. NG PHƯỚC VĨNH HOÀNG	KTS. NGUYỄN THÀNH VŨ	KTS. VÕ ĐỨC HÙNG		CÔNG TY TNHH S&K VINA	----------		

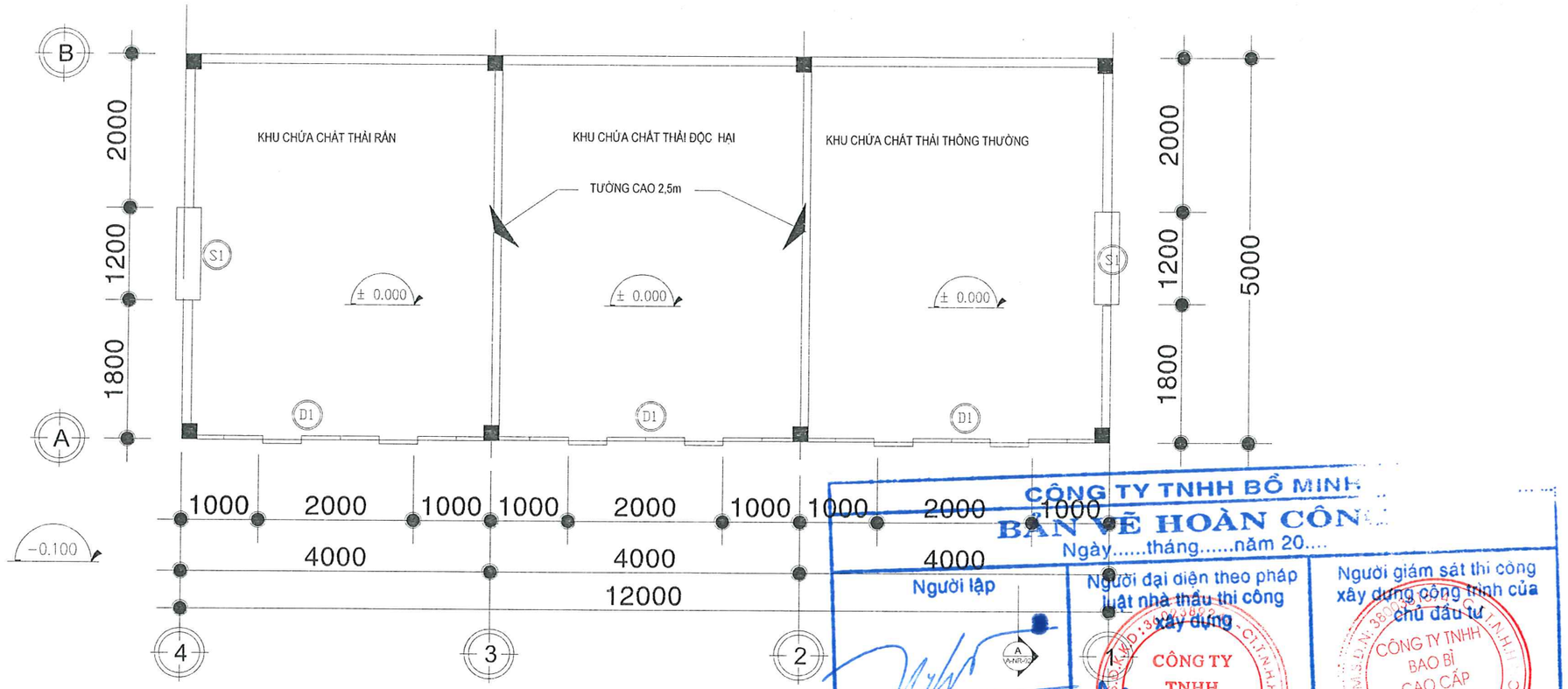

MẶT BẰNG TRỆT NHÀ RÁC

TL:1/50

CÔNG TY TNHH BỒ MINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trúc	CÔNG TY TNHH BỒ MINH	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
	SIM JAE HO	KIM DONG WOO

N1
- Bê tông dày 100mm
- Lớp PVC
- Đá 4-6, 0-4, dày 100mm
- Đất đầm chặt

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - XÂY DỰNG MINH TRẦN Văn phòng : Số 176 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM Tel : (08). 62 578 756 - 57 Fax : (08) 62 578 758	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	QLKT / TECHNICAL MANAGER	CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ / PRESIDED - DESIGN	VẼ / DRAWN	PROJECT/DỰ ÁN: NHÀ XƯỞNG - FACTORY LOCATION/ĐỊA ĐIỂM:	CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER	GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITTLE	T.K.K.T
	KS. TRẦN MINH TRÍ	KS. NG PHƯỚC VĨNH HOÀNG	KTS. NGUYỄN THÀNH VŨ	KTS. VÕ ĐỨC HÙNG	ITEM/HẠNG MỤC: NHÀ RÁC	CÔNG TY TNHH S&K VINA		MẶT BẰNG TRỆT NHÀ RÁC	BAN HÀNH: 04/2018 KT 01/05

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

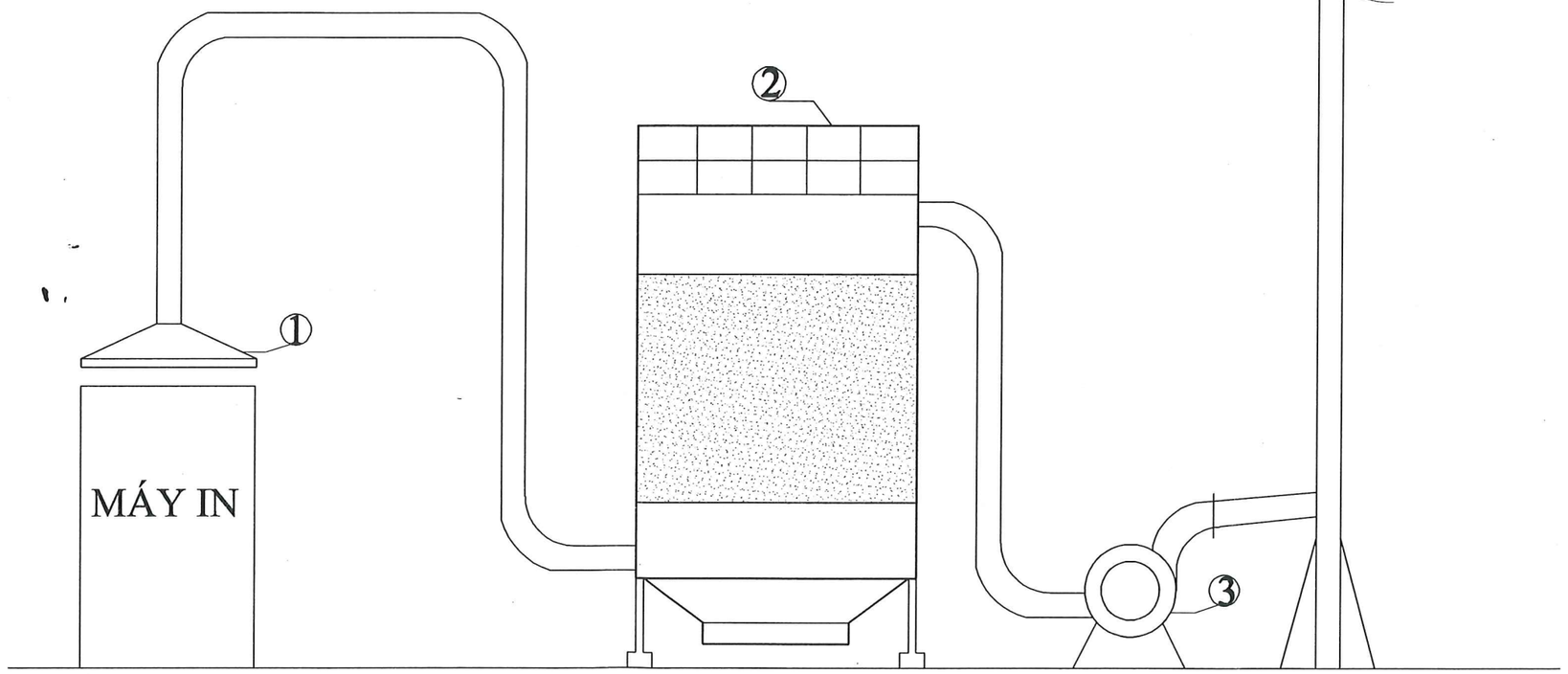

GHI CHÚ :	STT	HẠNG MỤC	CHỦ ĐẦU TƯ	QUẢN LÝ KỸ THUẬT			DỰ ÁN	THIẾT KẾ, CUNG CẤP LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ THẢI SGK	HỒ SƠ THIẾT KẾ
	①	Chụp hút : 640 x 800 x 1850 (mm)	CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP SGK VINA						XLKT/0619
	②	HTXL hơi dung môi (Chứa than Hoạt tính)	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			TÊN BẢN VẼ	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	BẢN VẼ SỐ / TỔNG SỐ BV
	③	Quạt hút : Lưu Lượng 1200 - 1500 m³/h		THỂ HIỆN					NGÀY HT 01 - 2019
	④	Ống khói : H= 12m ; Φ = 300	DONG WOO						BIỂU MẪU KTC0001-4

BẢN VẼ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
WASTE WATER TREATMENT SYSTEM

CÔNG TY TNHH BỐ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người lập	Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trúc	SIM JAE HO	KIM DONG WOO

CÔNG TY TNHH BỒ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

Người lập

Nguyễn Hữu Trúc

Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng

CÔNG TY TNHH BỒ MINH

SIM TAE HO

Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư

CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP SERVINA

KIM DONG WOO

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K

Q = 70 M^3/NGÀY.ĐÊM

TỶ LỆ: 1/75

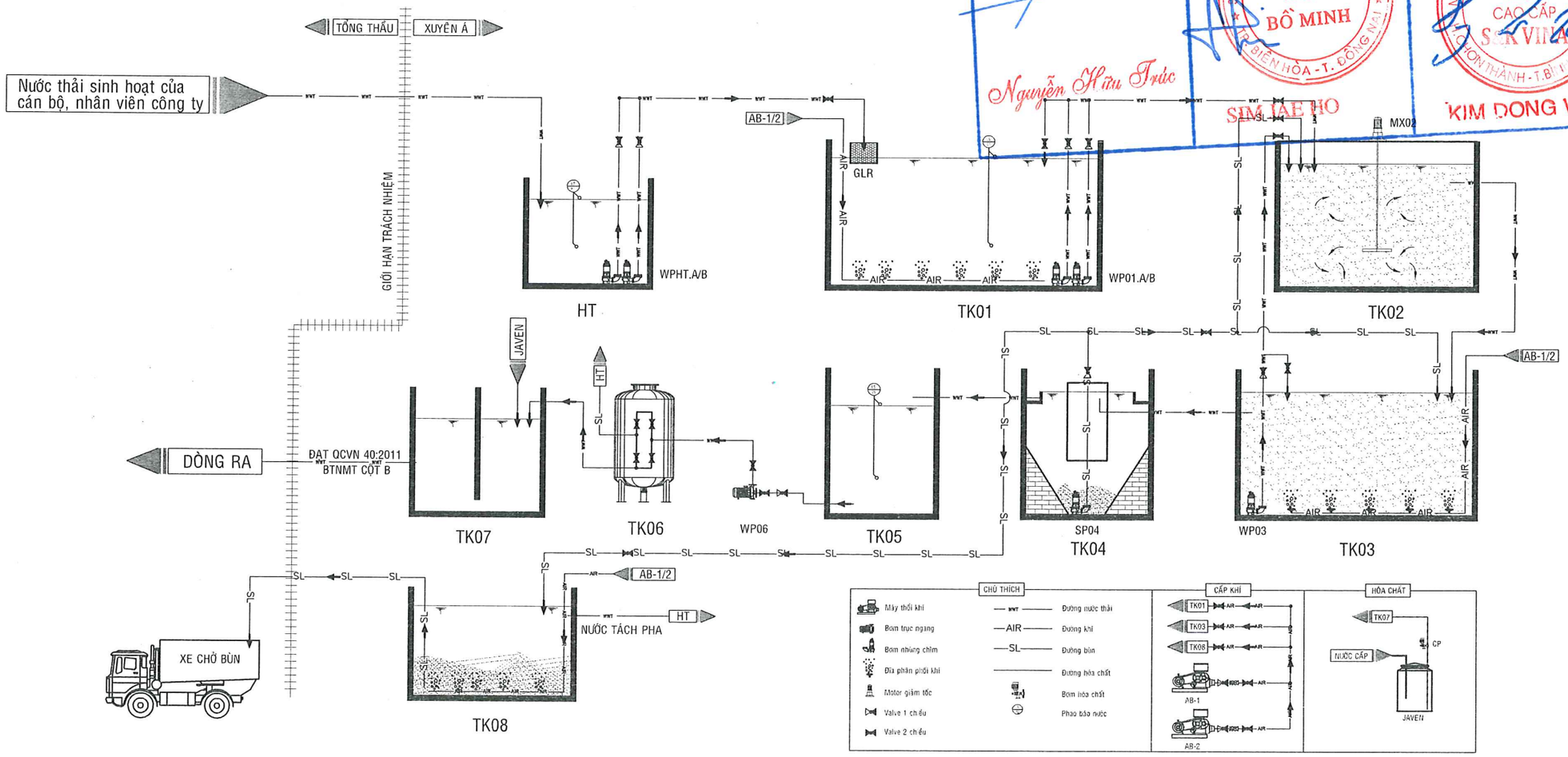

KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU	KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
HT	Bể tiếp nhận	LxBxH = 1.5 x1.5 x 2.0 (-2.0; +0.2)	BTCT, M250	TK05	Bể trung gian	LxBxH = 1.2 x 0.8 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK01	Bể điều hòa	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK06	Bể lọc áp lực	DxH = 0.63 x 2.5 (+0.2; +2.7)	Inox SUS 304
TK02	Bể anoxic	LxBxH = 3.0 x 2.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-A	Bể khử trùng ngăn A	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK03	Bể aerotank	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-B	Bể khử trùng ngăn B	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK04	Bể lắng sinh học	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK08	Bể phân hủy bùn	LxBxH = 3.0 x 1.0 x 3.5 (-2.0;+1.5)	BTCT, M250

GHI CHÚ:

STT	NGÀY HC	ĐIỀU CHỈNH	NGƯỜI CHỈNH

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG MINH TRẦN

GIÁM ĐỐC

TRẦN MINH TRÍ

NHÀ THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XUYÊN Á

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN THẠCH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN THẠCH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. TRẦN QUỐC ĐỊNH	
THỂ HIỆN	KS. ĐINH THỊ NGỌC ANH	

DỰ ÁN: THIẾT KẾ, CUNG CẤP LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀ VẬN HÀNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K
CÔNG SUẤT: Q = 70 M^3/NGÀY, ĐẠT QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT B
ĐỊA ĐIỂM: KCN MINH HƯNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXL NƯỚC THẢI STP S&K

HỒ SƠ THIẾT KẾ: XA-KT-HSCG/0819

BẢN VẼ SỐ: CN-01

TỔNG SỐ BV:

NGÀY HT: 01 - 2019

BIỂU MẪU: BM-QT/KTCN01-4

BỐ TRÍ CAO TRÌNH THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K

Q = 70 M^3/NGÀY.ĐÊM

TỶ LỆ: 1/75

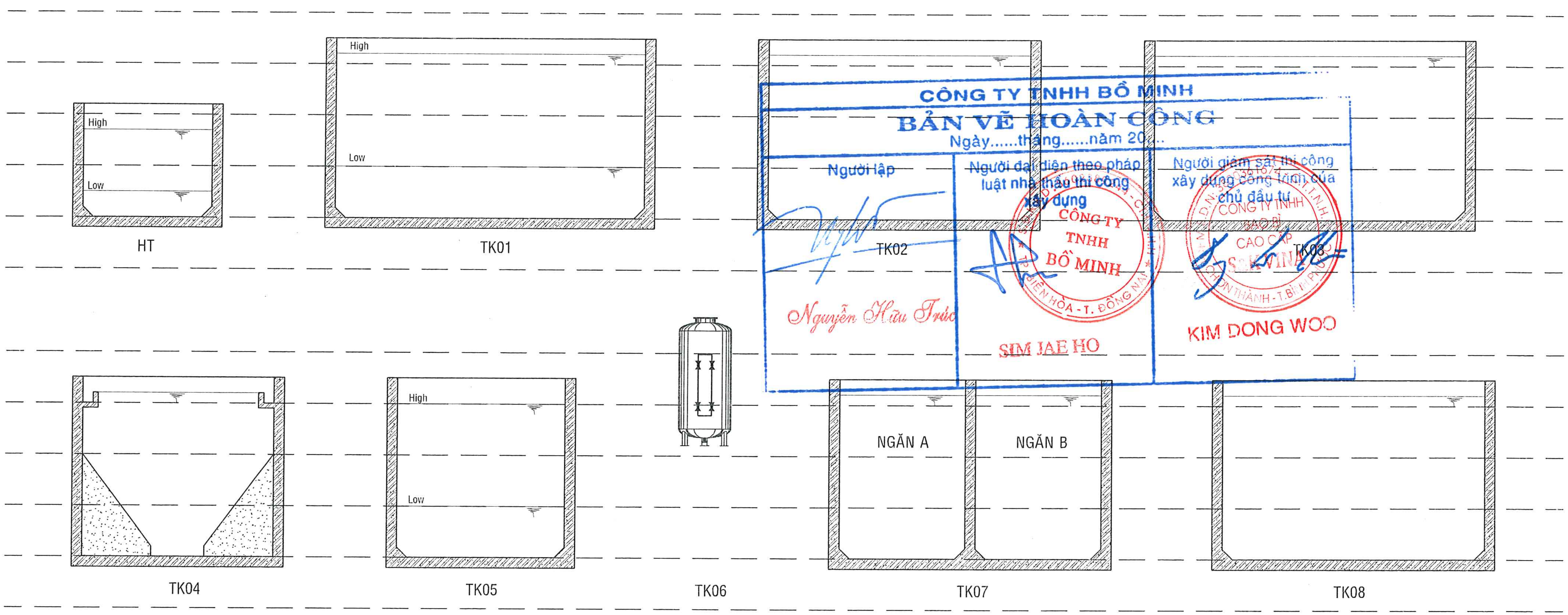

CÔNG TY TNHH BỔ MINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày......tháng......năm 20...

Người lập	Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trúc	SIM JAE HO	KIM DONG WOO

KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU	KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
HT	Bể tiếp nhận	LxBxH = 1.5 x1.5 x 2.0 (-2.0; +0.2)	BTCT, M250	TK05	Bể trung gian	LxBxH = 1.2 x 0.8 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK01	Bể điều hòa	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK06	Bể lọc áp lực	DxH = 0.63 x 2.5 (+0.2; +2.7)	Inox SUS 304
TK02	Bể anoxic	LxBxH = 3.0 x 2.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-A	Bể khử trùng ngăn A	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK03	Bể aerotank	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-B	Bể khử trùng ngăn B	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK04	Bể lắng sinh học	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK08	Bể phân hủy bùn	LxBxH = 3.0 x 1.0 x 3.5 (-2.0;+1.5)	BTCT, M250

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ	NHÀ THẦU			DỰ ÁN	
CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG MINH TRẦN	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XUYÊN Á	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN VĂN THẠCH		THIẾT KẾ, CUNG CẤP LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀ VẬN HÀNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. TRẦN QUỐC ĐỊNH	TÊN BẢN VẼ	BỐ TRÍ CAO TRÌNH HTXL NƯỚC THẢI STP S&K
TRẦN MINH TRÍ	NGUYỄN VĂN THẠCH	THỂ HIỆN	KS. ĐINH THỊ NGỌC ANH		

HỒ SƠ THIẾT KẾ: XA-KT-HSCG/0819
BẢN VẼ SỐ: XD-CN-02
NGÀY HT: 01 - 2019
BIỂU MẪU: BM-QT/KTCN01-4

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K

Q = 70 M^3/NGÀY.ĐÊM

TỶ LỆ: 1/50

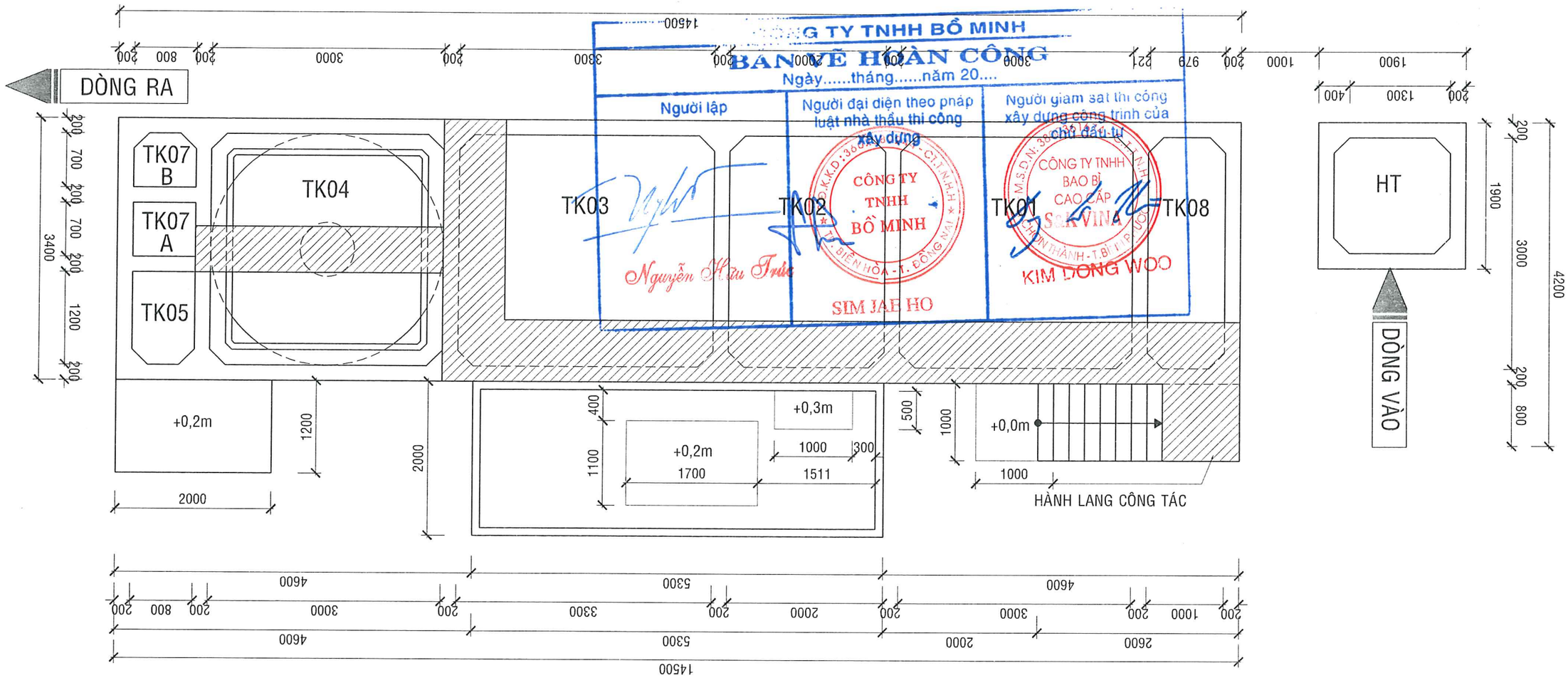

KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU	KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
HT	Bể tiếp nhận	LxBxH = 1.5 x1.5 x 2.0 (-2.0; +0.2)	BTCT, M250	TK05	Bể trung gian	LxBxH = 1.2 x 0.8 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK01	Bể điều hòa	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK06	Bể lọc áp lực	DxH = 0.63 x 2.5 (+0.2; +2.7)	Inox SUS 304
TK02	Bể anoxic	LxBxH = 3.0 x 2.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-A	Bể khử trùng ngăn A	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK03	Bể aerotank	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-B	Bể khử trùng ngăn B	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK04	Bể lắng sinh học	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK08	Bể phân hủy bùn	LxBxH = 3.0 x 1.0 x 3.5 (-2.0;+1.5)	BTCT, M250

CÔNG TY TNHH BỒ MINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20....
Người lập
Người đại diện theo pháp luật nhà thầu thi công xây dựng
Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư
Nguyễn Hữu Trúc
CÔNG TY TNHH BỒ MINH
SIM JAE HO
CÔNG TY TNHH BAO BÌ CAO CẤP S&K VINA
KIM DONG WOO

HỒ SƠ THIẾT KẾ XA-KT-HSCG/0819	THIẾT KẾ, CUNG CẤP LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀ VẬN HÀNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K	DU ÁN		KS. NGUYỄN VĂN THẠCH	CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG MINH TRẦN	NGƯỜI CHÍNH	BIỂU CHÍNH	NGÀY HC	STT	GHI CHÚ:
XD-CN-04	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HTXL NƯỚC THẢI STP S&K	TÊN BẢN VẼ		KS. TRẦN QUỐC DINH	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	GIÁM ĐỐC					
NGÀY HT 01 - 2019				KS. ĐINH THỊ NGỌC ANH	THỂ HIỆN						
BIỂU MẪU BM-QT/KTCN01-4						NGUYỄN VĂN THẠCH	TRẦN MINH TRÍ				

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT S&K

Q = 70 M^3/NGÀY.ĐÊM

TỶ LỆ: 1/50

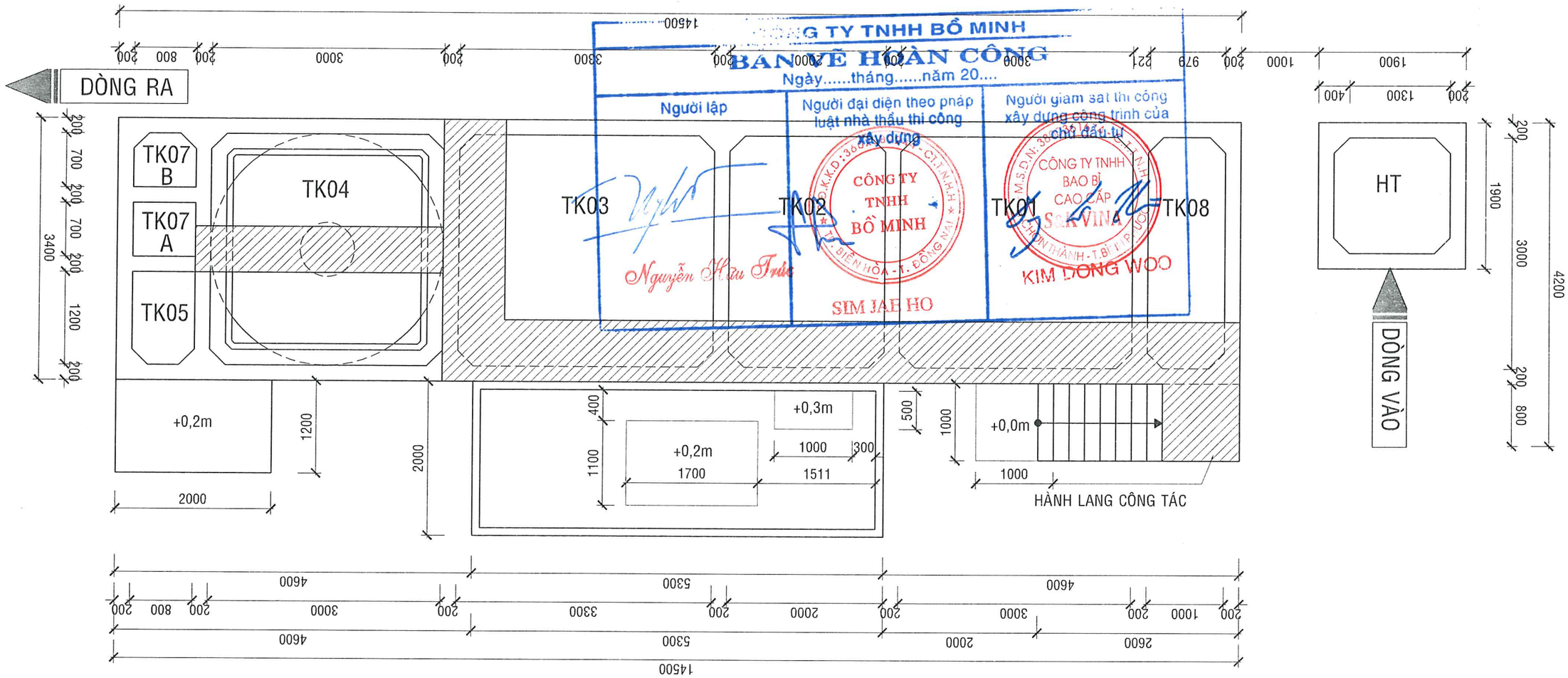

KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU	KÍ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÍCH THƯỚC (M)	VẬT LIỆU
HT	Bể tiếp nhận	LxBxH = 1.5 x1.5 x 2.0 (-2.0; +0.2)	BTCT, M250	TK05	Bể trung gian	LxBxH = 1.2 x 0.8 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK01	Bể điều hòa	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK06	Bể lọc áp lực	DxH = 0.63 x 2.5 (+0.2; +2.7)	Inox SUS 304
TK02	Bể anoxic	LxBxH = 3.0 x 2.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-A	Bể khử trùng ngăn A	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK03	Bể aerotank	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK07-B	Bể khử trùng ngăn B	LxBxH = 0.8 x 0.7 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250
TK04	Bể lắng sinh học	LxBxH = 3.0 x 3.0 x 3.5 (-2.0; +1.5)	BTCT, M250	TK08	Bể phân hủy bùn	LxBxH = 3.0 x 1.0 x 3.5 (-2.0;+1.5)	BTCT, M250

XA-KT-HSCG/0819	XD-CN-04	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HTXL NƯỚC THẢI STP S&K									
01 - 2019											
BM-QT/KTCN01-4											

Gift Bag WIP Zone

Assembly Line

SK2 - Ground Floor

NOTE

- P1-Printing,
- P1-Lami
- P2-Auto H/S
- P2-Semi H/S
- P2-Auto S/C
- P2-Semi S/C
- P2-Glitter
- P2-Cutting
- P2-CT
- P2-J CUT
- P2-Turn Top

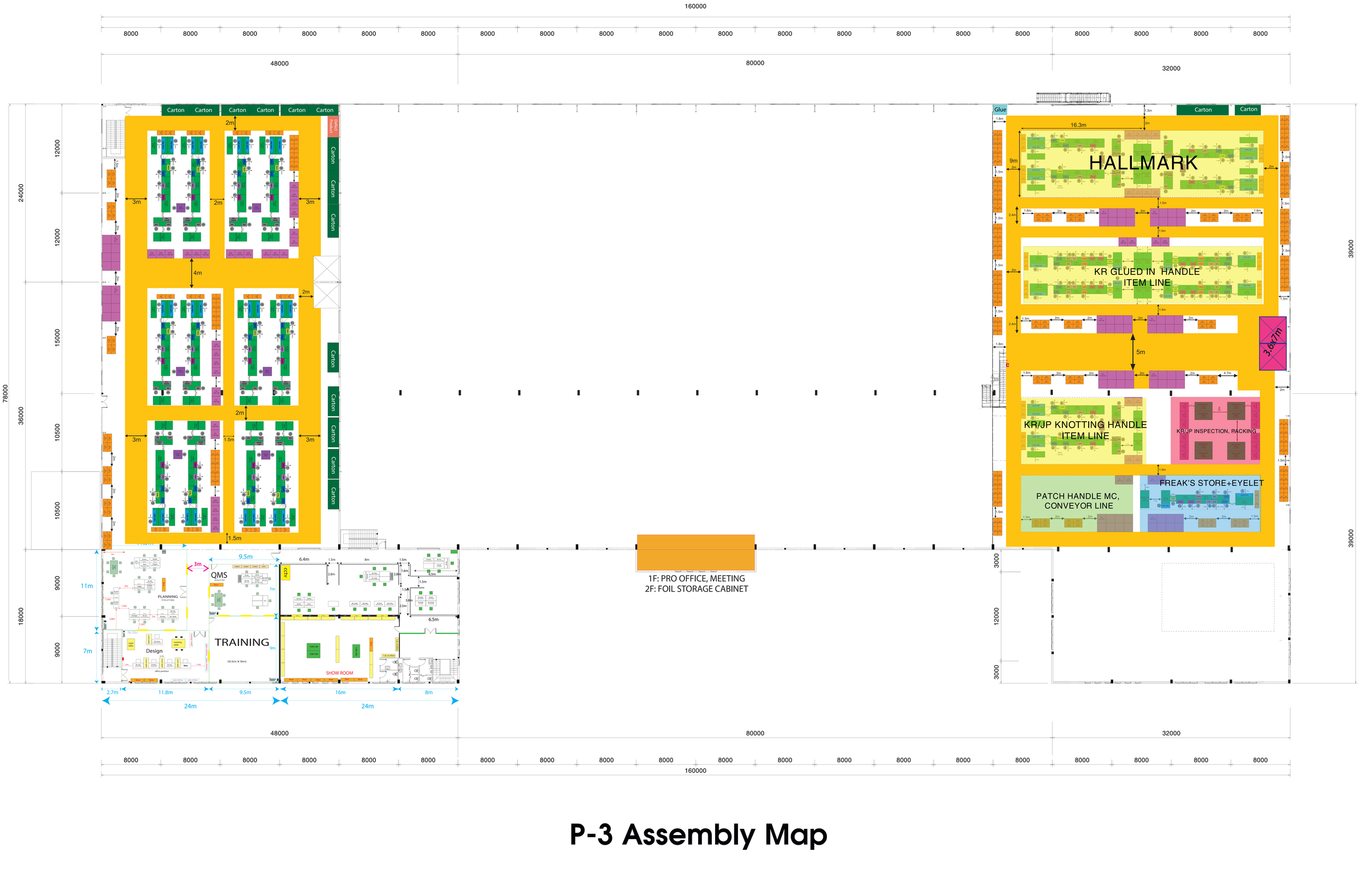

P-3 Assembly Map

SK2 - Ground Floor

NOTE

- P1-Printing,
- P1-Lami
- P2-Auto H/S
- P2-Semi H/S
- P2-Auto S/C
- P2-Semi S/C
- P2-Glitter
- P2-Cutting
- P2-CT
- P2-J CUT
- P2-Turn Top
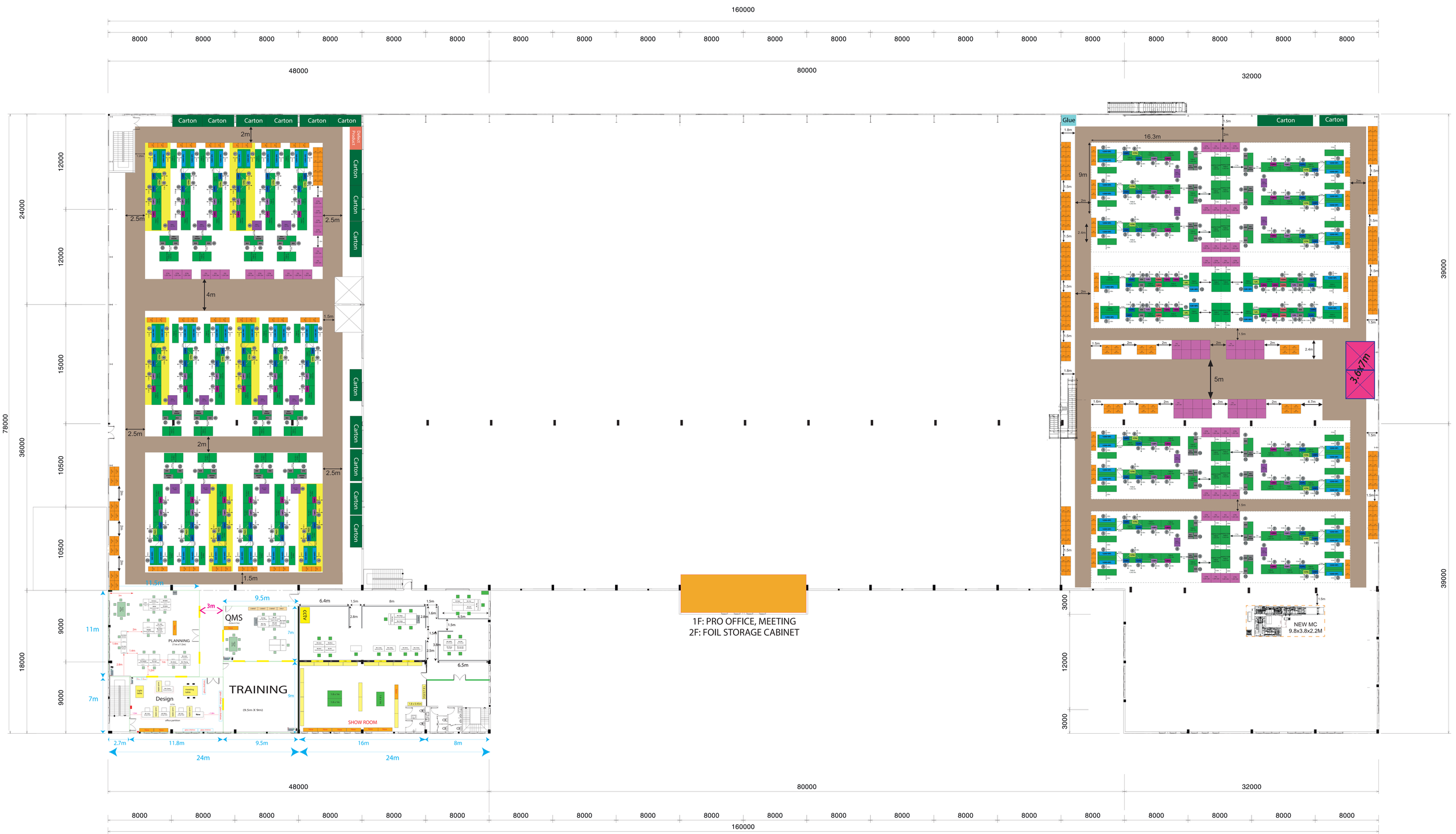
SK2 - 2ND FLOOR